

**CƠ QUAN PHÒNG CHỐNG MA TÚY  
VÀ TỘI PHẠM CỦA LIÊN HỢP QUỐC  
(UNODC)**

**BỘ TƯ PHÁP  
CỤC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

## **TÀI LIỆU**

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TRONG CÁC  
VỤ VIỆC LIÊN QUAN ĐẾN BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

*(Dành cho người thực hiện trợ giúp pháp lý)*

*Hà Nội, Tháng 3/2012*

## MỤC LỤC

	Trang
<b>LỜI GIỚI THIỆU</b> .....	4
<b>PHẦN I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ BẠO LỰC GIA ĐÌNH</b> .....	9
1. Giải thích thuật ngữ .....	10
2. Nhận thức về nguyên nhân dẫn đến tình trạng bạo lực gia đình đối với phụ nữ .....	14
3. Những lầm tưởng và quan niệm sai lệch về bạo lực gia đình.....	15
4. Vòng tròn bạo lực .....	17
5. Lý do khiến nạn nhân chấp nhận sống chung với bạo lực.....	18
6. Hậu quả của bạo lực gia đình .....	18
<b>PHẦN II. KHUNG PHÁP LÝ</b> .....	20
1. Quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý .....	22
2. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007.....	25
3. Các chế tài hình sự và hành chính .....	32
4. Các quy định có liên quan của pháp luật dân sự .....	36
<b>PHẦN III. PHƯƠNG PHÁP NHẬN DIỆN VÀ KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC CÓ DẤU HIỆU BẠO LỰC GIA ĐÌNH</b> .....	43
1. Hiểu biết của nạn nhân về bạo lực gia đình .....	45
2. Phát hiện bạo lực gia đình.....	47
a. Nạn nhân đến tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý để yêu cầu trợ giúp pháp lý trong vụ việc bạo lực gia đình.....	48
b. Phụ nữ đến yêu cầu trợ giúp pháp lý về vấn đề khác nhưng phát hiện có dấu hiệu chứng tỏ họ là nạn nhân bạo lực gia đình .....	48
c. Chủ động phát hiện các trường hợp bạo lực gia đình.....	50
d. Chuyển tuyến.....	51
3. Kỹ năng phỏng vấn ban đầu đối với nạn nhân.....	52
a. Kỹ năng phỏng vấn ban đầu .....	52
b. Thu thập thông tin.....	54
c. Bảo an toàn và hỗ trợ nạn nhân .....	55
4. Tổng quan về loại vụ việc và khả năng hỗ trợ của các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.....	56
<b>PHẦN IV. KỸ NĂNG THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NẠN NHÂN BẠO LỰC GIA ĐÌNH TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ</b> .....	62
1. Kỹ năng đại diện, bảo vệ quyền lợi cho nạn nhân bạo lực gia đình trong các vụ án hình sự .....	62

2. Kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho bị cáo trong vụ án hình sự .....	73
<b>PHẦN V. KỸ NĂNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NẠN NHÂN BẠO LỰC GIA ĐÌNH TRONG CÁC VỤ VIỆC DÂN SỰ</b> .....	76
1. Kỹ năng đại diện, bảo vệ quyền lợi cho nạn nhân bạo lực gia đình trong các vụ ly hôn .....	76
2. Kỹ năng trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình trong vụ việc đòi bồi thường thiệt hại.....	81
3. Kỹ năng trợ giúp cho nạn nhân trong việc đề nghị áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc.....	83
<b>PHẦN VI. KỸ NĂNG THAM GIA QUÁ TRÌNH HÒA GIẢI VỤ VIỆC LIÊN QUAN ĐẾN BẠO LỰC GIA ĐÌNH</b> .....	86
1. Sàng lọc các vụ việc bạo lực gia đình để bảo đảm hòa giải là phương án lựa chọn tối ưu.....	86
2. Hòa giải vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình .....	90
<b>PHẦN VII. VẤN ĐỀ PHỐI HỢP – MỐI QUAN HỆ GIỮA TỔ CHỨC THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ VÀ CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN</b> .....	97
1. Các cơ quan có trách nhiệm ứng phó với bạo lực gia đình .....	97
2. Mối quan hệ giữa trợ giúp pháp lý và các dịch vụ hỗ trợ khác dành cho nạn nhân bạo lực gia đình.....	99
<b>PHỤ LỤC</b> .....	102
1. Tóm tắt các tiêu chuẩn/quy định quốc tế có liên quan .....	102
2. Luật Trợ giúp pháp lý và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định về quyền được trợ giúp pháp lý.....	106
3. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 .....	110
4. Nghị định số 110/2009/NĐ-CP ngày 10/12/2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bạo lực gia đình .....	125
5. Tóm tắt một số quy định của Bộ luật Hình sự .....	141
6. Xác định mức độ nghiêm trọng của vụ việc và biện pháp xử lý : hình sự, hành chính hoặc biện pháp khác.....	144
7. Các quy định về Hòa giải trong Luật Phòng, chống bạo lực gia đình .....	150

## LỜI GIỚI THIỆU

Bạo lực gia đình là một vấn đề với đầy đủ các khía cạnh mang tính giáo dục, kinh tế, pháp lý và sức khỏe. Nó cũng là một vấn đề có liên quan tới quyền con người – xuyên suốt giữa các nền văn hóa, tôn giáo, ranh giới địa lý và mức độ phát triển kinh tế xã hội khác nhau. Đây là một thực tế tại Việt Nam cũng như nhiều quốc gia khác. Tầm quan trọng của việc xử lý bạo lực gia đình đã được Chính phủ Việt Nam nhìn nhận với bằng chứng cụ thể là việc thông qua Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 và nhiều văn bản pháp luật, chính sách khác. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 chính thức khẳng định bạo lực gia đình là hành vi không được chấp nhận và không nên xem đó là “vấn đề riêng tư”.

Để ngăn ngừa có hiệu quả và giảm những tác động của bạo lực gia đình, các quy định của pháp luật cần phải được nghiêm chỉnh thi hành và cần có cơ chế theo dõi, giám sát việc thi hành đó. Phòng, chống bạo lực gia đình là trách nhiệm của mỗi người và toàn xã hội. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm cụ thể trong việc bảo đảm có sự ứng phó toàn diện, mang tính phối hợp và linh hoạt đối với bạo lực gia đình. Trợ giúp pháp lý giữ một vai trò quan trọng trong sự ứng phó tổng thể đó. Là người thực hiện trợ giúp pháp lý, các bạn là đội ngũ thực hiện việc bảo vệ nạn nhân, truy cứu trách nhiệm theo đúng pháp luật đối với người có hành vi bạo lực, bảo đảm việc tiếp cận công lý, khắc phục hậu quả cũng như bảo đảm hệ thống tư pháp đáp ứng những nhu cầu đặc biệt và xoa dịu phần nào những tổn thương mà nạn nhân bạo lực gia đình đã phải chịu.

Nạn nhân bạo lực gia đình chủ yếu là nữ giới, do đó họ gặp rất nhiều khó khăn khi tiếp cận với các dịch vụ pháp lý cũng như sự bảo vệ. Ở nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, sự bất bình đẳng giới dai dẳng và nền văn hóa mà ở đó “sự thống trị” của nam giới đối với phụ nữ được chấp nhận, đã dung túng, coi bạo lực gia đình là điều đương nhiên và phải giữ im lặng về điều đó. Vì vậy, cần có những nỗ lực không ngừng nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về vấn đề này và thay đổi thái độ để bạo lực gia đình không còn là một vấn đề cần phải che đậy, những người phụ nữ chịu ảnh hưởng của bạo lực gia đình có thể tìm kiếm sự trợ giúp và hỗ trợ.

Mặc dù Luật Phòng, chống bạo lực gia đình đã có hiệu lực từ năm 2008, nhưng việc coi bạo lực gia đình là “chuyện riêng của gia đình” và quan niệm cho rằng xã hội cũng như chính quyền không nên can thiệp vẫn tồn tại ở nhiều nơi. Bạo lực gia đình cũng là một vấn đề mà phụ nữ thường giấu kín, e ngại khi đề cập, chia sẻ hoặc tìm kiếm sự hỗ trợ. Nguyên nhân là do kỳ thị, thiếu cơ chế hỗ trợ và ứng phó nhạy cảm, thiếu sự hỗ trợ từ phía các thành viên gia đình và

cơ quan chức năng hoặc lo sợ hậu quả đối với chính bản thân họ và con cái họ.<sup>1</sup> Việc chấp nhận các hành vi bạo lực gia đình được củng cố bởi tư tưởng văn hóa ở Việt Nam. Điều này được phản ánh trong hệ thống cơ quan tư pháp, công an, tòa án, viện kiểm sát và trong tư tưởng của một số cán bộ của các cơ quan này. Vì vậy, việc nâng cao nhận thức của người thực hiện trợ giúp pháp lý về bạo lực gia đình là vấn đề hết sức quan trọng.

Cuốn Tài liệu này được xây dựng dành cho đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý. Dù bạn là người thực hiện trợ giúp pháp lý ở cơ sở, là chuyên gia về pháp luật, là Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, là thành viên Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý hay cán bộ của các tổ chức đăng ký tham gia thực hiện trợ giúp pháp lý, Tài liệu này sẽ cung cấp các thông tin giúp bạn có thể thực hiện trợ giúp pháp lý có hiệu quả cho đối tượng là nạn nhân trong những vụ việc có dấu hiệu bạo lực gia đình.

Tháng 10/2010, Cục Trợ giúp pháp lý đã thực hiện một cuộc khảo sát về thực trạng trợ giúp pháp lý cho nữ giới là nạn nhân bạo lực gia đình cũng như nhu cầu bồi dưỡng nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý trong những vụ việc có dấu hiệu bạo lực gia đình<sup>2</sup>. Vào thời điểm đó, việc người đến yêu cầu trợ giúp pháp lý có phải là nạn nhân bạo lực gia đình hay không không được xem là một tiêu chí khi xác định diện đối tượng theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý. Mặc dù vậy, 1/3 trên tổng số người thực hiện trợ giúp pháp lý được phỏng vấn khẳng định họ đã từng tham gia giải quyết vụ việc bạo lực gia đình, phần lớn trong số họ trả lời đã từng giải quyết 01 - 03 vụ việc có dấu hiệu bạo lực gia đình trong 12 tháng trở lại đây<sup>3</sup>. Theo Kết quả khảo sát, dù vụ việc trợ giúp pháp lý có được xác định là vụ việc bạo lực gia đình hay không, người thực hiện trợ giúp pháp lý vẫn tiến hành gặp gỡ tiếp xúc với nạn nhân, đặc biệt là trong những vụ ly hôn, trong lĩnh vực hôn nhân gia đình. Một Cộng tác viên trợ giúp pháp lý khi được phỏng vấn cho biết “Cứ 10 vụ ly hôn thì 08 vụ có dấu hiệu bạo lực gia đình”. Tuy nhiên, không phải tất cả người thực hiện trợ giúp pháp lý đều có thể phát hiện hay nhận biết nạn nhân của bạo lực gia đình, thậm chí ngay cả nạn nhân cũng không coi những gì người khác làm đối với mình là bạo lực gia đình hay vi phạm pháp luật nên không tìm đến và yêu cầu được trợ giúp pháp lý.

Tuy nhiên, trong thời gian tới vì rất nhiều lý do, người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể đối mặt với số lượng ngày càng tăng của các vụ việc bạo lực gia

<sup>1</sup> Kết quả Nghiên cứu Quốc gia về Bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại Việt Nam năm 2010 – Báo cáo Tóm tắt (do Tổng cục Thống kê thực hiện với sự hỗ trợ của Liên hợp quốc trong Chương trình hợp tác về Bình đẳng giới giữa Chính phủ Việt Nam và Liên Hợp quốc), trang 5.

<sup>2</sup> Để biết thêm các thông tin về khảo sát, vui lòng xem Báo cáo kết quả thực trạng trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình và nhu cầu tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực thực hiện trợ giúp pháp lý đối với vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình của người thực hiện trợ giúp pháp lý ở cơ sở do Cục Trợ giúp pháp lý và UNODC thực hiện tháng 10/2010 (sau đây gọi là Báo cáo khảo sát).

<sup>3</sup> Báo cáo khảo sát cho thấy có 35,34% người được phỏng vấn khẳng định họ đã tham gia giải quyết vụ việc bạo lực gia đình và 88,65% trong số đó trả lời họ đã từng giải quyết 01 - 03 vụ việc có dấu hiệu bạo lực gia đình trong 12 tháng trở lại đây. (Xem thêm ở Báo cáo khảo sát).

đình. *Trước hết*, trong tháng 3/2011, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 07/2011/TT-BTP ngày 31/3/2011 hướng dẫn bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức cán bộ và hoạt động trợ giúp pháp lý (sau đây gọi tắt là Thông tư số 07/2011/TT-BTP). Theo quy định tại Điều 12 của Thông tư, trong số người được trợ giúp pháp lý là nữ giới theo Điều 2 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý thì nữ giới là nạn nhân bạo lực gia đình được các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý ưu tiên sử dụng nguồn lực để trợ giúp pháp lý. *Thứ hai*, có một chiến dịch truyền thông cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức và khuyến khích nạn nhân bạo lực gia đình tìm kiếm sự hỗ trợ từ phía các cơ quan nhà nước. *Thứ ba*, ở mức độ nào đó, người thực hiện trợ giúp pháp lý đã được nâng cao nhận thức và tăng cường kỹ năng trong việc nhận diện nạn nhân bạo lực gia đình khi người được trợ giúp pháp lý đến yêu cầu trợ giúp pháp lý trong các lĩnh vực khác nhau, chẳng hạn như trong các vụ việc ly hôn.

Khảo sát cũng chỉ ra rằng những thông tin về bạo lực gia đình mà người thực hiện trợ giúp pháp lý xác định được chưa dựa vào kiến thức hay kinh nghiệm của họ mà phần lớn là do nạn nhân cung cấp<sup>4</sup>. Ngoài ra, khảo sát cũng cho thấy, người thực hiện trợ giúp pháp lý phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức khi thực hiện trợ giúp pháp lý đối với vụ việc bạo lực gia đình, như:

- Nạn nhân còn do dự, e ngại khi chia sẻ các thông tin về tình trạng của họ;
- Nhận thức và hiểu biết của người thực hiện trợ giúp pháp lý về Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và các văn bản pháp luật được áp dụng trong quá trình giải quyết vụ việc bạo lực gia đình còn hạn chế;
- Nạn nhân rút lui hoặc từ bỏ quyền được bảo vệ của họ;
- Thiếu sự phối hợp với sự hỗ trợ từ phía các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Kết quả khảo sát nêu bật nhu cầu cần nâng cao kiến thức của người thực hiện trợ giúp pháp lý về các quy định của pháp luật hiện hành để ứng phó kịp thời với nạn bạo lực gia đình cũng như xây dựng, tăng cường năng lực cho họ để thực hiện trợ giúp pháp lý có hiệu quả đối với các vụ bạo lực gia đình. Những người được phỏng vấn trong cuộc khảo sát đã đề nghị được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng trợ giúp pháp lý trong việc thực hiện trợ giúp pháp lý các vụ việc bạo lực gia đình. Tài liệu này được xem là bước đầu tiên nhằm hiện thực hóa mục tiêu này.

---

<sup>4</sup> 148/160 người được phỏng vấn, theo Báo cáo Kết quả khảo sát

## Mục tiêu của tài liệu

Tài liệu này được xem là công cụ thiết thực cung cấp những chỉ dẫn cần thiết về kiến thức và kỹ năng cho người thực hiện trợ giúp pháp lý trong việc thực hiện trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình để nâng cao chất lượng dịch vụ pháp lý miễn phí hỗ trợ cho nạn nhân bạo lực gia đình.

## Đối tượng sử dụng Tài liệu

Đối tượng sử dụng Tài liệu bao gồm:

- Trợ giúp viên pháp lý;
- Cộng tác viên là luật sư;
- Cộng tác viên trợ giúp pháp lý khác;
- Chuyên viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước (Trung tâm);
- Tư vấn viên pháp luật;
- Thành viên Ban chủ nhiệm Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý;
- Công chức của Sở Tư pháp có liên quan đến việc thực hiện trợ giúp pháp lý.

## Phạm vi của Tài liệu

Tài liệu tập trung vào bạo lực đối với phụ nữ trong các mối quan hệ gia đình và quan hệ như vợ chồng. Người gây ra bạo lực đối với phụ nữ có thể là chồng, chồng cũ hoặc bạn tình hay các thành viên trong gia đình như con trai, mẹ chồng hoặc những thành viên khác.

Mặc dù các hình thức bạo lực gia đình khác cũng rất nghiêm trọng, tuy nhiên Tài liệu chủ yếu tập trung vào bạo lực gia đình đối với phụ nữ trong các mối quan hệ gia đình của họ. Thực tế cho thấy, phần lớn nạn nhân bạo lực gia đình là nữ giới. Mặc dù các số liệu thống kê rất đa dạng nhưng nghiên cứu cũng chỉ ra rằng số vụ bạo lực gia đình mà nạn nhân là nữ giới chiếm khoảng 95% tổng số vụ việc bạo lực gia đình<sup>5</sup>. Sự bất bình đẳng giới dai dẳng và nền văn hóa mà ở đó duy trì sự thống trị của nam giới đối với nữ giới sẽ còn tiếp tục mang lại hậu quả là số lượng nữ giới bị bạo hành tăng lên và việc đòi quyền lợi của họ sẽ bị hạn chế. Nữ giới là nạn nhân bạo lực gia đình cần một sự hỗ trợ và bảo vệ đặc biệt do tính chất thân mật và riêng tư của các mối quan hệ mà ở đó diễn ra tình trạng bạo lực.

Tài liệu này không nhằm giải quyết tình trạng bạo lực gia đình đối với trẻ em. Vì để xác định, đánh giá và ứng phó với tình trạng này cần phải có những

---

<sup>5</sup> Tài liệu tập huấn về Quyền con người của Luật sư Bang Minnesota. Theo số liệu thống kê của Canada, phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình chiếm 83% trong tổng số vụ bạo lực gia đình: Số liệu Thống kê của Canada về “Bạo lực gia đình ở Canada”: Tập hợp số liệu thống kê năm 2008.

kỹ năng đặc thù nhất định. Tuy nhiên, cũng cần nhìn nhận khách quan rằng trẻ em là người chứng kiến tình trạng bạo lực gia đình đối với mẹ của chúng, do đó, chúng cũng là nạn nhân. Vì vậy rất cần một sự can thiệp toàn diện để sự hỗ trợ, bảo vệ người mẹ cũng bao gồm cả việc đáp ứng các yêu cầu cần thiết của trẻ em.

### **Bố cục của Tài liệu**

Tài liệu được chia thành các Phần như sau:

#### ***Lời giới thiệu***

#### ***Phần I: Khái quát chung về bạo lực gia đình***

#### ***Phần II: Khung pháp lý***

#### ***Phần III: Kỹ năng, phương pháp xác định và giải quyết vụ việc có dấu hiệu bạo lực gia đình***

#### ***Phần IV: Một số kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình trong các vụ án hình sự***

#### ***Phần V: Một số kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình trong các vụ việc dân sự***

#### ***Phần VI: Một số kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình trong các vụ hòa giải***

#### ***Phần VII: Vấn đề phối hợp – mối quan hệ giữa các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và các cơ quan, tổ chức có liên quan***

#### ***Phụ lục***

Tài liệu nhằm cung cấp cho người thực hiện trợ giúp pháp lý và các cán bộ có liên quan những hướng dẫn thực tế, cụ thể và hữu ích. Mỗi Phần sẽ có tóm tắt những vấn đề quan trọng được đề cập đến.

Tài liệu này do Cục Trợ giúp pháp lý - Bộ Tư pháp xây dựng với sự hỗ trợ của Cơ quan phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp quốc tại Việt Nam (UNODC). Tài liệu được xây dựng trên cơ sở kết quả khảo sát được tiến hành vào tháng 10/2010 về thực trạng trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình và nhu cầu tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực thực hiện trợ giúp pháp lý đối với vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình của người thực hiện trợ giúp pháp lý ở cơ sở. Cuộc khảo sát và Tài liệu này là các hoạt động trong khuôn khổ Dự án “Tăng cường năng lực cho các cơ quan hành pháp và tư pháp chống bạo lực trong gia đình ở Việt Nam” (VNM/T28) và là một phần trong Chương trình chung về Bình đẳng giới của Liên Hợp quốc.

## PHẦN I: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ BẠO LỰC GIA ĐÌNH

### Tóm tắt nội dung chính

1. Bạo lực gia đình là hành vi cố ý cũng là hành vi có ý thức.
2. Bạo lực gia đình là một hình thức bạo lực trên cơ sở giới xuất phát từ quan niệm và niềm tin lâu đời rằng người phụ nữ luôn thấp kém hơn và phụ thuộc vào nam giới.
3. Phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình chiếm tỉ lệ cao (95%) trong tổng số vụ bạo lực gia đình.
4. Bạo lực gia đình chủ yếu liên quan đến những hành vi lặp đi lặp lại; bao gồm các hình thức lạm dụng, bạo hành khác nhau.
5. Có 04 hình thức bạo lực gia đình chủ yếu là bạo lực: về thể xác, về tâm lý, về tình dục và về kinh tế.
6. Người gây ra bạo lực sử dụng rất nhiều loại hành vi khác nhau để đạt được quyền lực và sự kiểm soát đối với nạn nhân.
7. Người gây ra bạo lực, nạn nhân và mối quan hệ giữa người gây ra bạo lực, nạn nhân.
8. Nhận thức về động cơ thúc đẩy bạo lực gia đình và những rào cản mà nạn nhân gặp phải khi tìm kiếm sự hỗ trợ sẽ giúp ích cho người thực hiện trợ giúp pháp lý trong việc ứng phó/giải quyết một cách hiệu quả hơn các vụ bạo lực gia đình.

## 1. Giải thích thuật ngữ

### Khái niệm bạo lực gia đình có được định nghĩa trong Luật không?

Câu trả lời là Có. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình quy định về giải thích thuật ngữ tại Điều 1 Khoản 2:

*“Bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình”.*

Bạo lực trong gia đình là hiện tượng một hay nhiều thành viên dùng quyền lực và bạo lực trong cả một quá trình để thực hiện hành vi làm cho thành viên khác trong gia đình đau đớn về thể xác, bị khủng hoảng về tinh thần và bị bế tắc về mặt xã hội nhằm khuất phục, khống chế và kiểm soát người đó<sup>6</sup>. Mặt khác, bạo lực gia đình là hành vi cố ý. Mục đích của nó là để thiết lập và duy trì quyền lực và sự kiểm soát đối với người khác. Bạo lực được dùng để đe dọa, hạ nhục hoặc khiến nạn nhân sợ hãi.

Bạo lực gia đình:

- Có thể là một hành vi bạo lực đơn lẻ; hoặc
- Là tổng hợp của nhiều hành động thông qua việc sử dụng các hành vi tấn công, kiểm soát.

Nghiên cứu Quốc gia về Bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam (sau đây gọi là Nghiên cứu quốc gia) chỉ ra rằng có 60% trong tổng số phụ nữ thừa nhận đã từng bị thương tích do hành vi bạo lực gây ra cho biết họ bị thương tích nhiều hơn một lần và 17% bị thương tích nhiều lần.<sup>7</sup>

### Bạo lực gia đình gồm những loại hình nào?

*Bạo lực gia đình thường được chia thành 04 loại*

**Bạo lực thể xác:** Đấm đá, đánh, xô đẩy, bóp cổ...

**Bạo lực tinh thần:** Nguyên rủa, chửi bới, mắng nhiếc, hạ thấp hay xúc phạm danh dự, nhân phẩm, đổ lỗi, chê bai những suy nghĩ và cảm xúc của người khác, đe dọa, ném, đập vỡ đồ đạc, đấm và tưởng, cất giấu đồ đạc...

**Bạo lực tình dục:** Bất kỳ hành vi, hành động cưỡng ép quan hệ tình dục ngoài ý muốn nào.

**Bạo lực kinh tế:** Ngăn không cho làm việc, kiểm soát chặt chẽ, không cho người khác tiếp cận những nguồn thu nhập của gia đình...

<sup>6</sup> Xem: Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Khoa học về Giới – Gia đình – Phụ nữ và Vị thành niên (CSAGA), tài liệu tập huấn về Giới – Bạo lực giới và truyền thông phòng chống bạo lực gia đình, tại Bến Tre, tháng 5 năm 2007.

<sup>7</sup> Nghiên cứu quốc gia, xem trích dẫn số 1.

**CẦN LƯU Ý RẰNG** – Bạo lực gia đình là hình thức cưỡng chế và kiểm soát mà một người hành xử đối với người khác. Bạo lực gia đình không chỉ là sự tấn công cơ học thậm chí không buộc phải là hành động tác động đến thể chất của nạn nhân. Nó thường là việc lặp đi lặp lại một phương thức bao gồm nhiều hành động như đe dọa, tước đoạt về kinh tế, cô lập, lạm dụng bạo hành về tinh thần và tình dục. Một số hành vi mà kẻ gây ra bạo lực sử dụng đã khiến nạn nhân bị tổn thương cả về thể chất và tinh thần. Ngoài ra còn có các hành vi dẫn đến tổn thương về tâm lý, tinh thần cho nạn nhân. Mặc dù những hành vi này không để lại những thương tật trên cơ thể nạn nhân nhưng nó vẫn để lại những tổn thương sâu sắc trong tâm hồn họ.

**QUAN TRỌNG LÀ** – Chưa có khái niệm chính thức về bạo lực tinh thần. Bạo lực tinh thần hay còn gọi là bạo lực tâm lý là hình thức bạo lực khó xác định nhất vì nhiều lý do. Trước hết, không có dấu hiệu nào biểu hiện ra bên ngoài về sự tổn hại mà bạo lực tinh thần gây ra. Thứ hai, phương thức hay hành vi được sử dụng như “lãng mạ” hay “hạ nhục, bôi nhọ” có thể xảy ra trong mọi mối quan hệ và có thể chưa đến mức bị gọi là “bạo lực”. Để xác định xem loại hành vi này có phải là một hình thức bạo lực gia đình hay không, chúng ta cần xem xét xem nó có dựa trên sự áp đặt quyền lực và sự kiểm soát hay không. Nhìn chung, bạo lực tinh thần hay bạo lực tâm lý còn bao gồm cả những hành vi như thường xuyên đe dọa, hạ thấp phẩm giá chứ không chỉ đơn giản là tạo ra áp lực tinh thần hay xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của người khác.

<b>Bạo lực thể chất</b>	<b>Bạo lực tinh thần/tâm lý</b>
<p>Là hành vi cố ý gây ra thương tích trên cơ thể nạn nhân, bao gồm hành vi bạo lực và thương tật nhỏ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bao gồm các hành động như đánh đập, đối xử tàn tệ, tra tấn hoặc những hành vi có mục đích khác gây ra thương tật cho sức khỏe và cuộc sống của người khác.</li> <li>• Có thể bao gồm việc sử dụng hung khí như que, gậy, dao hoặc kéo.</li> <li>• Nghiên cứu Quốc gia chỉ ra rằng <b>31,5%</b> phụ nữ từng lập gia đình đã từng bị chồng hoặc chồng cũ bạo hành về thể chất<sup>8</sup>.</li> </ul>	<p>Là hành vi cố ý làm tổn thương tâm lý/tinh thần của người khác và chạm ngưỡng bạo lực.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bao gồm các hành vi nghiêm trọng có thể ảnh hưởng đến sức khỏe tâm lý/tinh thần của phụ nữ, bao gồm việc sử dụng những lời lẽ lãng mạ, chửi rủa, đe dọa hoặc hành vi vi phạm khác, kiểm soát và ngăn cấm người phụ nữ tham gia vào các hoạt động xã hội hoặc các hoạt động kinh doanh, lao động khác.</li> <li>• Nghiên cứu quốc gia cho thấy tỷ lệ bạo lực tâm lý phổ biến trong suốt đời người phụ nữ do chồng gây ra là <b>53,6%</b>.</li> </ul>

<sup>8</sup> Nghiên cứu quốc gia về Bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại Việt Nam, tr 52-53.

<sup>9</sup> Vung và Cộng sự (CS) năm 2008, Luke và CS năm 2007, UNFPA 2007, Lợi và CS 1999, trích trong “Số chuyên đề: Bạo lực trên cơ sở giới” (UN Việt Nam, tháng 5/2010)

<sup>10</sup> Mai và CS, trích trong Số chuyên đề, xem ghi chú 9.

<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nghiên cứu Quốc gia cũng chỉ ra rằng tần suất phụ nữ bị bạo lực về thể xác mang tính tích lũy và gia tăng theo độ tuổi.</li> <li>• Nghiên cứu ở phạm vi nhỏ chỉ ra rằng bạo lực thể xác là hình thức phổ biến nhất của bạo lực trên cơ sở giới với tỉ lệ từ <b>16-37%</b> phụ nữ cho biết họ đã từng bị bạo lực thể xác<sup>9</sup>.</li> <li>• Một nghiên cứu trên 465 cặp đôi chỉ ra rằng <b>50%</b> nam giới thừa nhận họ đã từng đánh vợ trong khi chỉ <b>37%</b> phụ nữ nói rằng họ từng bị bạo lực. Điều này cho thấy, phụ nữ thường có xu hướng báo cáo không đầy đủ về tình trạng bạo lực mà họ đã chịu trong đời<sup>10</sup>.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nghiên cứu ở phạm vi nhỏ chỉ ra rằng tỷ lệ bạo lực tâm lý/tinh thần cao hơn tỷ lệ bạo lực thể xác từ <b>19% đến 55%</b><sup>11</sup>.</li> <li>• Cuộc điều tra 2006 trên tổng số 2.000 phụ nữ đã từng lập gia đình cho biết 25% trong số họ đã từng bị bạo lực tâm lý/tinh thần trong chính gia đình họ<sup>12</sup>.</li> <li>• Rất khó xác định bạo lực vì những tổn hại không thể hiện ra bên ngoài như bạo lực thể xác.</li> <li>• Rất khó để phân biệt một hành vi chỉ là xúc phạm hay đến đã mức bạo lực tâm lý/tinh thần.</li> <li>• Đối với mỗi trường hợp, cần phải đánh giá chính xác các tác động mà hành vi gây ra. Cần xem xét có mối quan hệ quyền lực và kiểm soát giữa hai người hay không.</li> </ul>
<b>Bạo lực tình dục</b>	<b>Bạo lực kinh tế</b>
<p>Là hành vi quấy rối tình dục, hoặc cưỡng ép quan hệ tình dục ngoài ý muốn của nạn nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bao gồm các hành vi như hãm hiếp, cưỡng ép quan hệ tình dục; sử dụng những lời lẽ hoặc hành động cưỡng ép nạn nhân thực hiện những hành vi tình dục khiến nạn nhân cảm thấy bị làm nhục; đe dọa để quan hệ tình dục.</li> <li>• Nghiên cứu quốc gia cho thấy cứ khoảng 10 phụ nữ từng kết hôn thì có 01 người đã từng bị chồng bạo lực tình dục trong đời (<b>9,9%</b>).</li> <li>• Cuộc điều tra năm 2006 của Ủy ban Các vấn đề Xã hội của Quốc hội tại 08 tỉnh, thành phố cho thấy có đến <b>30%</b> phụ nữ trả lời đã từng bị chồng bắt quan hệ tình dục ngoài ý muốn<sup>13</sup>.</li> <li>• Theo dữ liệu của Trung tâm tư vấn Cửa Lò thì có 42/207 vụ là bạo lực tình dục.</li> </ul>	<p>Là hành vi cố ý sử dụng phương tiện kinh tế để kiểm soát vợ hoặc chiếm đoạt thu nhập hợp pháp của vợ hoặc ngăn cấm vợ tiếp cận, sử dụng các nguồn thu nhập của gia đình hoặc bắt ép vợ làm việc quá sức.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bao gồm các hành vi như ép buộc thành viên khác trong gia đình lao động quá sức hoặc đóng góp vượt quá khả năng thu nhập của họ; kiểm soát thu nhập của thành viên khác trong gia đình để bắt họ phụ thuộc về tài chính.</li> <li>• Một điều tra nhỏ về hình thức bạo lực kinh tế đã được thực hiện tại Việt Nam. Dữ liệu thu được từ trung tâm tư vấn thuộc Bệnh viện Đức Giang – Hà Nội cho thấy 11% bệnh nhân đã từng bị bạo hành về kinh tế.</li> </ul>

<sup>11</sup> Xem trích dẫn số 9.

<sup>12</sup> Xem tờ trình số 2330 TT/UBXH 2006 trích trong UNFPA 2007: tr 22, xem trích dẫn số 9.

<sup>13</sup> Xem trích dẫn số 9.

## Các hành vi bạo lực gia đình được quy định trong Luật như thế nào?

**Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007** tại khoản 1 Điều 2 quy định các hành vi bạo lực gia đình bao gồm:

- a. Hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng;
- b. Lãng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm;
- c. Cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý gây hậu quả nghiêm trọng;
- d. Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau;
- đ. Cưỡng ép quan hệ tình dục;
- e. Cưỡng ép tảo hôn; cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ;
- g. Chiếm đoạt, huỷ hoại, đập phá hoặc có hành vi khác cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình hoặc tài sản chung của các thành viên gia đình;
- h. Cưỡng ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính;
- i. Có hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở.

### Có phải chỉ phụ nữ mới là nạn nhân bạo lực gia đình?

Bạo lực gia đình có thể xảy ra trong bất kỳ mối quan hệ gia đình nào, bao gồm quan hệ vợ - chồng, vợ cũ - chồng cũ; cha dượng/mẹ kế với con riêng của vợ/chồng, cha mẹ và con cũng như quan hệ giữa những người cùng chung sống. Tuy nhiên, thực tế là nạn nhân bạo lực gia đình chủ yếu là nữ giới. Mặc dù số liệu về bạo lực gia đình rất đa dạng, nhưng các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng số vụ việc mà nạn nhân là phụ nữ chiếm khoảng 95% tổng số vụ bạo lực gia đình<sup>14</sup>. Bạo lực gia đình đối với phụ nữ thường được gọi là “bạo lực trên cơ sở giới” vì nó phần nào xuất phát từ tình trạng phụ thuộc về giới tính của phụ nữ trong xã hội. Trong hầu hết các xã hội, mối quan hệ bất bình đẳng giữa nam giới và nữ giới được tạo lập và duy trì bởi quan niệm bất di bất dịch về giới là nguyên nhân cơ bản dẫn đến bạo lực đối với phụ nữ.

<sup>14</sup> Điều này được phản ánh trong các nghiên cứu của quốc tế cũng như Việt Nam trong thời gian gần đây. (Xem Tập hợp chuyên đề nghiên cứu về bạo lực trên cơ sở giới của Liên Hợp quốc, t5/2010, xem trích dẫn 1 và 9).

## **2. Nhận thức về nguyên nhân dẫn đến tình trạng bạo lực gia đình đối với phụ nữ**

### **Nguyên nhân sâu xa chính là sự bất bình đẳng giới**

Bạo lực gia đình xuất phát từ hành vi và thái độ kéo dài hàng thế kỷ của xã hội mà trong đó phụ nữ bị cho là thấp kém hơn đàn ông và so với đàn ông thì họ không xứng đáng để kiểm soát cuộc sống của chính họ hay đưa ra các quyết định. Sự bất bình đẳng giới được duy trì và phản ánh trong quan niệm bất di bất dịch về giới. Suy nghĩ sai lầm đó đã củng cố niềm tin rằng đàn ông có quyền dạy dỗ vợ của họ thông qua những hành động có tính bạo lực để bảo vệ thanh danh của gia đình. Bạo lực đối với phụ nữ thường bị coi nhẹ như thể nó là điều hết sức bình thường trong xã hội, ngay cả đối với chính những nạn nhân bạo lực gia đình.

Kết quả Nghiên cứu quốc gia phản ánh nhận thức của người phụ nữ về vai trò của họ như sau:

» 27% đồng ý với ý kiến “một người vợ tốt là người luôn biết vâng lời ngay cả khi chị ta không đồng ý”.

» Cùng tỷ lệ như trên đồng ý với ý kiến “mọi quyết định quan trọng của gia đình phải do người chồng quyết định”.

» Tuy nhiên, phần lớn phụ nữ muốn chồng chia sẻ công việc gia đình với họ khi họ đi làm (97.7%).

Hiện nay, nhiều xã hội được xây dựng trên cơ sở hệ thống mà ở đó người đàn ông có nhiều quyền lực về tài chính và chính trị hơn phụ nữ. Những xã hội này được gọi là “xã hội gia trưởng”. Trong xã hội này, người đàn ông giữ vị trí thống trị về chính trị, kinh tế và được xem là người đứng đầu, đại diện cho gia đình. Sức mạnh của nam giới được củng cố bởi niềm tin rằng người đàn ông luôn mạnh mẽ và có khả năng lãnh đạo hơn là phụ nữ. Điều này đã dẫn đến sự tiếp cận không bình đẳng của phụ nữ đối với giáo dục, đào tạo các kỹ năng, cơ hội nghề nghiệp và các nguồn lực tài chính từ đó tiếp tục duy trì thậm chí củng cố mối quan hệ quyền lực bất bình đẳng giữa đàn ông và phụ nữ. Mục đích của bạo lực gia đình là phát triển, củng cố quyền lực và sự kiểm soát đối với người khác.

### **Những nhận thức sai lầm có thể duy trì bất bình đẳng giới và bạo lực**

Về *giáo dục*, trẻ em chịu ảnh hưởng trực tiếp từ gia đình về việc chúng nhìn nhận thế nào về vai trò của giới trong gia đình, hành vi bạo lực của cha và sự chịu đựng của mẹ. Có thể nói rằng, việc chứng kiến cảnh bạo lực trong gia đình cũng chính là một hình thức bạo lực đối với trẻ em. Điều này gây ra tổn thương

về tâm lý cho chúng khiến chúng cảm thấy lo lắng, chán nản và ảnh hưởng tới kết quả học tập ở trường. Nghiên cứu quốc gia cho thấy trẻ em sống trong gia đình có bạo lực thì khả năng lạm dụng rượu và các chất kích thích; nguy cơ trở thành tội phạm vị thành niên cũng như nguy cơ trở thành nạn nhân cao hơn các trẻ em sống trong gia đình không có bạo lực. Thông qua việc chứng kiến cảnh bạo lực trong chính gia đình của mình, trẻ em có thể nhận thức rằng việc một người lạm dụng hoặc sử dụng bạo lực đối với người khác là chuyện bình thường.

*Về thi hành pháp luật*, các quy định của pháp luật không được tuân thủ một cách nghiêm túc và toàn diện. Một số cơ quan, cá nhân có thẩm quyền không nhận thức được vai trò và trách nhiệm của họ trong việc phòng, chống bạo lực gia đình.

*Về quan niệm và thái độ của xã hội*, bạo lực gia đình chưa được nhận thức đầy đủ và chưa được xã hội lên án một cách mạnh mẽ. Gia đình vẫn được xem là một đơn vị tách biệt và do người đàn ông trong gia đình kiểm soát. Phụ nữ thường bị buộc phải chấp nhận việc sử dụng bạo lực của chồng là cách giải quyết những mâu thuẫn nảy sinh.

*Về kinh tế* phụ nữ thường lệ thuộc vào đàn ông. Họ dành phần lớn thời gian để chăm sóc gia đình và làm việc nhà do đó khả năng họ làm những công việc khác hoặc tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao năng lực bị hạn chế.

### **3. Những lầm tưởng và quan niệm sai lệch về bạo lực gia đình**

Nỗ lực trong việc ứng phó với bạo lực gia đình có thể bị cản trở bởi những lầm tưởng và quan niệm sai lệch về bạo lực gia đình. Những lầm tưởng được nêu ra trong phần này nhằm lý giải vì sao khó có thể hiểu được lý do khiến một người làm tổn thương người khác, đặc biệt là trong những mối quan hệ thân thiết như quan hệ gia đình. Những lầm tưởng này tạo ra những thông tin sai lệch về nguyên nhân dẫn đến bạo lực gia đình và một vài trong số những lầm tưởng đó hiện đang phổ biến trên toàn thế giới. Nhận thức được những lầm tưởng này cũng như thực trạng bạo lực gia đình là rất quan trọng. Qua đó, những ứng phó kịp thời, có hiệu quả sẽ được xây dựng và phát triển nhằm hạn chế và chấm dứt bạo lực gia đình.

Theo Nghiên cứu quốc gia, những tình huống dẫn tới bạo lực theo nhận thức của phụ nữ từng bị bạo lực thể xác do chồng gây ra như sau:

- Khi chồng say rượu (33.7%);
- Khi nảy sinh các vấn đề gia đình (27.8%);
- Khi có khó khăn về tài chính (24.7%);
- Khi vợ không nghe theo chồng (22.6%);
- Không có lý do nào cụ thể (11%).

*Thứ nhất*, rượu không phải là nguyên nhân chính dẫn đến bạo lực gia đình. Mặc dù rượu và ma túy thường gắn liền với các vụ bạo lực gia đình, nhưng nó không phải là nguyên nhân của bạo lực. Như đã khẳng định, bạo lực gia đình xuất phát từ mối quan hệ bất bình đẳng về quyền lực tồn tại lâu đời giữa đàn ông và phụ nữ. Nó thường được sử dụng để đạt được quyền lực và sự kiểm soát đối với người khác. Nhiều người đàn ông không uống rượu nhưng vẫn đánh vợ. Có người chỉ uống rượu và đánh vợ chứ không đánh bất kỳ người nào khác (một người bất kỳ, cha mẹ hoặc sếp của anh ta). Điều đó có nghĩa là anh ta xác định việc sử dụng bạo lực chỉ đối với người vợ. Trong những trường hợp này, đàn ông vẫn tiếp tục đánh vợ ngay cả khi anh ta không uống rượu. Đàn ông cho rằng rượu là lý do khiến họ mất tự chủ và gây ra bạo lực, tuy nhiên rượu không phải là nguyên nhân dẫn đến điều đó. Bạo lực gia đình và việc lạm dụng các chất kích thích phải được nhìn nhận và xử lý như những vấn đề độc lập.

*Thứ hai*, hành vi bạo lực của người chồng đối với vợ **không** chứng tỏ anh ta yêu vợ mà chỉ là anh ta muốn kiểm soát cô ấy. Hành vi bạo lực không thể được biện minh bởi những gì người vợ làm hay nói. Phụ nữ bị đánh đập chỉ vì lý do vô lý như để thức ăn nguội lạnh. Người chồng luôn có lý do giận dữ còn họ thì không có quyền thể hiện sự giận dữ của mình. Quan niệm người vợ cũng góp phần dẫn đến hành vi bạo lực của người chồng và phải thay đổi cách cư xử để không phải chịu cảnh bạo lực là một quan niệm sai lầm bởi vì chỉ có người gây ra bạo lực mới có khả năng chấm dứt hành vi bạo lực. Bạo lực gia đình là một sự lựa chọn hành vi xử sự, do đó, người gây ra bạo lực phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc lựa chọn đó của họ.

*Thứ ba*, người chồng không có quyền sử dụng bạo lực để “dạy vợ”. Lầm tưởng này phản ánh rõ nét quan niệm lâu đời trong nhiều xã hội, nơi mà người đàn ông được cho là giỏi hơn phụ nữ và có quyền sử dụng bạo lực để phạt vợ, con họ. Với quan niệm này, người vợ trở thành “tài sản” của chồng và gia đình nhà chồng. Và việc dạy dỗ vợ bắt đầu ngay sau khi kết hôn như câu tục ngữ “Dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về”. Quan niệm này không còn đúng nữa. Ngay từ Hiến pháp 1946, Việt Nam đã quy định và bảo vệ quyền bình đẳng giữa đàn ông và phụ nữ. Phụ nữ không còn bị xem là “tài sản” của người đàn ông.

*Thứ tư*, khó khăn về tài chính không dẫn đến bạo lực gia đình. Bạo lực gia đình diễn ra ở mọi tầng lớp trong xã hội, bất kể giàu nghèo, có học thức hay không có học thức, thành thị hay nông thôn. Các nghiên cứu về vấn đề này cho thấy bạo lực diễn ra đối với mọi gia đình bất kể thu nhập, nghề nghiệp, tôn giáo, dân tộc hay trình độ học vấn. Bạo lực không xuất phát từ nguyên nhân nghèo đói hay không có học thức mà nó xuất phát từ mối quan hệ bất bình đẳng về quyền lực tồn tại lâu đời giữa đàn ông và phụ nữ. Tuy nhiên, có thể vì nguyên nhân

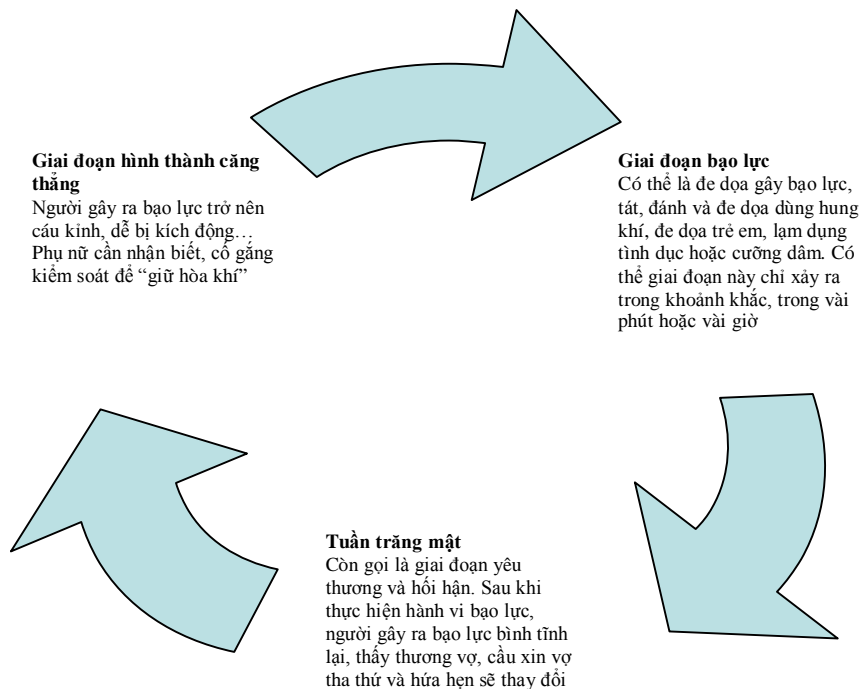
kinh tế mà phụ nữ lựa chọn việc sống chung với bạo lực vì không có nơi nào để đi hoặc không thể tự nuôi sống bản thân cũng như con cái họ.

Có thể dễ dàng nhận thấy nhiều lầm tưởng về bạo lực gia đình. Những lầm tưởng này nhằm củng cố quan niệm bất di bất dịch về giới. Khi giải thích về nguyên nhân dẫn đến bạo lực gia đình, những lầm tưởng này tập trung vào phê phán phụ nữ hoặc đổ lỗi cho các nguyên nhân khác như say rượu, thiếu giáo dục. Kết quả là, những lầm tưởng này đã loại trừ trách nhiệm của người gây ra bạo lực đối với chính hành vi của anh ta. Việc nhận thức đúng đắn rằng bạo lực gia đình là hành vi có mục đích nhằm đạt được quyền lực và sự kiểm soát đối với người khác là rất quan trọng. Một người chồng bạo lực thường sử dụng bạo lực hoặc đe dọa dùng bạo lực và duy trì những biện pháp dụ dỗ hoặc ép buộc khác để bảo đảm rằng vợ anh ta sẽ hành xử theo cách anh ta mong muốn.

#### 4. Vòng tròn bạo lực

---

Việc nhận biết vòng tròn bạo lực sẽ giúp ích cho người thực hiện trợ giúp pháp lý trong việc hỗ trợ nạn nhân. Thường thì trước khi sử dụng bạo lực, người gây ra bạo lực sẽ sử dụng những biện pháp mang tính kiểm soát, chẳng hạn như hạn chế sự tiếp xúc của nạn nhân với gia đình và xã hội, đe dọa, kiểm soát về tài chính. Thông qua đó, người gây ra bạo lực khiến cho nạn nhân tin vào những điều chống lại chính họ và không đủ tự tin để rời bỏ môi trường bạo lực hay ứng phó với bạo lực.



Thường trong giai đoạn hình thành căng thẳng, hành vi bạo lực không được báo cáo kịp thời với chính quyền hoặc nếu nạn nhân có đi báo cáo thì nhiều khả năng họ sẽ bị nhạo báng. Chính điều này đã khiến người gây ra bạo lực tiếp tục thực hiện giai đoạn bạo lực tiếp theo. Do đó, khi phát hiện có hành vi bạo lực Nhà nước cần xử lý nghiêm minh dù đó chỉ là hành vi vi phạm nhỏ. Sau giai đoạn bạo lực và trong suốt giai đoạn trắng mắt, nạn nhân luôn muốn tin rằng đó là lần cuối cùng. Nạn nhân thường rút đơn khởi kiện hoặc từ bỏ việc khởi kiện vì hy vọng sai lầm rằng người gây ra bạo lực sẽ không làm như thế nữa. Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần nhận ra tính chất tạm thời của “Tuần trắng mắt” và tư vấn giúp nạn nhân đưa ra được quyết định đúng đắn. Giai đoạn hình thành căng thẳng gần như lại bắt đầu một lần nữa.

## **5. Lý do khiến nạn nhân chấp nhận sống chung với bạo lực**

Có rất nhiều nguyên nhân về kinh tế, văn hóa và xã hội lý giải tại sao một người phụ nữ lại có thể lựa chọn sống chung với bạo lực. Những lý do này rất hợp lý, chẳng hạn: họ không có nơi nào để đi, không thể nào nuôi sống bản thân và con cái nếu rời đi, cảm thấy xấu hổ hoặc tủi nhục vì đã từng bị lạm dụng, bị bạo lực; hoặc sợ rằng bạn bè, gia đình và cộng đồng sẽ chế nhạo họ vì bị bạo lực, bị lạm dụng. Nạn nhân có thể miễn cưỡng rời đi vì lý do tình cảm hoặc vì lý do tôn giáo. Ngoài ra, việc họ rời đi để lại những rủi ro đáng kể. Nạn nhân sợ rằng chồng họ sẽ đe dọa làm hại mình, làm hại chính bản thân anh ta, làm hại con, bạn bè hoặc gia đình. Nghiên cứu cho thấy, nạn nhân thường gặp nguy hiểm nhất, thậm chí bị tấn công đến mức tử vong nếu họ cố gắng rời đi. Và nạn nhân là người duy nhất có thể đánh giá xem khi nào rời đi thì an toàn.

## **6. Hậu quả của bạo lực gia đình**

### **Hậu quả đối với nạn nhân**

- Ảnh hưởng tới sức khỏe thể chất, sức khỏe tâm thần cũng như hạnh phúc của nạn nhân.
- Bạo lực càng trở nên thường xuyên và nghiêm trọng nếu nó còn tiếp tục.
- Nạn nhân chết.
- Do tính chất phức tạp của bạo lực gia đình nên nạn nhân khó tìm ra bằng chứng để chứng minh hay tố cáo hành vi bạo lực.

Nghiên cứu quốc gia cho thấy sức khỏe của phụ nữ từng bị bạo lực về thể xác và tình dục thường yếu hơn so với phụ nữ chưa từng bị bạo lực. Phụ nữ bị bạo lực gia đình thường gặp khó khăn trong việc đi lại, thực hiện các hoạt động hàng ngày, chịu đau đớn, suy giảm trí nhớ, luôn buồn rầu và có ý nghĩ tự sát, đối với phụ nữ mang thai thì khả năng sảy thai, thai chết lưu hoặc nạo phá thai cũng là khó tránh.

### **Hậu quả đối với gia đình**

- Ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình.
- Các mối quan hệ bị tổn hại.
- Giảm khả năng lao động của phụ nữ.
- Tác động đến tâm lý của những đứa trẻ chứng kiến cảnh bạo lực.
- Giảm giá trị các điều kiện sống của phụ nữ và trẻ em.

Kết quả Nghiên cứu quốc gia chỉ ra rằng phụ nữ có con từ 6 đến 11 tuổi và đã từng bị chồng bạo hành cho biết con của họ có những vấn đề về hành vi (thường xuyên bị ác mộng, mút tay, đái dầm, quá nhút nhát hoặc quá hung hăng) và gặp khó khăn trong việc học tập ở trường hơn so với những đứa trẻ sống trong gia đình không có bạo lực.

### **Hậu quả đối với xã hội**

- Giảm sự đóng góp của nạn nhân cho xã hội.
- Tăng áp lực cho hệ thống y tế.
- Nếu người gây ra bạo lực không phải chịu trách nhiệm trước cộng đồng thì có nghĩa là hành vi bạo lực được chấp nhận và điều đó sẽ dẫn đến những hình thức bạo lực nghiêm trọng hơn.

### **Hậu quả đối với chính người gây ra bạo lực**

- Chịu những chế tài hành chính hoặc hình sự vì chính những hành vi vi phạm do họ gây ra.
- Bị mất mặt, xấu hổ trước cộng đồng.
- Bạo lực có thể dẫn đến cái chết của chính người gây ra bạo lực (Hội chứng của phụ nữ bị bạo lực<sup>15</sup>).

Tóm lại, bạo lực gia đình không chỉ ảnh hưởng đến nạn nhân mà còn ảnh hưởng đến gia đình, đặc biệt là trẻ em. Gia đình là tế bào của xã hội. Nếu mỗi tế bào không khỏe mạnh, thì xã hội không thể khỏe mạnh và phát triển được.

<sup>15</sup> Hội chứng của phụ nữ bị bạo lực là hội chứng thường xảy ra đối với những phụ nữ bị đánh đập thường xuyên, liên tục bởi chồng hoặc bạn tình. Người bị mắc hội chứng này thường bị trầm cảm và không thể thực hiện bất kỳ hành vi độc lập nào để thoát khỏi tình trạng bạo lực, bao gồm cả việc từ chối tố cáo người gây ra bạo lực hoặc từ chối sự hỗ trợ, giúp đỡ từ bên ngoài.

## PHẦN II: KHUNG PHÁP LÝ

### Tóm tắt nội dung chính

Hiện nay, khung pháp lý về bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân và xử lý người gây ra bạo lực gia đình đã được thiết lập tương đối đầy đủ, bao gồm:

#### 1. Quyền được trợ giúp pháp lý

» Thông tư số 07/2011/TT-BTP xác định nạn nhân bạo lực gia đình là một trong những nhóm đối tượng được các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý ưu tiên sử dụng nguồn lực để thực hiện trợ giúp pháp lý.

» Thông tư đã quy định cụ thể nhiệm vụ của người thực hiện trợ giúp pháp lý cũng như tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý (ví dụ: xác định người được trợ giúp pháp lý thuộc nhóm đối tượng đặc thù trong đó có nạn nhân bạo lực gia đình, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nạn nhân tại tòa cũng như đại diện ngoài tổ tụng...).

#### 2. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình

» Định nghĩa bạo lực gia đình và liệt kê 09 nhóm hành vi bạo lực gia đình.

» Quy định các nguyên tắc cũng như biện pháp phòng, chống bạo lực gia đình (các dịch vụ hỗ trợ, biện pháp cấm tiếp xúc, biện pháp hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên trong gia đình, hình thức xử phạt đối với người gây ra bạo lực), vai trò và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức.

» Các Nghị định hướng dẫn thi hành bao gồm: Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; Nghị định số 19/2009/NĐ-CP ngày 19/02/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tạm giữ người theo thủ tục hành chính ban hành kèm theo Nghị định số 162/2004/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ và Nghị định số 110/2009/NĐ-CP ngày 10/12/2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình.

#### 3. Các chế tài xử phạt đối với hành vi gây bạo lực

» Bộ luật Hình sự áp dụng đối với mọi hành vi bạo lực gây hậu quả nghiêm trọng, trong đó có hành vi bạo lực gia đình. Các tội phạm được áp dụng nhiều nhất đối với các hành vi bạo lực gia đình là Điều 104 (Tội cố ý gây thương tích) và Điều 151 (Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình).

» Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính năm 2002, sửa đổi năm 2007, 2008 quy định chế tài đối với các hành vi vi phạm pháp luật chưa phải là tội phạm nhưng đã đến mức độ của vi phạm hành chính. Bao gồm cách hành vi được quy định trong các văn bản pháp luật khác như Nghị định số 110/2009/NĐ-CP, Nghị định số 08/2009/NĐ-CP và Điều 43 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

#### **4. Quy định của pháp luật dân sự**

» Nếu nạn nhân yêu cầu ly hôn, theo quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì cần chứng minh rằng tình trạng hôn nhân đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

» Cần lưu ý xem xét xem nạn nhân có yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 604 Bộ luật Dân sự hay không (xem thêm Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết và hướng dẫn về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng).

Khi được phân công giải quyết vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình, người thực hiện trợ giúp pháp lý sẽ tiến hành gặp gỡ, tiếp xúc với nạn nhân. Nạn nhân có thể nhận ra họ chính là nạn nhân bạo lực gia đình và tìm kiếm sự hỗ trợ mà họ có thể được hưởng theo quy định của pháp luật. Nhưng họ thường đến để tìm kiếm sự trợ giúp trong các lĩnh vực pháp luật khác như ly hôn, tranh chấp tài sản trong dân sự, vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Trong những trường hợp này, nạn nhân thường không thể hiện ra bên ngoài về tình trạng bạo lực mà họ đang chịu đựng. Điều quan trọng là người thực hiện trợ giúp pháp lý cần nắm rõ các quy định của pháp luật cũng như các trình tự, thủ tục pháp lý để có thể ứng phó và giải quyết có hiệu quả các vụ việc bạo lực gia đình.

Một số văn bản pháp luật đã tạo lập khung pháp lý để các cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, như người thực hiện trợ giúp pháp lý, có thể căn cứ vào đó để ứng phó với các tình huống bạo lực đối với phụ nữ. Các quy định pháp luật hình sự, dân sự và hành chính là cơ sở để bảo vệ nạn nhân và truy cứu trách nhiệm đối với người gây ra bạo lực. Bên cạnh đó, Hiến pháp, Luật Bình đẳng giới cũng như Luật Hôn nhân và Gia đình đã góp phần thúc đẩy sự bình đẳng giữa đàn ông và phụ nữ<sup>16</sup>.

<sup>16</sup> Như đã đề cập ở Phần trước, phần lớn nạn nhân bạo lực gia đình là nữ giới, dẫn chiếu đến các quy định về bình đẳng giới được ghi nhận trong Hiến Pháp 1992, sửa đổi bổ sung năm 2001 và Luật Bình đẳng giới năm 2006.

Hiến pháp 1992 quy định gia đình là tế bào của xã hội (Điều 64), đồng thời cũng khẳng định công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, trong đó có cá nhân mỗi thành viên trong gia đình (Điều 71). Thêm vào đó, Điều 63 quy định về quyền bình đẳng giữa vợ và chồng khi khẳng định “Công dân nữ và nam có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình” và “Nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ”. Hiến pháp 1992 khẳng định rằng công dân có quyền khiếu nại, quyền tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của bất cứ cá nhân nào và nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại (Điều 74).

Luật Bình đẳng giới quy định rằng phụ nữ và nam giới có quyền bình đẳng trong tất cả mọi lĩnh vực, không ai bị phân biệt đối xử trên cơ sở giới. Điều 18 của Luật này quy định chi tiết thế nào là bình đẳng giới trong gia đình, cụ thể là Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình; và rằng các thành viên nam, nữ trong gia đình có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình. Cần đặc biệt lưu ý quy định tại Điều 41, các hành vi vi

Phần này sẽ tập trung vào các quy định của pháp luật trong các lĩnh vực sau:

- Quyền được trợ giúp pháp lý của nạn nhân bạo lực gia đình.
- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 và Nghị định hướng dẫn thi hành quy định về bảo vệ nạn nhân khỏi hành vi bạo lực gia đình, các biện pháp phòng ngừa và hỗ trợ nạn nhân. Lưu ý rằng Luật Phòng, chống bạo lực gia đình chỉ quy định rõ những hành vi bị coi là hành vi bạo lực gia đình và các hình thức xử phạt vi phạm hành chính đối với những hành vi này (được quy định cụ thể trong Nghị định số 110/2009/NĐ-CP) chứ không tạo nên một Bộ luật Hình sự mới.
- Tóm tắt các quy định của pháp luật hình sự và hành chính quy định các chế tài pháp luật đối với các hành vi bạo lực trong đó có bạo lực gia đình.
- Tóm tắt các quy định của pháp luật dân sự có liên quan có thể được áp dụng để hỗ trợ nạn nhân trong việc tiếp cận công lý và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho họ.

Những quy định của pháp luật trong các lĩnh vực khác nhau đã tạo lập khung pháp lý toàn diện: vừa hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân (Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Thông tư hướng dẫn bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức cán bộ và hoạt động trợ giúp pháp lý) vừa truy cứu trách nhiệm đối với người gây ra bạo lực (các chế tài hình sự và dân sự).

## **1. Quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý**

---

### **Phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình có thuộc diện được trợ giúp pháp lý?**

Như đã biết, theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý và Nghị định số 07/2007/NĐ-CP phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình không thuộc diện được trợ giúp pháp lý.<sup>17</sup> Tuy nhiên nạn nhân bạo lực gia đình sẽ được trợ giúp pháp lý nếu họ thuộc các diện được quy định tại Điều 10 Luật Trợ giúp pháp lý và Điều 2 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP. Nói cách khác, phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình nếu là người nghèo, người già cô đơn, người tàn tật không nơi nương tựa, người có công với cách mạng hoặc người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì được trợ giúp pháp lý.

Đối với những phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình nhưng gia đình không thuộc hộ nghèo thì khả năng họ tiếp cận với các nguồn tài chính của gia đình hoặc tiếp cận với các dịch vụ pháp lý có thu phí là rất khó khăn. Do đó, trong nỗ

---

phạm pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình bao gồm cả hành vi đối xử bất bình đẳng với các thành viên trong gia đình vì lý do giới tính. Phụ thuộc vào tính chất và mức độ của bạo lực, người gây ra bạo lực có thể phải chịu những biện pháp kỷ luật, chế tài hành chính hoặc trách nhiệm hình sự (Điều 42).

<sup>17</sup> Xem phụ lục 2: những quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý có liên quan.

lực bảo đảm sự tiếp cận pháp luật bình đẳng giữa nam giới và nữ giới đặc biệt là trong vấn đề bạo lực trên cơ sở giới, Cục Trợ giúp pháp lý đã được Bộ Tư pháp giao nghiên cứu xây dựng Thông tư hướng dẫn bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý. Thông tư số 07/2011/TT-BTP đã được ký ban hành trong tháng 3/2011. Điều quan trọng là Thông tư đã quy định phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình là một trong những nhóm đối tượng mà tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cần ưu tiên sử dụng nguồn lực để thực hiện trợ giúp pháp lý.

### **Thông tư số 07/2011/TT-BTP**

#### **Điều 12 – Trợ giúp pháp lý để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho phụ nữ**

1. Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm cử người thực hiện trợ giúp pháp lý có kiến thức pháp luật về bình đẳng giới, có kinh nghiệm về giới thực hiện trợ giúp pháp lý trong các lĩnh vực pháp luật (trừ lĩnh vực kinh doanh, thương mại) cho phụ nữ nghèo, phụ nữ thuộc đối tượng chính sách theo quy định tại Điều 02 Nghị định 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và nữ giới trong các trường hợp sau đây:

- a. Nạn nhân của bạo lực gia đình;
- b. Người đang trong quá trình chuẩn bị thủ tục kết hôn và ly hôn;
- c. Nạn nhân bị mua bán;
- d. Nạn nhân bị bóc lột sức lao động hoặc bị xâm hại tình dục;
- đ. Người có tranh chấp, vướng mắc pháp luật, người bị hại, bị can, bị cáo trong thời gian mang thai, đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng;
- e. Người dân tộc thiểu số ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc người di cư;
- g. Người bị nhiễm HIV;
- h. Người khuyết tật hoặc đang bị các bệnh hiểm nghèo
- i. Người lao động bị sa thải trái pháp luật hoặc nạn nhân bị lừa đảo trong quan hệ lao động, trong quan hệ hôn nhân gia đình hoặc bị tước đoạt tài sản trái pháp luật.

Tuy nhiên, về nguyên tắc, chỉ những đối tượng được quy định tại Điều 10 Luật Trợ giúp pháp lý và Điều 2 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007 mới là được trợ giúp pháp lý.

#### **Nghĩa vụ của người thực hiện trợ giúp pháp lý trong việc nhận diện/xác định nạn nhân bạo lực gia đình?**

Khi tiếp nhận yêu cầu trợ giúp pháp lý của phụ nữ, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần xem xét các dấu hiệu để biết người đó có phải là nạn nhân của bạo

lực trên cơ sở giới hay không. Nếu người yêu cầu trợ giúp pháp lý cố tình giấu các thông tin liên quan đến tình trạng bạo lực gia đình của họ thì người thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm giải thích cho họ về quyền của phụ nữ cũng như cách thức mà pháp luật có thể bảo vệ họ (Điều 13, Thông tư số 07/2011/TT-BTP).

### **Trách nhiệm của người thực hiện trợ giúp pháp lý khi phát hiện ra nạn nhân bạo lực gia đình**

Khi tiếp nhận người được trợ giúp pháp lý là nữ giới và phát hiện ra họ là nạn nhân bạo lực gia đình hoặc nạn nhân tự trình bày về vụ việc của họ, theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 07/2011/TT-BTP, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần tìm hiểu các dấu hiệu và có một số trách nhiệm như sau:

- Tìm hiểu các nhu cầu của người được trợ giúp pháp lý và thông báo cho họ biết về quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật;
- Kịp thời thu thập thông tin, đề nghị xét nghiệm y tế nếu cần thiết;
- Lưu giữ chứng cứ;
- Đề nghị cử người thực hiện trợ giúp pháp lý phù hợp theo quy định của pháp luật.

### **Trách nhiệm của người thực hiện trợ giúp pháp lý trong vụ việc tư vấn pháp luật**

Người thực hiện trợ giúp pháp lý được cử thực hiện vụ việc tư vấn pháp luật cần:

- Phỏng vấn, tiếp xúc nạn nhân và thu thập những thông tin cần thiết;
- Cung cấp cho người được trợ giúp pháp lý các thông tin cơ bản về Luật Bình đẳng giới cũng như các quyền của phụ nữ theo quy định của pháp luật;
- Tư vấn cho người được trợ giúp pháp lý về các quy định của pháp luật ở lĩnh vực có liên quan trực tiếp đến vụ việc cũng như những biện pháp liên quan đến vụ việc cần được áp dụng và đưa ra hướng giải quyết phù hợp;
- Giới thiệu người được trợ giúp pháp lý đến các cơ quan, tổ chức có liên quan và các dịch vụ hỗ trợ khác để được trợ giúp;
- Áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của nạn nhân;
- Bảo đảm rằng việc hòa giải, thương lượng là để bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của nạn nhân.

### **Trách nhiệm của người thực hiện trợ giúp pháp lý trong vụ việc tham gia tố tụng**

Người được phân công “đại diện, bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp” cho nạn nhân tại các cơ quan tiến hành tố tụng cần:

- Phỏng vấn nạn nhân, thu thập và xác minh thông tin;
- Bảo quản và chuyển giao chứng cứ;
- Tham dự hoạt động tố tụng để đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nạn nhân, chẳng hạn như yêu cầu nhân chứng hoặc người có liên quan khác đưa ra những chứng cứ có lợi nhằm khẳng định bản luận cứ bảo vệ nạn nhân;
- Bảo đảm nạn nhân được thông tin kịp thời về vụ việc cũng như được giải thích về trình tự, thủ tục pháp lý tại từng giai đoạn xử lý vụ việc;
- Yêu cầu xét xử kín để bảo đảm bí mật cá nhân của nạn nhân trong trường hợp cần thiết;
- Bảo đảm nạn nhân nhận được sự hỗ trợ cần thiết về tâm lý trong quá trình tố tụng;
- Bảo đảm rằng người gây ra bạo lực không được tiếp xúc với nạn nhân trong suốt quá trình tố tụng trong trường hợp việc tiếp xúc có thể khiến nạn nhân bị kích động, lay động hoặc đe dọa đến sự an toàn của nạn nhân.

### **Trách nhiệm của các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý**

Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm:

- Tổ chức các hoạt động nghiệp vụ cần thiết như trợ giúp pháp lý lưu động cũng như sinh hoạt chuyên đề pháp luật ngoài giờ hành chính để nâng cao khả năng tiếp cận tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý của phụ nữ.
- Bảo đảm trong đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý có trợ giúp viên pháp lý hoặc luật sư cộng tác viên có kiến thức và kỹ năng làm việc với nạn nhân bạo lực gia đình.

## **2. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007**

---

Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2008 là đạo luật mới của Việt Nam. Để triển khai thực hiện có hiệu quả Luật này, một loạt các văn bản hướng dẫn thi hành đã được ban hành. Phần này tập trung tóm tắt các văn bản hướng dẫn đó và nhấn mạnh một số quy định mà người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể áp dụng khi giải quyết vụ việc<sup>18</sup>.

Nhìn chung, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình đã đặt ra các nguyên tắc và biện pháp cũng như vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong phòng, chống bạo lực gia đình. Luật đã quy định các biện pháp toàn diện liên quan đến thông tin, truyền thông và giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng và giáo dục cộng đồng về phòng, chống bạo lực gia đình.

---

<sup>18</sup> Xem phụ lục 3.

Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần đặc biệt lưu ý các nguyên tắc quy định tại Điều 3 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình: Hành vi bạo lực gia đình được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật. Bạo lực gia đình không còn là vấn đề “riêng tư” được giải quyết trong nội bộ gia đình. Người thực hiện trợ giúp pháp lý, với tư cách là người cán bộ, viên chức nhà nước có trách nhiệm ứng phó với bạo lực gia đình.

### **Định nghĩa Bạo lực gia đình**

Luật Phòng, chống bạo lực gia đình chứa đựng khái niệm khá rộng về bạo lực gia đình, trong đó bao gồm cả 04 hình thức bạo lực: bạo lực thể xác, bạo lực tinh thần, bạo lực tình dục và bạo lực kinh tế (Khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình).

### **Xử lý người gây ra bạo lực**

Điều 42 quy định: Người có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Cần lưu ý rằng, khi quy định về những hành vi này Luật Phòng, chống bạo lực gia đình không nhằm tạo ra những tội phạm mới, chế tài mới đối với người gây ra bạo lực. Chế tài hình sự được áp dụng theo quy định của Bộ luật Hình sự. Chế tài hành chính được quy định theo Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính đối với những hành vi bạo lực gia đình. Bên cạnh đó, Điều 43 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình cũng quy định một số biện pháp hành chính sẽ được áp dụng đối với người thường xuyên gây ra hành vi bạo lực gia đình. Chính phủ cũng đã quy định các chế tài cụ thể đối với từng loại và từng mức độ của hành vi bạo lực gia đình, như phạt tiền tại Nghị định số 110/2009/NĐ-CP.

#### **Điều 43**

1. Người thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình đã được góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư mà trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày áp dụng biện pháp này vẫn có hành vi bạo lực gia đình nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì có thể bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.
2. Người có hành vi bạo lực gia đình đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà tiếp tục thực hiện hành vi bạo lực gia đình nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì có thể bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục; đối với người dưới 18 tuổi thì có thể bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.
3. Thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Nghị định số 110/2009/NĐ-CP ngày 10/12/2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình đã quy định từng hình thức bạo lực cũng như các hình thức xử phạt đối với từng mức độ vi phạm<sup>19</sup>. Các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Điều 4 của Nghị định.

*Hình thức xử phạt chính:*

- Cảnh cáo;
- Phạt tiền (từ 100.000đ đến 30.000.000đ).

*Các hình thức xử phạt bổ sung:*

- Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, Chứng chỉ hành nghề;
- Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

*Các biện pháp khắc phục hậu quả:*

- Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;
- Buộc xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu.

**Bảo vệ nạn nhân**

Nạn nhân bạo lực gia đình có quyền được bảo vệ dù vụ việc có bị đem ra điều tra, xử lý hình sự hoặc hành chính hay không. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình quy định cụ thể trường hợp mà nạn nhân có quyền yêu cầu thủ tục bảo vệ đặc biệt là biện pháp cấm tiếp xúc.

**Biện pháp cấm tiếp xúc**

Nạn nhân có quyền yêu cầu áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc theo hai cách sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra bạo lực gia đình quyết định biện pháp cấm tiếp xúc trong thời hạn không quá 03 ngày (Điều 20);
2. Tòa án đang thụ lý hoặc giải quyết vụ án dân sự giữa nạn nhân bạo lực gia đình và người có hành vi bạo lực gia đình quyết định áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc trong thời hạn không quá 04 tháng (Điều 21).

Điều kiện bắt buộc để áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc là có yêu cầu hoặc sự đồng ý của nạn nhân. Họ có thể yêu cầu áp dụng trong trường hợp hành vi bạo lực gia đình “gây tổn hại hoặc đe dọa gây tổn hại nghiêm trọng đến sức khỏe, đe dọa tính mạng của nạn nhân”. Người có hành vi bạo lực gia đình vi phạm quyết định cấm tiếp xúc có thể bị tạm giữ hành chính, xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định số 08/2009/NĐ-CP

<sup>19</sup> Xem Phụ lục 4 - Nghị định số 110/2009/NĐ-CP.

ngày 04/02/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Người đứng đầu cộng đồng dân cư phối hợp với tổ chức có liên quan ở cơ sở để phân công người giám sát việc thực hiện quyết định cấm tiếp xúc. Theo Nghị định số 08/2009/NĐ-CP biện pháp cấm tiếp xúc bao gồm cả việc không cho phép người có hành vi bạo lực sử dụng điện thoại, fax, thư điện tử hoặc các phương tiện thông tin khác để thực hiện hành vi bạo lực với nạn nhân.

Các biện pháp bảo vệ bao gồm nơi ở bảo đảm sự riêng tư và an toàn cho nạn nhân, như nhà tạm lánh, địa chỉ tin cậy ở cộng đồng hoặc cơ sở y tế.

### **Dịch vụ hỗ trợ nạn nhân**

Nạn nhân bạo lực gia đình có quyền tiếp cận một số dịch vụ hỗ trợ dù vụ việc có bị đem ra điều tra, xử lý hình sự hoặc hành chính hay không. Khi thực hiện trợ giúp pháp lý cho phụ nữ trong vụ việc trong lĩnh vực hôn nhân gia đình, người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể là người đầu tiên nhận ra người đó là nạn nhân bạo lực gia đình, vì họ không báo với công an hoặc chính quyền. Trong trường hợp này, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần liên hệ với các dịch vụ hỗ trợ khác để chuyển tuyến khi cần thiết.

#### Dịch vụ y tế:

- Chi phí cho việc khám và điều trị đối với nạn nhân bạo lực gia đình do Quỹ bảo hiểm y tế chi trả đối với người có bảo hiểm y tế (Điều 23). Nếu nạn nhân không có bảo hiểm y tế, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên, tổ chức xã hội khác tại địa phương và các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình thực hiện hỗ trợ khẩn cấp các nhu cầu thiết yếu cho nạn nhân bạo lực gia đình trong trường hợp cần thiết (Điều 25).
- Bên cạnh việc chăm sóc y tế, các cơ sở khám, chữa bệnh của nhà nước tùy theo khả năng và điều kiện thực tế, bố trí nơi tạm lánh cho nạn nhân bạo lực gia đình trong thời gian không quá 01 ngày theo yêu cầu của nạn nhân bạo lực gia đình (Điều 27).

#### Tư vấn:

- Nạn nhân bạo lực gia đình được tư vấn về chăm sóc sức khỏe, ứng xử trong gia đình, pháp luật và tâm lý để giải quyết tình trạng bạo lực gia đình (Điều 24).
- Cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình và cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình có trách nhiệm tư vấn phù hợp cho nạn nhân bạo lực gia đình (Điều 24).

#### Tư vấn pháp lý:

- Nạn nhân có quyền được tư vấn các dịch vụ về phòng, chống bạo lực gia đình phù hợp (Điều 29).

### Tiếp cận các thông tin liên quan đến quyền của nạn nhân:

- Nạn nhân bạo lực gia đình có quyền tiếp cận chính sách và pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, bình đẳng giới, quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

### **Phát hiện và báo cáo về vụ việc bạo lực gia đình**

Nhận thức rõ ràng về thực trạng không được phát hiện, không được báo cáo của những vụ việc bạo lực gia đình vì những lý do riêng tư, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình đã quy định “*Người phát hiện bạo lực gia đình phải kịp thời báo tin cho cơ quan công an nơi gần nhất hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người đứng đầu cộng đồng dân cư nơi xảy ra bạo lực*”. Khi nhận được tin báo về bạo lực gia đình, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần xử lý ngay và áp dụng những biện pháp ngăn chặn, bảo vệ phù hợp. Trong trường hợp cần giữ bí mật danh tính của người báo tin, người thực hiện trợ giúp pháp lý cũng có thể báo tin về vụ việc bạo lực gia đình cho cơ quan công an. Khi điều trị cho nạn nhân bạo lực gia đình và phát hiện thấy có dấu hiệu tội phạm, nhân viên y tế có trách nhiệm báo cho cơ quan công an. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ra đời đã góp phần tăng số vụ việc bạo lực gia đình bị phát hiện và báo cáo với cơ quan công an.

### **Hòa giải**

Luật Phòng, chống bạo lực gia đình đã quy định những nguyên tắc hòa giải. Một trong số đó là nguyên tắc tôn trọng sự tự nguyện tiến hành hòa giải của các bên. Bởi vì nếu việc tham gia hòa giải của nạn nhân không dựa trên sự tự nguyện mà do bị người gây ra bạo lực đe dọa thì không nên tiến hành hòa giải. Luật cũng quy định cụ thể một số trường hợp không tiến hành hòa giải như: vụ việc thuộc tội phạm hình sự hoặc vụ việc thuộc hành vi vi phạm pháp luật bị xử lý hành chính. Nói cách khác, Luật quy định rằng không áp dụng biện pháp hòa giải đối với trường hợp hành vi bạo lực diễn ra liên tục và nghiêm trọng, trừ trường hợp người bị hại yêu cầu không xử lý theo quy định của pháp luật hình sự. Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần bảo đảm rằng nạn nhân lựa chọn hình thức hòa giải dựa trên sự tự nguyện không ép buộc. Các cơ quan, tổ chức và tổ hòa giải không tiến hành hòa giải đối với hành vi được xác định là vi phạm pháp luật hình sự hoặc hành chính.

#### **Điều 12. Nguyên tắc hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình**

1. Kịp thời, chủ động, kiên trì.
2. Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạo đức xã hội và phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.
3. Tôn trọng sự tự nguyện tiến hành hòa giải của các bên.

4. Khách quan, công minh, có lý, có tình.
5. Giữ bí mật thông tin đời tư của các bên.
6. Tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của người khác; không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng.
7. Không hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Luật này trong những trường hợp sau đây:
  - a. Vụ việc thuộc tội phạm hình sự, trừ trường hợp người bị hại yêu cầu không xử lý theo quy định của pháp luật hình sự;
  - b. Vụ việc thuộc hành vi vi phạm pháp luật bị xử lý hành chính.

Người tiếp tục gây ra bạo lực gia đình sau khi đã được hòa giải cần bị cộng đồng góp ý, phê bình.

### **Các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình**

Sau khi Luật Phòng, chống bạo lực gia đình được ban hành, Chính phủ đã ban hành 03 Nghị định hướng dẫn sau:

- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.
- Nghị định số 19/2009/NĐ-CP ngày 19/02/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tạm giữ người theo thủ tục hành chính ban hành kèm theo Nghị định số 162/2004/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ.
- Nghị định số 110/2009/NĐ-CP ngày 21/12/2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình.

Nghị định số 08/2009/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình về hoạt động tư vấn, hình thức góp ý, phê bình tại cộng đồng, việc áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân và tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp sự hỗ trợ cho nạn nhân bạo lực gia đình. Điều 7 quy định việc góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư đối với người có hành vi bạo lực phải được lập thành biên bản và gửi tới công chức làm công tác tư pháp, công chức làm công tác văn hóa - xã hội ở cấp xã để lưu trữ, làm cơ sở cho việc áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm trong trường hợp người đã bị góp ý, phê bình tiếp tục có hành vi bạo lực gia đình. Điều 9 quy định, cơ quan công an là một trong những chủ thể có thẩm quyền đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ra quyết định cấm tiếp xúc. Việc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ra quyết định cấm tiếp xúc có thể được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- Có giấy xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về việc khám và điều trị thương tích do hành vi bạo lực gia đình gây ra.
- Có dấu vết thương tích trên cơ thể nạn nhân có thể nhận thấy rõ bằng mắt thường hoặc có dấu hiệu rõ ràng về hoảng loạn tinh thần của nạn nhân bạo lực gia đình.
- Có chứng cứ chứng minh có sự đe dọa gây tổn hại đến sức khỏe hoặc tính mạng của nạn nhân bạo lực gia đình.

Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần giúp đỡ nạn nhân trong việc đề nghị áp dụng hoặc yêu cầu cơ quan công an đề nghị áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc trong trường hợp cần thiết.

Nghị định số 19/2009/NĐ-CP ngày 19/02/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tạm giữ người theo thủ tục hành chính ban hành kèm theo Nghị định số 162/2004/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ. Việc tạm giữ hành chính đối với người gây ra bạo lực có thể áp dụng trong các trường hợp sau:

- Cần ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi gây rối trật tự công cộng hoặc gây thương tích cho người khác.
- Cần phải thu thập, xác minh những tình tiết quan trọng để làm căn cứ cho việc quyết định xử lý vi phạm hành chính hoặc bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính.
- Người có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm quyết định cấm tiếp xúc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.<sup>20</sup>

Nghị định số 110/2009/NĐ-CP quy định chi tiết về hình thức và mức xử phạt vi phạm hành chính đối với 09 nhóm hành vi được quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và 08 hành vi sau:

- Hành vi bạo lực đối với người ngăn chặn, phát hiện, báo tin bạo lực gia đình, người giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình (Điều 18 Nghị định số 110/2009/NĐ-CP);
- Hành vi cưỡng bức, kích động, xúi giục, giúp sức người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình (Điều 19 Nghị định số 110/2009/NĐ-CP);
- Hành vi cố ý không ngăn chặn, báo tin hành vi bạo lực gia đình và cản trở việc ngăn chặn, báo tin, xử lý hành vi bạo lực gia đình (Điều 20 Nghị định số 110/2009/NĐ-CP);

<sup>20</sup> Khoản 1, Điều 1 Nghị định số 19/2009/NĐ-CP ngày 19/02/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tạm giữ người theo thủ tục hành chính ban hành kèm theo Nghị định số 162/2004/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ

- Hành vi sử dụng, truyền bá thông tin, hình ảnh, âm thanh nhằm kích động hành vi bạo lực gia đình (Điều 21 Nghị định số 110/2009/NĐ-CP);
- Hành vi tiết lộ thông tin về nạn nhân bạo lực gia đình (Điều 22 Nghị định số 110/2009/NĐ-CP);
- Hành vi lợi dụng hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình để trục lợi (Điều 23 Nghị định số 110/2009/NĐ-CP);
- Hành vi vi phạm quy định về đăng ký hoạt động đối với cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (Điều 24 Nghị định số 110/2009/NĐ-CP);
- Hành vi vi phạm quyết định cấm tiếp xúc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Điều 25 Nghị định số 110/2009/NĐ-CP).

### **3. Các chế tài hình sự và hành chính**

---

#### **Pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính**

Một trong những biện pháp xử lý người có hành vi bạo lực là áp dụng các chế tài hành chính theo quy định của pháp luật. Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 quy định các chế tài đối với các hành vi vi phạm pháp luật tuy chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng cần thiết phải bị xử lý hành chính. Những hành vi vi phạm này được quy định trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau:

- Nghị định số 110/2009/NĐ-CP quy định rõ các biện pháp xử lý vi phạm đối với 09 nhóm hành vi được liệt kê tại khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và các hành vi khác vi phạm các quy định khác của Luật.
- Về biện pháp cấm tiếp xúc: Nghị định số 08/2009/NĐ-CP quy định người gây ra bạo lực có thể bị tạm giữ theo thủ tục hành chính trong trường hợp có yêu cầu của nạn nhân hoặc cơ quan công an và vi phạm đó được coi là cố ý sau khi đã bị cơ quan có thẩm quyền cảnh cáo.
- Đối với người thường xuyên có hành vi bạo lực: Điều 43 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình đặt ra các chế tài hành chính đối với người thường xuyên có hành vi bạo lực nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Đối với hành vi hành hạ thành viên khác trong gia đình: Luật Hôn nhân và Gia đình quy định hành vi hành hạ, ngược đãi, xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên trong gia đình thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính (Điều 107).

- Về việc đối xử bất bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình: Luật Bình đẳng giới quy định hành vi đối xử bất bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình vì lý do giới tính thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính (Điều 42, 43).
- Nghị định số 150/2005/NĐ-CP ngày 12/12/2005 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội quy định rằng người nào có cử chỉ, lời nói thô bạo, khiêu khích, trêu ghẹo, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác hoặc gây ồn ào trong khoảng thời gian từ 23 giờ đêm đến 5 giờ sáng sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính.

***Pháp lệnh quy định các mức xử phạt khác nhau như sau:***

- Xử phạt theo thủ tục đơn giản: Trong trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 10.000 đồng đến 200.000 đồng thì người có thẩm quyền xử phạt quyết định xử phạt tại chỗ. Việc xử phạt tại chỗ không phải lập biên bản, trừ trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ (Điều 54 Pháp lệnh sửa đổi bổ sung năm 2008).
- Xử phạt theo thủ tục đầy đủ: Trong trường hợp này, người vi phạm sẽ bị lập biên bản về hành vi họ thực hiện. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã căn cứ vào biên bản và quyết định mức xử phạt. Nếu Chủ tịch UBND xã nhận thấy hành vi cấu thành tội phạm thì hồ sơ sẽ được chuyển sang cơ quan điều tra.

Dưới đây là một số biện pháp xử lý hành chính có thể áp dụng đối với hành vi bạo lực gia đình. Để xác định biện pháp xử lý phù hợp, cá nhân có thẩm quyền cần xem hồ sơ về các chế tài đã áp dụng, mức độ thường xuyên của hành vi bạo lực cũng như mức độ tổn hại mà nạn nhân phải chịu.

- Cảnh cáo;
- Phạt tiền;
- Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, Chứng chỉ hành nghề;
- Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;
- Buộc xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu.
- Giáo dục tại xã, phường, thị trấn;
- Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;

- Đưa vào trường giáo dưỡng cho người chưa thành niên, nếu người gây ra bạo lực là người chưa thành niên.

### Các chế tài hình sự

Bộ luật Hình sự quy định một số tội phạm liên quan đến bạo lực gia đình đối với phụ nữ. Như pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới, Bộ luật Hình sự trước hết xác định là tội phạm đối với các hành vi cố ý gây thương tích, hoặc hành vi tấn công người khác, trong đó bao gồm cả trường hợp nạn nhân là thành viên trong gia đình.

Tội cố ý gây thương tích và Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình là hai tội được áp dụng nhiều nhất khi xử lý hình sự hành vi bạo lực gia đình đối với phụ nữ.

<b>Điều 104. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác</b>	<b>Điều 151. Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình</b>
<p>Có 04 mức độ thương tật có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự, mỗi mức độ sẽ bị áp dụng hình phạt khác nhau. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>i. Tỉ lệ thương tật dưới 11% nhưng có một trong các tình tiết tăng nặng sau: Dùng hung khí nguy hiểm; Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân; Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người; phạm tội đối phụ nữ đang có thai; Có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.</li> <li>ii. Tỉ lệ thương tật từ 11-30% thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.</li> <li>iii. Tỉ lệ thương tật từ 31-60% hoặc từ 11-30% nhưng có một trong</li> </ul>	<p>Có hai yếu tố chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>i. Ngược đãi, hành hạ thành viên trong gia đình, và;</li> <li>ii. Gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm.</li> </ul> <p>Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC về việc hướng dẫn áp dụng các quy định tại Chương XV “Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình” của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định:</p> <p>Hành vi ngược đãi, hành hạ thông thường được hiểu là việc đối xử tồi tệ về ăn, mặc, ở và về các mặt sinh hoạt hàng ngày khác đối với người thân như: nhấc móc, bắt nhịn ăn, nhịn uống, bắt chịu rét, mặc rách một cách không bình thường hoặc có hành vi bạo lực xâm phạm thân thể người bị hại như: đánh đập, giam</p>

<p>các tình tiết tăng nặng kể trên thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.</p> <p>iv. Tỷ lệ thương tật trên 61% hoặc từ 31-60% nhưng có một trong các tình tiết tăng nặng kể trên thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm.</p>	<p>hãm,... làm cho người bị hại bị đau đớn về thể xác và tinh thần.</p> <p>“Hậu quả nghiêm trọng” tức là làm cho người bị ngược đãi, hành hạ luôn luôn bị giày vò về mặt tình cảm, bị tổn thất về danh dự, đau khổ về tinh thần hoặc bị thương tích, tổn hại đến sức khỏe.</p>
<p><i>Một vài lưu ý khi áp dụng Điều 104</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trường hợp tỷ lệ thương tật dưới 31% thì tội phạm chỉ được khởi tố khi có yêu cầu của người bị hại (khoản 1 Điều 105 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2003).</li> <li>• Khi tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên thì cơ quan điều tra có quyền ra quyết định khởi tố mà không cần có sự đồng ý của nạn nhân.</li> <li>• Cơ quan chức năng không nên dựa vào các nguyên nhân mà người gây bạo lực đưa ra để lý giải cho hành vi phạm tội của họ như: “vợ nói quá nhiều”, “vợ lười biếng”, “ghen tuông” để áp dụng tội phạm nhẹ hơn theo Điều 105. Điều 105 quy định về “Trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”, theo đó “sự kích động” “là do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó”.</li> <li>• Cần phải có xác nhận của cơ sở y tế hoặc giám định pháp y để chứng cứ hóa tỷ lệ thương tật.</li> </ul>	<p><i>Một vài lưu ý khi áp dụng Điều 151:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Không cần có sự đồng ý của nạn nhân.</li> <li>• Không cần xác nhận y tế về mức độ tổn thương.</li> <li>• Một trong những hành vi ngược đãi là hành vi cô lập nạn nhân dẫn đến hậu quả nghiêm trọng.</li> <li>• Sự ngược đãi, hành hạ theo quy định của Tội phạm này bao gồm một loạt các hành vi kéo dài liên tục và lặp đi lặp lại.</li> <li>• Cũng không cần phải chứng minh rằng người gây bạo lực cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân.</li> <li>• Lưu ý điều quan trọng là phải xử phạt hành chính người gây bạo lực và lưu trữ hồ sơ xử phạt đó để các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có căn cứ chứng minh về tính liên tục và lặp đi lặp lại của hành vi bạo lực.</li> </ul>

*Thông tư của liên Bộ Y tế - Lao động – Thương binh và Xã hội số 12/TTLB ngày 26/7/1995 quy định về tiêu chuẩn thương tật và tiêu chuẩn bệnh tật mới là cơ sở pháp lý quan trọng trong việc xác định tỉ lệ thương tật.*

**Một số tiêu chuẩn thương tật theo quy định của Thông tư liên Bộ số 12/TTLB ngày 26/7/1995.**

<b>Di chứng vết thương, chấn thương ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe, lao động nghề nghiệp, thẩm mỹ, giao tiếp xã hội, sinh hoạt gia đình và cá nhân</b>	<b>Tỉ lệ % thương tổn</b>
Sẹo vết thương hạ họng làm ảnh hưởng đến nói và nuốt	41-45%
Sẹo vết thương họng làm hẹp cổ họng gây ra khó nuốt	21-25%
Nứt vỡ vòm họng đã liền can nhưng còn di chứng đau đầu kéo dài	21-25%
Gãy 3 - 5 xương sườn, can tốt, ảnh hưởng ít đến hô hấp	10-12%
Sẹo vết thương âm hộ, âm đạo hoặc dương vật gây trở ngại cho việc giao hợp	
- Nam giới dưới 55 tuổi, nữ giới dưới 45 tuổi	21-25%
- Nam giới trên 55 tuổi, nữ giới trên 45 tuổi	10-15%
Gãy, sập xương sống mũi	
- Không ảnh hưởng chức năng thở và ngửi	10%
- Có ảnh hưởng đến thở và ngửi rõ rệt	25-30%
Sẹo bỏng bàn tay - ngón tay làm các ngón dính nhau co quắp hoặc thẳng cứng (mất chức năng bàn tay)	41-45%
Sẹo bỏng ở mu chân, gan bàn chân làm biến dạng bàn và ngón chân đi đứng khó khăn	21-25%

Phụ lục 4 liệt kê một số quy định của Bộ luật Hình sự có thể được áp dụng đối với hành vi bạo lực gia đình gây hậu quả nghiêm trọng.

#### **4. Các quy định có liên quan của pháp luật Dân sự**

Người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể tình cờ phát hiện ra tình trạng bạo lực gia đình khi nạn nhân đến yêu cầu được trợ giúp pháp lý đối với vụ việc trong lĩnh vực pháp luật khác, chẳng hạn như ly hôn, chia tài sản, nuôi con... Quan trọng là người thực hiện trợ giúp pháp lý phải hiểu được khi nào thì nạn nhân của bạo lực gia đình yêu cầu ly hôn và nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Một số quy định của pháp luật dân sự về yêu

cầu đòi bồi thường thiệt hại cũng có thể được áp dụng khi bảo vệ quyền lợi cho nạn nhân bạo lực gia đình.

### **Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 – cấm hành hạ, ngược đãi thành viên trong gia đình**

Khoản 2 Điều 4 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định cấm ngược đãi, hành hạ ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con, cháu, anh, chị em và các thành viên khác trong gia đình. Hành vi hành hạ, ngược đãi, xúc phạm danh dự nhân phẩm của thành viên trong gia đình tùy theo tính chất và mức độ nguy hiểm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Luật cũng quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan khác có thẩm quyền có biện pháp kịp thời ngăn chặn và xử lý nghiêm minh đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình (khoản 3 Điều 4).

Điều 21 kêu gọi vợ chồng tôn trọng và giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau, đồng thời nghiêm cấm mọi hành vi, ngược đãi, hành hạ, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của nhau.

### **Vấn đề ly hôn và bạo lực gia đình**

Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tuy nhiên, Luật cũng khuyến khích việc hòa giải ở cơ sở khi vợ, chồng có yêu cầu ly hôn, việc hòa giải được thực hiện theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở (Điều 86). Ngoài ra, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần hết sức lưu ý đến những nguyên tắc hòa giải được ghi nhận tại Điều 12 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Hai trong số những nguyên tắc đó là “*Tôn trọng sự tự nguyện tiến hành hòa giải của các bên*” và “*Không hòa giải vụ việc thuộc tội phạm hình sự hoặc hành vi vi phạm hành chính*”.

Về căn cứ cho ly hôn, Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được thì Tòa án quyết định cho ly hôn. Hướng dẫn cụ thể về các điều kiện làm căn cứ để Tòa án ra quyết định cho ly hôn được quy định tại Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Theo đó, tình trạng trầm trọng được xác định khi:

- Vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau như người nào chỉ biết bần phận người đó, bỏ mặc người vợ hoặc người chồng muốn sống ra sao thì sống, đã được bà con thân thích của họ hoặc cơ quan, tổ chức, nhắc nhở, hoà giải nhiều lần.

- Vợ hoặc chồng luôn có hành vi ngược đãi, hành hạ nhau, như thường xuyên đánh đập, hoặc có hành vi khác xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của nhau, đã được bà con thân thích của họ hoặc cơ quan, tổ chức, đoàn thể nhắc nhở, hoà giải nhiều lần.

- Vợ chồng không chung thuỷ với nhau như có quan hệ ngoại tình, đã được người vợ hoặc người chồng hoặc bà con thân thích của họ hoặc cơ quan, tổ chức, nhắc nhở, khuyên bảo nhưng vẫn tiếp tục có quan hệ ngoại tình

Theo Kết quả khảo sát do Cục Trợ giúp pháp lý tiến hành trong tháng 10/2010, một trong những nguyên nhân chính khiến phụ nữ yêu cầu ly hôn là do bạo lực gia đình. Theo nhiều nạn nhân, ly hôn cách duy nhất để họ tự bảo vệ bản thân khỏi tình trạng bạo lực.

### **Vấn đề nuôi con, chia tài sản và bạo lực gia đình**

Các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 điều chỉnh cả vấn đề nuôi con, chia tài sản và hỗ trợ, cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Theo đó sau khi ly hôn, vợ, chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; nếu không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ chín (9) tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con (Điều 92). Với tư cách là người bảo vệ cho nạn nhân bạo lực gia đình trong vụ việc ly hôn về vấn đề nuôi con, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần chứng minh để Tòa án thấy được những tiêu cực mà bạo lực gia đình trực tiếp tác động đến tâm, sinh lý của đứa trẻ, chẳng hạn như chúng quá nhút nhát, thường cảm thấy lo lắng, sợ hãi hay kết quả học tập ở trường giảm sút.

Mặt khác, Tòa án có quyền hạn chế quyền thăm nom con trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để tiếp tục gây bạo lực với vợ cũ (Điều 94).

*Về chia tài sản sau khi ly hôn được thực hiện theo các nguyên tắc<sup>21</sup> sau:*

- Việc chia tài sản khi ly hôn do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết. Tài sản riêng của bên nào thì thuộc quyền sở hữu của bên đó.

---

<sup>21</sup> Các quy định về chia tài sản sau khi ly hôn được quy định chi tiết tại các Điều 95, 96, 97, 98 và 99 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

- Việc chia tài sản chung vợ chồng được thực hiện theo các nguyên tắc: Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có xem xét hoàn cảnh của mỗi bên, tình trạng tài sản, công sức đóng góp của mỗi bên vào việc tạo lập, duy trì, phát triển tài sản này. Lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập; nguyên tắc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, con chưa thành niên hoặc con đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình; bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên trong sản xuất, kinh doanh và nghề nghiệp để các bên có thể tiếp tục lao động tạo thu nhập; tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật hoặc theo giá trị, bên nào nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng thì phải thanh toán cho bên kia phần giá trị chênh lệch.

Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần bảo đảm rằng sự thỏa thuận mà các bên đạt được trong quá trình chia tài sản xuất phát từ sự tự nguyện của nạn nhân chứ không do bất kỳ tác động hoặc đe dọa nào từ phía người gây bạo lực. Về cơ bản, tài sản được chia đôi. Trong trường hợp phụ nữ nhận phần ít hơn, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần tìm hiểu xem họ có bị ép buộc hay đe dọa không.

Bên cạnh đó, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 còn quy định: khi ly hôn, nếu bên khó khăn, túng thiếu có yêu cầu cấp dưỡng mà có lý do chính đáng thì bên kia có nghĩa vụ cấp dưỡng theo khả năng của mình (Điều 60).

### **Bộ luật Dân sự 2005**

Nạn nhân bạo lực gia đình có quyền yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại theo quy định của Bộ luật Dân sự 2005. Điều 307 quy định: *Trách nhiệm bồi thường thiệt hại bao gồm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về vật chất, trách nhiệm bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần.*

- Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về vật chất bao gồm: tổn thất về tài sản, chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế, khắc phục thiệt hại, thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút.
- Thiệt hại về tinh thần bao gồm tổn hại do bị xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín.

Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần nắm rõ các quy định về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại, thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại cũng như việc xác định thiệt hại dưới các hình thức khác nhau. Chẳng hạn, căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại là do lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác dẫn đến thiệt hại (Điều 604); thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là hai (02) năm, kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm (Điều 607).

Việc xác định thiệt hại được quy định tại Mục 2 Chương XXI Bộ luật Dân sự 2005 và được hướng dẫn chi tiết tại Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Theo đó, người gây bạo lực có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nạn nhân khi có đủ các điều kiện sau:

- Có thiệt hại xảy ra (về vật chất hoặc tinh thần);
- Có hành vi vi phạm pháp luật;
- Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm pháp luật và thiệt hại;
- Có lỗi vô ý hoặc cố ý của người gây ra thiệt hại.

Các bên có thể thỏa thuận về mức bồi thường, hình thức bồi thường bằng tiền, bằng hiện vật hoặc thực hiện một công việc, phương thức bồi thường một lần hoặc nhiều lần, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Theo quy định của pháp luật, sự thỏa thuận này được tôn trọng nếu nó không vi phạm pháp luật cũng như những chuẩn mực đạo đức xã hội. Người thực hiện trợ giúp pháp lý cũng cần lưu ý rằng, trong mối quan hệ bạo lực, người gây bạo lực thường sử dụng quyền lực và sự kiểm soát đối với nạn nhân. Vì thế người thực hiện trợ giúp pháp lý cần tìm hiểu kỹ thỏa thuận xem nó xuất phát từ sự tự nguyện của nạn nhân hay do nạn nhân bị đe dọa, ép buộc.

Nạn nhân yêu cầu bồi thường thiệt hại phải nêu rõ từng khoản thiệt hại thực tế đã xảy ra, mức yêu cầu bồi thường và phải có chứng từ hoặc giấy biên nhận hợp lệ về các khoản chi phí hợp lý, về thu nhập của họ (điểm a khoản 5 Phần I Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP).

Thiệt hại được bồi thường bao gồm các khoản sau:

*Chi phí hợp lý về sức khỏe*, nạn nhân cần chứng minh các chi phí hợp lý cho cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của nạn nhân bao gồm: Tiền thuê phương tiện đưa nạn nhân đi cấp cứu tại cơ sở y tế; tiền thuốc và tiền mua các thiết bị y tế, chi phí chiếu, chụp X-quang, chụp cắt lớp, siêu âm, xét nghiệm, mổ, truyền máu, vật lý trị liệu... theo chỉ định của bác sĩ; tiền viện phí; tiền mua thuốc bổ, tiếp đạm, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe cho nạn nhân theo chỉ định của bác sĩ; các chi phí thực tế, cần thiết khác cho nạn nhân (nếu có) và các chi phí cho việc lắp chân giả, tay giả, mắt giả, mua xe lăn, xe đẩy, nạng chống và khắc phục thẩm mỹ... để hỗ trợ hoặc thay thế một phần chức năng của cơ thể bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại (nếu có).

*Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút*, nạn nhân nếu chứng minh được trước khi sức khỏe bị xâm phạm nạn nhân có thu nhập thực tế, nhưng do sức

khỏe bị xâm phạm họ phải đi điều trị và do đó khoản thu nhập thực tế của họ bị mất hoặc bị giảm sút, thì họ được bồi thường khoản thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút đó.

*Chi phí hợp lý và phân thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc nạn nhân trong thời gian điều trị* là một trong những chi phí khác có thể yêu cầu đòi bồi thường, bao gồm: tiền tàu, xe đi lại, tiền thuê nhà trọ theo giá trung bình ở địa phương nơi thực hiện việc chi phí (nếu có) cho một trong những người chăm sóc cho nạn nhân trong thời gian điều trị do cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ sở y tế; thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc nạn nhân trong thời gian điều trị.

*Bồi thường tổn thất về tinh thần*, dựa trên tác động của hành vi vi phạm đối với nghề nghiệp, thẩm mỹ, các mối quan hệ xã hội, đời sống gia đình và bản thân nạn nhân.

## Tóm tắt khung pháp lý

<b>Thúc đẩy bình đẳng giới</b> <i>Hiến pháp, Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình</i>	
<b>Truy cứu trách nhiệm đối với người gây bạo lực</b> <i>Bộ luật Hình sự; Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính Nghị định số 110/2009/NĐ-CP ngày 10/12/2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình Quy định về bồi thường thiệt hại trong pháp luật Dân sự</i>	<b>Bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân</b> <i>Luật Phòng, chống bạo lực gia đình Các Nghị định số 08/2009/NĐ-CP, 19/2009/NĐ-CP và 110/2009/NĐ-CP Thông tư số 07/2011/TT-BTP ngày 31/3/2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý Pháp luật Dân sự</i>

### PHỤ LỤC

1. Một số quy định của pháp luật quốc tế có liên quan
2. Luật Trợ giúp pháp lý và Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý.
3. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình 2007.
4. Nghị định số 110/2009/NĐ-CP ngày 10/12/2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình.
5. Một số quy định có liên quan của Bộ luật Hình sự.

### **PHẦN III. PHƯƠNG PHÁP NHẬN DIỆN VÀ KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC CÓ DẤU HIỆU BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

#### **Tóm tắt nội dung chính**

1. Có nhiều nguyên nhân khiến nạn nhân do dự không báo cáo về tình trạng bị bạo lực của họ, một trong những lý do đó là vì họ không tin các cơ quan chức năng sẽ cho đó là việc quan trọng.
2. Khi phụ nữ đến yêu cầu trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực hôn nhân, gia đình, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần tìm hiểu xem có dấu hiệu của bạo lực gia đình hay không.
3. Dù phụ nữ đến yêu cầu trợ giúp pháp lý có hay không dấu hiệu bị bạo lực gia đình, trong quá trình tiếp xúc ban đầu, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần tạo không khí thân thiện, cảm thông để bảo đảm rằng việc lấy lời khai được thực hiện một cách nhạy cảm, tôn trọng và bảo mật.
4. Trung tâm trợ giúp pháp lý có thể tổ chức một số hoạt động để chủ động phát hiện ra bạo lực như: khảo sát theo bảng hỏi, phỏng vấn sâu, trợ giúp pháp lý lưu động, sinh hoạt chuyên đề pháp luật, chiến dịch truyền thông cộng đồng và khuyến khích công tác phối hợp, chuyên tuyến với các cơ quan, tổ chức có liên quan.
5. Khi phụ nữ trình bày về tình trạng bạo lực gia đình của họ, càng thu thập được thông tin toàn diện về tình trạng bạo lực, người thực hiện trợ giúp pháp lý càng hiểu biết đầy đủ về toàn bộ vụ việc.
6. Luôn ghi nhớ rằng phải làm thế nào để bảo đảm tốt nhất sự an toàn cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của nạn nhân.
7. Nghiên cứu các quy định pháp luật hiện hành: các chế tài có thể được áp dụng, các biện pháp bảo vệ và/hoặc các quy định khác của pháp luật dân sự.

Sự bất bình đẳng giới kéo dài và nền văn hóa mà ở đó đàn ông giữ quyền thống trị xã hội đã chấp nhận, dung túng, thậm chí là hợp lý hóa tình trạng bạo lực gia đình và duy trì sự im lặng trước tình trạng đó. Đa số các vụ việc đều không được báo cáo và không bị phát hiện. Nhiều nạn nhân không báo về tình trạng bạo lực mà họ đang chịu đựng do xấu hổ, e ngại hoặc sợ hãi. Những vụ cưỡng dâm thường khó có thể phát hiện ra và nếu có thì chỉ một vài vụ được báo với cơ quan chức năng. Sự im lặng của nạn nhân bạo lực gia đình gây khó khăn đáng kể cho việc phát hiện và xử lý hành vi bạo lực.

Khi tìm kiếm sự trợ giúp từ bên ngoài, trước hết nạn nhân tìm đến các nguồn hỗ trợ không chính thức như thành viên khác trong gia đình hoặc bạn bè.<sup>22</sup> Khi các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền như công an, người đứng đầu cộng đồng dân cư, Chủ tịch xã, thành viên Hội phụ nữ hoặc nhân viên y tế ở địa phương phát hiện ra vụ việc bạo lực gia đình thì tình trạng đã trở nên nghiêm trọng và cần phải được xử lý nghiêm khắc. Nếu không thể nói rõ về tình trạng bạo lực của mình do xấu hổ, kỳ thị của cộng đồng hay do sự phụ thuộc về kinh tế hoặc sợ bị trả thù, nạn nhân có thể tìm đến các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý để yêu cầu ly hôn hoặc chia tài sản với hy vọng có thể giải quyết dứt điểm tình trạng bạo lực.

Để nâng cao năng lực của người thực hiện trợ giúp pháp lý trong việc xác định và bảo vệ quyền lợi cho nạn nhân bạo lực gia đình, phần này sẽ bao gồm các nội dung sau:

- Hiểu biết về nạn nhân bạo lực gia đình;
- Phát hiện bạo lực gia đình;
- Kỹ năng tiếp xúc ban đầu với nạn nhân bạo lực gia đình;
- Tổng quan về loại vụ việc và sự trợ giúp của các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.

---

<sup>22</sup> Nghiên cứu do UNODC thực hiện chỉ ra rằng hầu hết nạn nhân kể về tình trạng bạo lực với thành viên khác trong gia đình (61%), bạn bè hoặc hàng xóm (55%), đại diện Hội phụ nữ (49%), rất ít người kể với đồng nghiệp (3%) và nhân viên y tế (1%). “Nghiên cứu về chất lượng tư pháp hình sự đối với nạn nhân bạo lực gia đình ở Việt Nam” do UNODC thực hiện với sự hợp tác của Trung tâm nghiên cứu về Giới và Phát triển (RCGAD) tại Hà Nội và Viện Phòng, chống tội phạm Châu Âu tại Helsinki.

## **1. Hiểu biết của nạn nhân về bạo lực gia đình**

---

### **Tại sao nạn nhân không báo cáo về bạo lực gia đình?**

Phụ nữ bị bạo hành thường chịu đựng sự bạo hành đó trong một khoảng thời gian dài trước khi tìm kiếm sự giúp đỡ từ bên ngoài. Một vài trong số đó lựa chọn im lặng, không nói với bất kỳ ai về tình trạng bị bạo lực của họ. Có nhiều lý do khiến nạn nhân miễn cưỡng, không thể nói hoặc không sẵn lòng báo cáo về tình trạng bạo lực của họ.

#### **Một số nguyên nhân:**

- Không muốn nói với người ngoài vì cho rằng đây là việc riêng của gia đình.
- Nỗ lực giảm thiểu bạo lực và tự thuyết phục rằng đây không phải là vấn đề nghiêm trọng.
- Sợ rằng người gây bạo lực sẽ trả thù bản thân hoặc người thân của họ.
- Không muốn người gây bạo lực phải rời khỏi nhà, bị đi tù hoặc phải chịu trách nhiệm hình sự.
- Xấu hổ, bối rối về tình trạng bạo lực của mình hoặc tự đổ lỗi cho bản thân vì đã để cho tình trạng bạo lực xảy ra.
- Bị lệ thuộc vào người gây bạo lực về tình cảm.
- Có niềm tin mãnh liệt rằng cần phải giữ gìn quan hệ vợ chồng và các thành viên trong gia đình cần ở chung với nhau.
- Sợ bị người khác bêu xấu.
- Bị lệ thuộc vào người gây bạo lực về kinh tế.
- Sống trong một khu vực bị cô lập.
- Bị cô lập với xã hội bên ngoài.
- Phải đối mặt với những rào cản về giao tiếp, ngôn ngữ hay văn hóa.
- Không tin rằng công an hay hệ thống tư pháp có thể ngăn chặn tình trạng bạo lực.
- Không tin rằng các cơ quan chức năng có thể giúp đỡ hay bảo vệ cho họ.

### **Chiến lược ứng phó của nạn nhân đối với bạo lực gia đình**

Hành vi cư xử của nạn nhân thường là cách bảo đảm sự sống còn cho chính họ. Trong trường hợp bạo lực gia đình xảy ra, nạn nhân có thể sử dụng một số cách ứng phó sau đây:

- Giảm thiểu hoặc chặn đứng hành vi bạo lực.
- Chịu trách nhiệm đối với bạo lực.
- Sử dụng rượu hoặc ma túy để xoa dịu cơn đau.
- Tự vệ.
- Tìm kiếm sự giúp đỡ từ bên ngoài.
- Giữ nguyên hiện trạng mối quan hệ bạo lực tránh không cho nó phát triển.
- Sử dụng bạo lực ngược trở lại.

### **Các rào cản nạn nhân gặp phải khi tìm kiếm sự hỗ trợ từ bên ngoài**

Khi nạn nhân đến báo tin cho chính quyền địa phương về tình trạng bạo lực họ đang phải chịu, thường thì những khiếu nại hoặc đề nghị của họ không được coi trọng.

- Trong những trường hợp này, thái độ phản ứng của chính quyền địa phương phản ánh quan niệm truyền thống (quan niệm này khá phổ biến trên thế giới), họ chỉ miễn cưỡng can thiệp khi bạo lực xảy ra vì cho rằng bạo lực gia đình là vấn đề nội bộ trong gia đình, người ngoài không nên can thiệp.
- Chính quyền địa phương thường không quan tâm đầy đủ đến tính chất và động cơ của hành vi bạo lực diễn ra trong các mối quan hệ thân tình.
- Các hành vi lạm dụng cá nhân thường được tách rời khỏi mối quan hệ áp đặt quyền lực và kiểm soát.
- Chính quyền địa phương có thể có những lầm tưởng về bạo lực gia đình và điều này đã tác động đến cách họ lấy lời khai, xử lý vụ việc và trong quá trình làm việc với nạn nhân.

### **Thái độ của người thực hiện trợ giúp pháp lý đối với bạo lực gia đình**

Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần đặt ra câu hỏi cho chính mình xem họ nhìn nhận và hiểu biết như thế nào về bạo lực gia đình? Liệu suy nghĩ đó có phản ánh quan niệm truyền thống coi bạo lực gia đình là vấn đề riêng tư, nội bộ và người ngoài không nên can thiệp hay không? Hay họ tin những lầm tưởng, quan niệm sai lệch về bạo lực gia đình, như đổ lỗi cho nạn nhân tự chuốc lấy bạo lực hay do rượu thay vì đổ lỗi cho người gây bạo lực? Nếu người thực hiện trợ giúp pháp lý thực sự có những suy nghĩ như vậy, thì họ cần phải nhận ra rằng họ còn có trách nhiệm duy trì và tuân thủ pháp luật, do đó cần bỏ qua một bên những định kiến, quan niệm mang tính cá nhân vì những điều này sẽ tác động đến cách họ đối xử với nạn nhân.

## 2. Phát hiện bạo lực gia đình

Khi phụ nữ đến yêu cầu trợ giúp pháp lý, việc người thực hiện trợ giúp pháp lý dành thời gian tiếp xúc và tìm hiểu về tình trạng của đối tượng là hết sức quan trọng. Trong buổi tiếp xúc ban đầu, người tiếp nhận đơn yêu cầu cần kiểm tra xem người đến yêu cầu có thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật hay không?

**Xác định phụ nữ có yêu cầu có đủ điều kiện được trợ giúp pháp lý hay không?**

Loại vấn đề	Có đủ điều kiện để hưởng trợ giúp pháp lý hay không?
<b>Khi phụ nữ yêu cầu trợ giúp pháp lý trong bất kỳ lĩnh vực nào, dù họ có phải là người nghèo, người có công với cách mạng, người già cô đơn, người tàn tật, người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn hay không</b>	
Bạo lực gia đình, ly hôn, nuôi con, tranh chấp tài sản...	Có Phụ nữ sẽ được trợ giúp pháp lý nếu thuộc một trong các diện theo quy định tại Điều 10 Luật Trợ giúp pháp lý
<b>Khi phụ nữ yêu cầu được trợ giúp pháp lý không thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo Điều 10 Luật Trợ giúp pháp lý</b>	
Bạo lực gia đình	Có thể Cô ấy sẽ được trợ giúp pháp lý nếu thỏa mãn các điều kiện theo Thông tư số 07/2011/TT-BTP.
<b>Khi phụ nữ không thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo Điều 10 Luật Trợ giúp pháp lý đến yêu cầu được trợ giúp pháp lý về các vụ việc như ly hôn, nuôi con...</b>	
Những vấn đề pháp lý khác (ly hôn, nuôi con, các vấn đề dân sự khác ....)	Có thể Nếu phụ nữ có dấu hiệu bị bạo lực gia đình, và điều này được khẳng định trong quá trình phỏng vấn thì họ sẽ được trợ giúp pháp lý theo quy định của Thông tư số 07/2011/TT-BTP. Nếu không, họ sẽ không được trợ giúp pháp lý.

### **a. Nạn nhân đến tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý để yêu cầu trợ giúp trong vụ việc bạo lực gia đình**

Nghiên cứu cho thấy, hầu hết những người sống trong cảnh bạo lực đều không tìm đến cơ quan công an hoặc tòa án, trừ khi tình trạng bạo lực đã trở nên nghiêm trọng.<sup>23</sup> Theo đó, rất ít nạn nhân tìm đến sự trợ giúp của các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý đối với vụ việc bạo lực gia đình. Mặc dù có nhiều phụ nữ phải sống trong cảnh bạo lực cả về thể xác, tâm lý, tình dục và kinh tế, nhưng phần lớn họ chỉ tìm kiếm sự giúp đỡ từ chính quyền địa phương khi tổn thương về thể xác đã ở mức độ nghiêm trọng. Điều tương tự cũng xảy ra ở các quốc gia khác. Hiếm khi nạn nhân tìm đến sự giúp đỡ của chính quyền hay các cơ quan, tổ chức khi tình trạng bạo lực mới diễn ra một thậm chí là hai lần. Các cơ quan chức năng thường chỉ can thiệp sau khi phương thức bạo lực gia đình đã được hình thành cũng như mức độ tổn thương thể xác của nạn nhân đã trở nên nghiêm trọng.

Nếu một phụ nữ đến yêu cầu được trợ giúp pháp lý để chấm dứt tình trạng bạo lực mà cô ấy đang phải chịu thì có nghĩa là tình trạng bạo lực đã diễn ra rất nhiều lần. Vì vậy, mọi trường hợp liên quan đến bạo lực gia đình mà tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý tiếp nhận đều phải được quan tâm và ưu tiên giải quyết.

### **b. Phụ nữ đến yêu cầu trợ giúp pháp lý về vấn đề khác nhưng phát hiện có dấu hiệu chứng tỏ họ là nạn nhân bạo lực gia đình**

Không phải mọi phụ nữ đều đến tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý để yêu cầu được trợ giúp pháp lý đối với việc bị bạo lực gia đình. Có thể người thực hiện trợ giúp pháp lý là người đầu tiên họ tìm đến để được giải quyết vấn đề pháp lý trong gia đình, hầu hết là ly hôn. Theo một luật sư là cộng tác viên trợ giúp pháp lý trong cuộc khảo sát do Cục Trợ giúp pháp lý tiến hành tháng 10/2010, cứ 10 vụ ly hôn thì có 08 vụ có dấu hiệu bạo lực gia đình.

Nạn nhân bạo lực gia đình có thể là bất kỳ ai, ở nhiều độ tuổi, tình trạng kinh tế, địa vị xã hội, trình độ học vấn khác nhau, ở cả nông thôn và thành thị. Người thực hiện trợ giúp pháp lý không nên có định kiến rằng bạo lực gia đình chỉ có thể xảy ra đối với một nhóm đối tượng nhất định nào đó, theo một phương thức nhất định nào đó. Sẽ có nhiều nạn nhân bạo lực gia đình tìm đến sự hỗ trợ của các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý khi họ biết được tôn trọng, bảo vệ và lắng nghe. Vì thế, khi thụ lý vụ việc, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần có thái độ nhã nhặn, đúng mực, tôn trọng sự riêng tư của người đến yêu cầu trợ

---

<sup>23</sup> Minh 2007, Mai và CS 2004, trích trong “Số chuyên đề: Bạo lực trên cơ sở giới” chuẩn bị cho Nhóm hợp tác về chương trình giới của Liên hợp quốc, Dự thảo cuối, 17/5/2010.

giúp pháp lý, duy trì cuộc nói chuyện một cách cởi mở, chân thành khiến nạn nhân có thể tin tưởng mà chia sẻ các thông tin liên quan đến vụ việc của họ.

Ngoài ra, do không có “*nạn nhân bạo lực gia đình điển hình*” nên sẽ không có “*hành vi ứng xử điển hình của nạn nhân bạo lực gia đình*”. Nạn nhân thường có những phản ứng khác nhau trước những câu hỏi liên quan đến việc họ đã từng bị bạo lực hay chưa.

- Họ có thể phủ nhận, im lặng hoặc gay gắt, miễn cưỡng nói về tình trạng bạo lực.
- Họ có thể phản bác hoặc công kích khi có người cho rằng họ đang bị chồng bạo hành.
- Họ có thể giận giữ, vì họ đã từng trình báo nhưng cơ quan có thẩm quyền không xử phạt chồng họ.
- Sợ, e ngại khi nói ra thì tình trạng bạo lực sẽ trở nên trầm trọng hơn.

Trong khi không có cách nào để biết chắc chắn một người có bị bạo lực gia đình hay không, người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể dựa vào một số dấu hiệu sau:

**Một số dấu hiệu nhận biết nạn nhân bạo lực gia đình:**

> *Chấn thương và lý do:* Nếu người phụ nữ có vết bầm tím, thương tích và họ kể tỉ mỉ về nguyên nhân hay sự việc khiến họ có những thương tích đó, có thể họ đang cố che giấu tình trạng bị bạo lực. Tuy nhiên, cần nhớ rằng không phải mọi hành vi bạo lực gia đình đều để lại những vết bầm tím dễ nhận thấy. Trang phục của họ có thể che bớt những vết bầm tím, những vết sẹo trên cơ thể, chẳng hạn như mặc quần dài, áo dài tay vào ngày mùa hè nóng bức...

> *Không đi học hoặc đi làm:* Phụ nữ bị bạo lực có thể không thực hiện theo đúng lịch trình thường ngày họ vẫn làm và thường trễ hẹn.

> *Hạn chế tiếp cận với các nguồn thu nhập cũng như tài sản trong gia đình:* Không được quản lý chính thu nhập của bản thân hoặc sử dụng xe cộ, tài sản khác trong gia đình.

> *Tự ti:* Phụ nữ có thể rất tự tin về cuộc sống của họ (về công việc, về những đứa con...) tuy nhiên, họ thường cảm thấy tự ti trong các mối quan hệ. Có sự thay đổi lớn trong tính cách và hành vi ứng xử của họ như trầm cảm, hay lo lắng hoặc tự tử.

> *Cáo buộc là có quan hệ ngoại tình:* Đây là cớ mà người gây ra bạo lực thường dùng để biện minh cho việc đánh đập hay cô lập vợ. Cô ấy thường nói về sự nóng tính, ghen tuông hay tính chiếm hữu của chồng.

> *Lo sợ sẽ nảy sinh mâu thuẫn:* Một số người thường lựa chọn làm những việc người khác yêu cầu dù họ không mong muốn hoặc không thích làm điều đó chỉ để tránh mâu thuẫn có thể nảy sinh nếu họ từ chối.

- > Khó thể hiện những gì họ muốn hoặc điều gì khiến họ lo sợ: Phụ nữ bị bạo hành thường che giấu cảm xúc và rất khó bộc lộ tình trạng cũng như suy nghĩ thật của cô ấy.
- > Đổ lỗi cho bản thân: Họ cho rằng mọi mâu thuẫn phát sinh trong gia đình đều do lỗi của họ.
- > Thủ đoạn kiểm soát của người gây bạo lực: Khi chồng hoặc gia đình chồng cùng có mặt tại buổi gặp gỡ, người chồng kiểm soát các cuộc nói chuyện hoặc hành vi ứng xử của phụ nữ. Hoặc người phụ nữ có vẻ lo lắng, bất an và cố làm hài lòng chồng của họ.

Khi cho rằng đối tượng có dấu hiệu là nạn nhân bạo lực gia đình, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần bảo đảm tính riêng tư, bí mật của cuộc nói chuyện giữa họ và đối tượng. Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần bảo đảm chồng hoặc gia đình nhà chồng của đối tượng sẽ không nghe hoặc nhìn thấy cuộc nói chuyện giữ họ và đối tượng.

Nếu đối tượng là người dân tộc thiểu số, để bảo đảm có thể hiểu đúng các thông tin cũng như yêu cầu của đối tượng, người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể sử dụng phiên dịch. Trong trường hợp này, phiên dịch không nên là người nhà hoặc những người có quan hệ thân thiết với chồng của đối tượng để tránh tạo áp lực cho đối tượng khi trình bày về tình trạng bạo lực.

### **c. Chủ động phát hiện các trường hợp bạo lực gia đình**

Nghiên cứu của UNODC cho thấy, chỉ có khoảng 8% nạn nhân bạo lực gia đình được trợ giúp pháp lý. Có một số hoạt động mà tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có thể thực hiện để tăng khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ trợ giúp pháp lý.

#### ***Khảo sát***

Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tổ chức các cuộc khảo sát bằng bảng hỏi trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn. Cục Trợ giúp pháp lý cần ban hành bản hướng dẫn về việc xây dựng bảng hỏi và tổ chức khảo sát để bảo đảm các cuộc khảo sát tuân thủ các quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, có tính bảo mật và an toàn đối với đối tượng khảo sát. Kết quả từ các cuộc khảo sát sẽ giúp cho tổ chức và người thực hiện trợ giúp pháp lý ở địa phương nắm được tình hình và có kế hoạch phù hợp.

#### ***Thu thập thông tin từ các cuộc phỏng vấn sâu***

Bên cạnh việc khảo sát thông qua bảng hỏi, Trung tâm trợ giúp pháp lý có thể tiến hành các cuộc phỏng vấn sâu để có thêm thông tin. Cục Trợ giúp pháp lý cần hướng dẫn cụ thể để bảo đảm sự riêng tư và an toàn cho các cuộc phỏng vấn.

### ***Trợ giúp pháp lý lưu động***

Các đợt trợ giúp pháp lý lưu động đến các địa bàn xa trung tâm góp phần tăng số lượng người tiếp cận và được trợ giúp pháp lý, trong đó có nạn nhân bạo lực gia đình. Thời gian và chi phí đi lại khiến cho nhiều người e ngại không trình báo về tình trạng bạo lực cũng như tìm kiếm sự giúp đỡ từ bên ngoài.

### ***Sinh hoạt Câu lạc bộ***

Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý có thể tổ chức những buổi sinh hoạt chuyên đề để nâng cao kiến thức pháp luật cho cộng đồng. Nội dung sinh hoạt có thể tập trung vào giới thiệu về dịch vụ trợ giúp pháp lý, các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình và bình đẳng giới. Những buổi sinh hoạt này sẽ giúp phụ nữ có cơ hội để nhận thức đúng về tình trạng bạo lực họ đang phải chịu và có thể yêu cầu trợ giúp.

### ***Truyền thông***

Trung tâm trợ giúp pháp lý cần xây dựng kế hoạch truyền thông giới thiệu pháp luật về trợ giúp pháp lý và phòng, chống bạo lực gia đình, cung cấp số điện thoại đường dây nóng, danh sách địa chỉ, số điện thoại của người thực hiện trợ giúp pháp lý, Trung tâm và Chi nhánh, các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý. Hoạt động truyền thông có hiệu quả sẽ giúp cộng đồng, đặc biệt là nhóm đối tượng bị bạo lực gia đình biết và tìm đến các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý để được trợ giúp nhiều hơn.

#### **d. Chuyển tuyến**

Một trong những kênh thông tin mà từ đó nạn nhân bạo lực gia đình biết và tìm đến sự trợ giúp của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, là thông qua sự giới thiệu của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc xử lý hành vi bạo lực gia đình và hỗ trợ nạn nhân, như: Ủy ban nhân dân, Công an xã, Mặt trận tổ quốc, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, người đứng đầu cộng đồng dân cư. Do đó, các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cần tăng cường mối quan hệ phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân này để bảo đảm nạn nhân có thể được trợ giúp pháp lý khi họ có đủ điều kiện và có nhu cầu. Mối quan hệ mật thiết giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan sẽ bảo đảm tính kịp thời, chủ động và có hiệu quả trong việc phát hiện, xử lý hành vi bạo lực gia đình cũng như hỗ trợ nạn nhân.

#### **Có hai phương thức phối hợp:**

*Thứ nhất*, những cơ quan đã biết về tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và việc nạn nhân bạo lực gia đình có quyền được trợ giúp pháp lý có thể giới thiệu nạn nhân đến để được trợ giúp.

*Thứ hai*, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có thể giới thiệu nạn nhân đến các cơ quan, tổ chức khác để nhận sự trợ giúp như: Cơ sở khám, chữa bệnh; nhà tạm lánh; địa chỉ tin cậy ở cộng đồng; trung tâm hỗ trợ và tư vấn; trung tâm bảo trợ xã hội và cơ quan công an.

### **3. Kỹ năng phỏng vấn ban đầu đối với nạn nhân**

---

Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần biết rằng vụ việc bạo lực gia đình là một trong những loại vụ việc phức tạp và khó giải quyết nhất. Sự phức tạp trong mối quan hệ tình cảm thân thiết giữa người gây bạo lực và nạn nhân thường rất khó thấy được trong vụ việc thuộc các lĩnh vực khác. Nhiều nạn nhân chỉ tìm đến các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý để yêu cầu chấm dứt tình trạng bạo lực gia đình chứ không mong muốn chồng họ bị xử phạt hành chính hay bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Như đã nói ở trên, nạn nhân thường không cung cấp đầy đủ thông tin, nên người thực hiện trợ giúp pháp lý thường khó có thể đánh giá toàn diện về tình trạng bạo lực. Do đó, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần có những kỹ năng tiếp cận nạn nhân cần thiết để có thể khiến nạn nhân cảm thấy tin tưởng và chia sẻ mọi thông tin liên quan đến tình trạng bạo lực của họ.

#### **a. Kỹ năng phỏng vấn**

Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần tạo không khí thân thiện và cảm thông để bảo đảm rằng những câu hỏi đặt ra đối với nạn nhân có tính nhạy cảm, tôn trọng và bảo mật. Việc gặp gỡ, tiếp xúc với nạn nhân cần được tiến hành trong phòng riêng hoặc không gian riêng biệt tạo cho nạn nhân cảm giác an toàn, thoải mái để họ có thể cởi mở và chia sẻ về vụ việc của họ. Không nên phỏng vấn nạn nhân khi có mặt người gây bạo lực hay gia đình của anh ta.

#### ***Thái độ của người thực hiện trợ giúp pháp lý***

Thái độ, cách ứng xử có tính nhạy cảm đối với nạn nhân bạo lực gia đình của người thực hiện trợ giúp pháp lý là rất cần thiết trong mọi trường hợp. Cách phản ứng, thái độ của người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể tác động đáng kể đến việc nạn nhân có tiếp tục giải quyết vụ việc để chấm dứt bạo lực theo thủ tục pháp lý hay không.

*Bình tĩnh, thận trọng và kiên nhẫn:* Hãy nhớ rằng, nạn nhân bạo lực gia đình thường không cư xử như những nạn nhân của tội phạm hay sự vi phạm pháp luật khác. Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần hiểu và chuẩn bị để có phản ứng tích cực. Hãy hỏi cô ấy về gia đình, sức khỏe cũng như việc cô ấy có gặp khó khăn nào trong quá trình yêu cầu trợ giúp pháp lý hay tìm kiếm sự hỗ trợ của các cơ quan có thẩm quyền hay không (chẳng hạn như bị lên án hay những khó khăn khác).

*Không lên án, kết tội và sẵn lòng giúp đỡ:* Hãy thể hiện rằng bạn quan tâm và cởi mở; tạo không khí thoải mái và tin tưởng để nạn nhân có thể chia sẻ vụ việc của họ. Trong suốt quá trình giải quyết vụ việc, không nên có định kiến hoặc phân biệt đối xử với phụ nữ. Người thực hiện trợ giúp pháp lý ở đó để giúp đỡ chứ không phán xét nạn nhân.

### ***Kỹ năng phỏng vấn, đặt câu hỏi***

Trong quá trình phỏng vấn, tiếp xúc với nạn nhân, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần tạo không khí thoải mái, thân thiện và gần gũi để nạn nhân có thể chia sẻ về vụ việc của họ. Thái độ, cử chỉ, hành động và các ngôn ngữ cơ thể khác cần được vận dụng linh hoạt. Dưới đây là một số câu hỏi hoặc lời gợi ý mà người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể sử dụng để tạo cho nạn nhân sự tin tưởng và dễ dàng chia sẻ:

- Tôi ở đây để giúp đỡ bạn/chị chứ không để trách cứ hay kết tội bạn/chị.
- Nếu tôi hiểu sai ý bạn/chị muốn nói, hãy cho tôi biết. Tôi muốn biết là tôi hiểu đúng ý bạn/chị hay chưa.
- Nếu bạn/chị không hiểu những gì tôi nói thì hãy cho tôi biết, tôi sẽ nói lại cho bạn/chị hiểu.
- Bất kỳ lúc nào bạn/chị cảm thấy không thoải mái hãy nói hoặc ra hiệu để tôi dừng lại (giơ 1 tay lên hoặc úp bàn tay xuống).
- Ngay khi bạn/chị cho rằng tôi đã hiểu đúng vấn đề, hãy cứ nói cho tôi biết về vấn đề của bạn/chị.
- Nếu bạn/chị không chắc chắn về câu trả lời, đừng cố đoán, hãy nói cho tôi biết là bạn/chị không chắc về câu trả lời trước khi nói.
- Khi bạn/chị kể cho tôi điều gì đó, hãy nhớ rằng tôi không tận mắt chứng kiến những gì xảy ra. Bạn/chị càng kể chi tiết bao nhiêu thì tôi càng hiểu rõ điều gì đã xảy ra.
- Hãy nhớ rằng tôi không buồn, không thất vọng cũng không giận giữ vì những gì bạn/chị làm.
- Hãy chỉ nói với tôi sự thật và những gì thực sự diễn ra.

Hỏi đối tượng về những gì cô ấy đã trải qua, nhìn thấy, nghe thấy theo cảm nhận của cô ấy. Cần khuyến khích họ kể về sự việc càng chi tiết càng tốt. *“Tôi muốn bạn/chị kể cho tôi nghe mọi điều mà bạn/chị nhớ kể từ lúc sự việc diễn ra”*. Người thực hiện trợ giúp pháp lý không nên ngắt lời khi nạn nhân đang nói. Đây là phần chi tiết và quan trọng nhất của buổi gặp gỡ, tiếp xúc và tìm hiểu thông tin từ nạn nhân, vì thông qua phần trả lời, nạn nhân sẽ tiết lộ cho người thực hiện trợ giúp pháp lý về những chi tiết cụ thể nhất của vụ việc. Nếu

nạn nhân dừng lại hãy đặt câu hỏi như “*Chuyện gì đã xảy ra sau đó?*” hay nhắc lại câu mà nạn nhân vừa nói “*Bạn/chị vừa nói rằng...?*”. Nhắc nhở nhẹ nhàng và khuyến khích để nạn nhân tiếp tục chia sẻ về vụ việc của họ, hoặc thể hiện sự tập trung bằng cách gật đầu hoặc các câu nói như “*ừm, vậy à...*”. Người thực hiện trợ giúp pháp lý nên kiên nhẫn, lắng nghe toàn bộ trả lời trước khi đặt tiếp câu hỏi khác và ghi chép lại những thông tin cần lưu ý.

Cần sử dụng các câu hỏi mở để khuyến khích nạn nhân chia sẻ về vụ việc của họ. Câu hỏi mở là câu hỏi được diễn đạt theo hướng nhằm tìm hiểu về kiến thức, quan điểm, dự định hoặc là cảm nhận của người nghe, không mang tính định hướng, gợi ý hay áp đặt. Các câu hỏi mở cho phép người đặt câu hỏi kiểm soát được luồng thông tin thu được và giảm thiểu rủi ro mà người đặt câu hỏi có thể gặp phải khi vô tình áp đặt quan điểm của họ về những gì đã xảy ra. Dưới đây là một số câu hỏi mở (những câu trả lời tương ứng thường dài hơn và cung cấp nhiều thông tin hơn thay vì chỉ trả lời “Có” hoặc “Không”). Chẳng hạn:

- Hãy nói cho tôi biết...
- Điều gì xảy ra tiếp theo?
- Và sau đó bạn thấy điều gì?
- Hãy kể với tôi bất cứ điều gì bạn nhớ.

Một điều quan trọng người thực hiện trợ giúp pháp lý cần nhớ là không nên phỏng vấn, đặt những câu hỏi có tính công kích đối với phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình.

### **b. Thu thập thông tin**

Thu thập các thông tin về vụ việc càng toàn diện càng tốt. Cố gắng để có được thông tin hoàn chỉnh về vụ việc. Thường thì các cơ quan chức năng xem xét hành vi bạo lực một cách độc lập chứ không đặt nó trong mối quan hệ áp đặt quyền lực và kiểm soát. Đôi khi việc đánh giá mức độ nghiêm trọng của hành vi bạo lực dựa trên tỉ lệ tổn thương về thể xác. Tỉ lệ này không đủ để xác định chính tính chất và nguyên nhân, động cơ dẫn đến bạo lực trong các mối quan hệ thân tình. Vì thế, hãy nhớ, cần thu thập đầy đủ thông tin liên quan đến vụ việc.

Một số nội dung hỏi có thể giúp phát hiện nạn nhân bạo lực gia đình:

- Diễn biến chi tiết của vụ việc hiện tại.
- Tình trạng hiện tại và trong quá khứ của mối quan hệ vợ chồng.
- Lịch sử bạo lực trong mối quan hệ vợ chồng (bạo lực về thể xác, tình dục, lời nói, tài chính, tâm lý).
- Thông tin về người gây bạo lực: tình trạng thất nghiệp, tình trạng sử dụng rượu và ma túy, bệnh về tâm thần, mức độ tâm trạng căng thẳng.

- Hành vi kiểm soát, như cô lập, cách ly nạn nhân với các mối quan hệ khác, ghen tuông.
- Việc sử dụng hung khí.
- Phản ứng trước đó của cơ quan công an, Ủy ban nhân dân hoặc Hội phụ nữ.
- Đe dọa làm hại/hành vi quấy rối.
- Diễn biến theo chiều hướng tăng của tình trạng bạo lực.
- Những nỗi sợ hãi cũng như mối quan tâm của nạn nhân.

### **c. Bảo đảm an toàn và hỗ trợ nạn nhân**

Có rất nhiều điều mà người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể thực hiện để bảo đảm sự an toàn cho phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình. Chẳng hạn như:

- Đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp bảo vệ như ra quyết định cấm tiếp xúc.
- Giới thiệu hoặc trực tiếp đưa nạn nhân đến nhà tạm lánh hoặc địa chỉ tin cậy tại cộng đồng.
- Trợ giúp nạn nhân trong việc xác định những yếu tố rủi ro cũng như đưa ra những phương án bảo đảm an toàn cho họ.
- Tiến hành đánh giá rủi ro và xây dựng các phương án quản lý, kiểm soát các mối đe dọa để hạn chế nguy cơ nạn nhân tiếp tục bị bạo lực trong tương lai.
- Chuyển vụ việc sang cho cơ quan công an để tiến hành điều tra và áp dụng biện pháp tạm giam nếu vụ việc có dấu hiệu của tội phạm hình sự.

Trong các cuộc gặp gỡ, tiếp xúc với phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần tập trung thảo luận và đánh giá những rủi ro có thể xảy đến với phụ nữ và trẻ em. Đồng thời, giúp nạn nhân đánh giá những rủi ro mà người gây bạo lực có thể gây ra cho họ. Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần giải thích rõ cho nạn nhân hiểu về những phương án giải quyết vụ việc. Tuy nhiên, việc quyết định lựa chọn phương án giải quyết nào là do bản thân nạn nhân. Nếu người thực hiện trợ giúp pháp lý lo ngại cho sự an toàn của nạn nhân, có thể khích lệ, động viên để nạn nhân đến cơ quan công an để được bảo vệ.

Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cần xây dựng Bảng danh sách mạng lưới hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình ở địa phương. Tất cả người thực hiện trợ giúp pháp lý ở địa phương đều cần có Bảng này để có thể cung cấp cho nạn nhân những thông tin cần thiết khi họ có nhu cầu.

<b>Mạng lưới hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình</b>				
<b>Tên của cơ quan, tổ chức</b>	<b>Dịch vụ</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Số điện thoại</b>	<b>Người liên hệ</b>
Nhà tạm lánh/Nhà Bình yên	Ăn, nghỉ và chữa bệnh	20 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội		
Địa chỉ tin cậy tại cộng đồng	Ăn, nghỉ			
Cơ sở khám, chữa bệnh				
Trung tâm tư vấn/Trung tâm bảo trợ xã hội				
Công an khu vực				
Chi hội phụ nữ				
Trưởng thôn/Chủ tịch xã				

#### **4. Tổng quan về loại vụ việc và khả năng hỗ trợ của các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý**

Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần xác định đúng tính chất của vụ việc, xác nhận lại thông tin thu được từ buổi tiếp xúc với nạn nhân và đánh giá các phương án giải quyết phù hợp. Nạn nhân cần được nhắc nhở rằng người thực hiện trợ giúp pháp lý chỉ có thể đưa ra được lời khuyên chính xác, hợp pháp và toàn diện nếu họ trình bày vụ việc một cách trung thực và khách quan.

Khi thu thập thông tin và xác định xem nạn nhân có thuộc diện được trợ giúp pháp lý hay không, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần đánh giá tính chất của vụ việc để quyết định phương án giải quyết phù hợp. Khung pháp lý của Việt Nam quy định nhiều phương án giải quyết vụ việc bạo lực gia đình tùy thuộc vào tính chất, mức độ của hành vi bạo lực.

##### Đánh giá các tình tiết vụ việc để quyết định:

- Chế tài nào có thể được áp dụng đối với hành vi bạo lực gia đình (là chế tài hình sự hay chế tài hành chính).

- Biện pháp bảo vệ nạn nhân nào có thể được áp dụng (Cấm tiếp xúc, tạm giữ hành chính đối với người gây bạo lực).
- Các yêu cầu pháp lý nào cần giải quyết (ly hôn, vấn đề nuôi con, vấn đề bồi thường thiệt hại trong dân sự).

***Trình tự, thủ tục pháp lý trong việc giải quyết vụ việc bạo lực gia đình***

Khi giải quyết vụ việc bạo lực gia đình, có một số cơ quan có thẩm quyền tương ứng với một số quy trình, thủ tục pháp lý nhất định. Phụ thuộc vào tính chất, mức độ của hành vi bạo lực gia đình, người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể lựa chọn phương án hòa giải, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, để chấm dứt tình trạng bạo lực và bảo vệ nạn nhân, người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể đưa ra các phương án để nạn nhân có thể lựa chọn như yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại, yêu cầu ly hôn hoặc yêu cầu Tòa án ra quyết định cấm tiếp xúc.

Phương án	Cơ quan/cá nhân có thẩm quyền	Vấn đề cần xem xét
<b>Hành vi bạo lực gia đình chưa nghiêm trọng đến mức phải xử phạt hành chính hay truy cứu trách nhiệm hình sự::</b>		
<b>Hòa giải</b>	Tổ hòa giải; Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn, hỗ trợ và tạo điều kiện cho các tổ chức xã hội ở cấp cơ sở; công chức tư pháp, hộ tịch xã hỗ trợ tổ hòa giải về vấn đề pháp lý. Các cơ quan, tổ chức có chức năng hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên trong gia đình	<p><i>Pháp lệnh về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở năm 1998 và Nghị định số 160/1999/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở quy định rằng việc hòa giải được tiến hành đối với việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong cộng đồng dân cư.</i></p> <p><i>Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần hiểu rõ động cơ và các hình thức bạo lực cũng như tác động mức độ tác động của nó đến sự an toàn của nạn nhân và sự “hài lòng” của nạn nhân đối với kết quả hòa giải; sự mất cân bằng về quyền lực tại buổi hòa giải cũng như sự đe dọa từ phía người gây bạo lực trước và trong quá trình hòa giải.</i></p>

<p><b>Góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư</b></p>	<p>Người đứng đầu cộng đồng dân cư/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hỗ trợ và tạo điều kiện cho người đứng đầu cộng đồng dân cư</p>	<p><i>Người thực hiện trợ giúp pháp lý cũng cần cân nhắc xem có nên tiến hành hòa giải đối với trường hợp hành vi bạo lực đã diễn ra liên tục trong một thời gian hay không.</i></p> <p><i>Góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư được áp dụng đối với người có hành vi bạo lực gia đình đã được tổ hòa giải ở cơ sở hoà giải mà tiếp tục có hành vi bạo lực gia đình.</i></p> <p><i>Nghị định số 08/2009/NĐ-CP quy định góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư được áp dụng đối với người gây bạo lực nếu thời gian giữa hai lần thực hiện hành vi bạo lực không quá 12 tháng.</i></p> <p><i>Các buổi họp góp ý, phê bình tại cộng đồng cần được lập thành biên bản gửi tới công chức làm công tác tư pháp, hộ tịch cấp xã công chức làm công tác văn hóa – xã hội ở cấp xã để lưu trữ.</i></p>
<p><b>Khi hành vi bạo lực gia đình nghiêm trọng đến mức phải xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự:</b></p>		
<p><b>Xử lý hành chính</b></p>	<p>Công an, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp (tỉnh, huyện, xã), Bộ đội biên phòng, Thanh tra của Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch</p>	<p><i>Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và các Điều 42, 43 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình quy định các chế tài và biện pháp xử lý hành chính đối với hành vi vi phạm như giáo dục tại cộng đồng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng.</i></p> <p><i>Các quy định này được áp dụng đối với các hành vi bạo lực gia đình được quy định trong Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Việc xử lý hành chính đối với những</i></p>

<p><b>Truy cứu trách nhiệm hình sự</b></p>	<p>Công an, cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án</p>	<p><i>hành vi này được hướng dẫn cụ thể trong Nghị định 110/2009/NĐ-CP.</i></p> <p><i>Không cần có sự đồng ý của nạn nhân khi xử phạt hành chính đối với hành vi bạo lực gia đình.</i></p> <p><i>Có một vài tội phạm chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự khi có yêu cầu của nạn nhân, nhưng không phải tất cả các vụ việc đều cần sự đồng ý hay yêu cầu của nạn nhân.</i></p> <p><i>Một số tội phạm cần có giấy giám định thương tật, nhưng không phải mọi tội phạm đều cần có giấy giám định thương tật. Không có quy định nào cho thấy phải có sự đồng ý bằng văn bản của nạn nhân để tiến hành giám định thương tật. Tuy nhiên, trên thực tế, nếu nạn nhân từ chối trưng cầu giám định thương tật, cơ quan điều tra sẽ tiến hành hòa giải sau khi yêu cầu nạn nhân ký vào văn bản cam kết không khiếu kiện cơ quan điều tra do vi phạm thủ tục tố tụng. Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần nhận thức rõ sự yếu thế, dễ tổn thương của nạn nhân và khuyến khích cô ấy đi điều trị ngay cả khi cô ấy không tiếp tục theo đuổi quá trình tố tụng hình sự để giải quyết vụ việc.</i></p>
<p><b>Trong mọi trường hợp bạo lực gia đình phát sinh, cần áp dụng những biện pháp bảo vệ nào?</b></p>		
<p><b>Biện pháp cảm tiếp xúc</b></p>	<p>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Tòa án</p>	<p><i>Có đơn yêu cầu của nạn nhân bạo lực gia đình (người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể giúp đỡ trong việc viết đơn), người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp hoặc cơ quan, tổ chức</i></p>

<p><b>Quyết định tạm giữ theo thủ tục hành chính (Nghị định số 19/2009/NĐ-CP)</b></p>	<p>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng công an xã, Trưởng công an huyện, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động từ cấp đại đội trở lên</p>	<p><i>có thẩm quyền; trường hợp cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có đơn yêu cầu thì phải có sự đồng ý của nạn nhân bạo lực gia đình.</i></p> <p>Đã có hành vi bạo lực gia đình gây tổn hại hoặc đe dọa gây tổn hại đến sức khỏe hoặc đe dọa tính mạng của nạn nhân bạo lực gia đình. Điều này được thể hiện qua giấy chứng nhận y tế về việc khám và điều trị thương tích của nạn nhân (không đề cập đến tỉ lệ thương tật trong trường hợp này); dấu hiệu của thương tổn có thể nhận biết được hoặc dấu hiệu rõ ràng về sự hoảng loạn tâm thần của nạn nhân; chứng cứ chứng tỏ có sự đe dọa.</p> <p><i>Người gây bạo lực và nạn nhân có nơi ở khác nhau trong một khoảng thời gian (03 ngày theo quyết định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã hoặc 04 tháng theo quyết định của Tòa án).</i></p> <p><i>Thời gian tạm giữ có thể từ 12h đến 24h.</i></p> <p><i>Việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính được áp dụng khi cần ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi gây rối trật tự công cộng hoặc gây thương tích cho người khác: Người có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm quyết định cấm tiếp xúc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.</i></p>
<p><b>Trong vụ việc bạo lực gia đình, có một số vấn đề pháp lý sau có thể đưa ra:</b></p>		
<p><b>Xác định nạn</b></p>	<p>Tòa án nhân dân cấp</p>	<p><i>Điều 604 Bộ luật Dân sự 2005 và Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định chi</i></p>

<p><b>nhân có quyền yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại</b></p> <p><b>Xác định xem nạn nhân có thể tiến hành ly hôn ngay mà không cần qua thủ tục hòa giải không?</b></p>	<p>huyện hoặc Tòa Dân sự thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh</p> <p>Tòa án nhân dân cấp huyện hoặc Tòa Dân sự thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh</p>	<p><i>tiết và hướng dẫn về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng quy định Tòa án có quyền ra quyết định buộc người gây bạo lực bồi thường những thiệt hại mà nạn nhân phải chịu do hành vi bạo lực gia đình của họ gây ra.</i></p> <p><i>Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định Tòa án xem xét yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được thì Tòa án quyết định cho ly hôn. Nghị quyết số 02/2000/NĐ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.</i></p>
--	---	--

### **Phụ lục**

6. Xác định mức độ nghiêm trọng của vụ việc và biện pháp xử lý: hình sự, hành chính hoặc biện pháp khác

## PHẦN IV. KỸ NĂNG THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NẠN NHÂN BẠO LỰC GIA ĐÌNH TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ

*Lưu ý: Mục đích của phần này KHÔNG nhằm cung cấp hướng dẫn chi tiết về kỹ năng mà người thực hiện trợ giúp pháp lý cần thực hiện trong quá trình giải quyết vụ việc bạo lực gia đình theo trình tự tư pháp hình sự của Việt Nam. Phần này chủ yếu nhấn mạnh một số vấn đề đặc biệt cũng như các kỹ năng người thực hiện trợ giúp pháp lý cần biết khi trợ giúp cho nạn nhân bạo lực gia đình trong vụ án hình sự.*

Hệ thống tư pháp hình sự đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc giải quyết bạo lực gia đình, bảo đảm hành vi bạo lực gia đình được xử lý như những hành vi vi phạm pháp luật hình sự khác. Hệ thống này có thể bảo vệ nạn nhân và gia đình của họ; ngăn ngừa hành vi bạo lực trong tương lai bằng cách buộc người gây bạo lực phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của họ cũng như truyền tải đến cộng đồng, xã hội thông điệp “hành vi bạo lực gia đình là không thể tha thứ và nguyên nhân của bạo lực gia đình không phải do lỗi của nạn nhân. Khi tiến hành quá trình tư pháp hình sự, nạn nhân có yêu cầu được tiếp cận với tòa án, sự hướng dẫn và hỗ trợ cũng như bảo vệ. Người thực hiện trợ giúp pháp lý được giao giải quyết vụ việc đóng vai trò quan trọng trong quá trình này.

Nội dung chủ yếu của Tài liệu nhằm tăng cường kỹ năng trợ giúp pháp lý cho phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình cho người thực hiện trợ giúp pháp lý. Chương này bao gồm các nội dung:

- Trợ giúp cho phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình trong các vụ án hình sự.
- Trợ giúp cho phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình nhưng trở thành bị can/bị cáo trong vụ án hình sự.

### **1. Kỹ năng đại diện, bảo vệ quyền lợi cho nạn nhân bạo lực gia đình trong các vụ án hình sự**

Thường thì hệ thống tư pháp hình sự chủ yếu tập trung vào giải quyết các vụ bạo lực gia đình gây hậu quả nghiêm trọng, chẳng hạn như giết người hoặc cố ý gây thương tích nghiêm trọng khiến nạn nhân phải điều trị trong bệnh viện hoặc khi hành vi bạo lực diễn ra thường xuyên trong quá khứ nhưng chưa bị xử lý hành chính. Ngay cả trong trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng, thì tỉ lệ “*tiêu hao*” cũng rất cao. Sự “*tiêu hao*” ở đây muốn đề cập đến việc đưa vụ việc khỏi hệ thống tư pháp hình sự, từ việc báo cơ quan công an, điều tra, bảo lãnh, truy tố đến kết án và thông qua hình phạt.

Nghiên cứu của UNODC thông qua việc phỏng vấn 900 phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình tại Việt Nam cho thấy trong hầu hết các vụ việc đã trình báo công an người gây bạo lực đều không phải chịu trách nhiệm pháp lý.<sup>24</sup> Nghiên cứu chỉ ra rằng tỉ lệ người gây bạo lực bị xử lý sau khi công an nhận được tin báo là rất thấp, chỉ khoảng 12%.<sup>25</sup> Điều đó có nghĩa là khoảng 81% vụ việc trong đó người gây bạo lực không bị xử lý sau khi công an nhận được tin báo. Trên 46 vụ việc bị đem ra tòa xử lý, chỉ có 08 vụ là người gây bạo lực bị kết tội. Những kết quả này cho thấy, hệ thống tư pháp hình sự chưa xử lý những vụ việc bạo lực gia đình một cách nghiêm khắc. Theo kết quả nghiên cứu, chỉ 1/100 hành vi bạo lực gia đình bị đem ra xét xử và kết án tại các phiên tòa hình sự.

Bất chấp thực tế là bạo lực gia đình trở thành vấn đề phổ biến, được nghiên cứu ở khắp mọi nơi, phụ nữ vẫn tiếp tục phải đối mặt với rất nhiều trở ngại khi tìm kiếm sự hỗ trợ từ hệ thống tư pháp hình sự. Để ứng phó có hiệu quả với bạo lực gia đình, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần có hiểu biết nhất định về các rào cản của hệ thống tư pháp hình sự có thể cản trở, hạn chế khả năng tiếp cận công lý của nạn nhân để tăng cường và nâng cao khả năng này.

### ***Hỗ trợ để bảo đảm quá trình tố tụng diễn ra kịp thời và nhanh chóng***

Người thực hiện trợ giúp pháp lý khi đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nạn nhân cần bảo đảm rằng việc giải quyết vụ việc bạo lực gia đình tuân thủ các quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng Hình sự. Mọi sự việc có dấu hiệu tội phạm cần phải được xử lý kịp thời. Cần lưu ý rằng, bạo lực gia đình không chỉ là tội phạm xâm phạm cá nhân nạn nhân mà còn xâm phạm công tác quản lý của Nhà nước và là mối quan tâm của cả cộng đồng. Hệ thống tư pháp hình sự cần ứng phó kịp thời, thận trọng và thiết thực đối với tội phạm bạo lực gia đình để bảo đảm an toàn cho nạn nhân và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người gây bạo lực. Người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể hỗ trợ nhân viên điều tra và kiểm sát viên trong các giai đoạn điều tra và truy tố.

Vụ việc bạo lực gia đình cần được giải quyết nhanh nhất có thể không làm tổn hại đến sự an toàn của nạn nhân. Nạn nhân thường sẵn lòng hợp tác ngay khi vụ việc vừa xảy ra hơn là khi nó đã diễn ra được một thời gian, vì lúc này người gây bạo lực đã có thể xác lập lại sự kiểm soát đối với nạn nhân. Ngoài ra, việc hoãn phiên tòa cũng có thể làm tăng khả năng xuất hiện tội phạm khác, điều này có thể khiến cho vụ việc trở nên nghiêm trọng hơn.

### ***Hỗ trợ và khuyến khích nạn nhân tham gia quá trình tố tụng hình sự***

Trong các vụ việc bạo lực gia đình, rất nhiều trường hợp nạn nhân không sẵn lòng cung cấp thông tin hoặc không ưng thuận theo đuổi quá trình tố tụng. Sự miễn

<sup>24</sup> “Nghiên cứu về Chất lượng dịch vụ tư pháp hình sự đối với nạn nhân bạo lực gia đình ở Việt Nam” do UNODC hợp tác với Trung tâm nghiên cứu về Giới và Phát triển (RCGAD) tại Hà Nội và Viện Phòng chống tội phạm Châu Âu (HEUNI) tại Helsinki.

<sup>25</sup> xem chú thích 29.

cường của nạn nhân khi tham gia quá trình điều tra hình sự thường khiến điều tra viên hiểu lầm rằng nạn nhân không quan tâm và rằng họ không bận tâm đến việc điều tra hay truy tố hành vi bạo lực. Với tư cách là người đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nạn nhân, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần tìm hiểu lý do khiến nạn nhân có thái độ đó, chẳng hạn như nạn nhân sợ bị người gây bạo lực trả thù, sợ gia đình và cộng đồng xa lánh, sợ bị bỏ lại một mình nếu người gây bạo lực rời khỏi nhà. Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần động viên, an ủi và xoa dịu nỗi sợ hãi cho nạn nhân đồng thời tiến hành những bước cần thiết để bảo vệ nạn nhân, chẳng hạn như đưa nạn nhân đến nhà tạm lánh, đề xuất áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc trong trường hợp có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và cùng thảo luận với nạn nhân để xây dựng một kế hoạch bảo đảm an toàn có hiệu quả.

Sự miễn cưỡng, không sẵn sàng hợp tác của nạn nhân có thể xuất hiện ở nhiều giai đoạn khác nhau của quá trình điều tra hoặc truy tố.

Là người đại diện, bảo vệ quyền lợi cho nạn nhân, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần sớm gặp gỡ, tiếp xúc với nạn nhân để:

- Dành thời gian giải thích cho nạn nhân về các giai đoạn của quá trình tố tụng hình sự.
- Giải thích về vai trò của nạn nhân như là một người làm chứng trong quá trình này.
- Cung cấp các thông tin về các tổ chức, cá nhân có thể bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân.
- Hỗ trợ nạn nhân liên hệ với các tổ chức, cá nhân này.

Điều 105 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định, đối với một số loại tội phạm, chỉ có thể khởi tố vụ án khi có yêu cầu của người bị hại hoặc của người đại diện hợp pháp của người bị hại là người chưa thành niên, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất. Chẳng hạn, khoản 1 Điều 104, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật dưới 30% chỉ được áp dụng khi có sự đồng ý của nạn nhân. Cần lưu ý rằng, tỉ lệ thương tật từ 31% trở lên, hành vi bạo lực được thực hiện rõ ràng là cấu thành tội phạm và trong trường hợp này cơ quan công an có thể tiến hành điều tra và khởi tố ngay mà không cần có sự đồng ý của nạn nhân.

Trong những trường hợp cần phải có sự đồng ý của nạn nhân mới có thể khởi tố vụ án, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần trao đổi với điều tra viên để:

- Tiến hành điều tra thu thập chứng cứ quan trọng và cho nạn nhân thời gian để quyết định có tiếp tục theo đuổi vụ án hay không.
- Xác định các tình tiết của vụ việc có dấu hiệu cấu thành tội phạm khác theo quy định của Bộ luật Hình sự mà không phải khởi tố theo yêu cầu của nạn nhân như Điều 151 (tội hành hạ, ngược đãi...) hay không.

- Ghi nhớ rằng việc áp dụng các biện pháp xử phạt hành chính không cần phải có sự đồng ý của nạn nhân và vì thế có thể sử dụng việc áp dụng biện pháp xử phạt hành chính trong trường hợp không thể khởi tố vụ án do nạn nhân không có yêu cầu.

Nhìn chung, trong những vụ việc này cơ quan công an không chủ động lấy lời khai mà nạn nhân hoặc người đại diện hợp pháp của nạn nhân có trách nhiệm nộp đơn tố giác, đơn tố cáo hoặc đơn yêu cầu. Vì vậy, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần thay mặt nạn nhân soạn thảo đơn bảo đảm các yêu cầu pháp lý để có thể tiến hành điều tra, khởi tố vụ án.

Sau khi nộp đơn tố cáo, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần có mặt trong các buổi cơ quan điều tra thẩm vấn, lấy lời khai của nạn nhân để bảo đảm rằng nạn nhân không bị chất vấn bởi những câu hỏi có tính công kích, buộc tội, chằng hạn như chế nhạo nạn nhân hoặc đổ lỗi cho nạn nhân về tình trạng bạo lực mà họ phải chịu. Nếu thời điểm nạn nhân trình báo về vụ việc có chậm trễ so với thời điểm diễn ra bạo lực gia đình, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần bảo đảm không có những suy đoán về lý do của việc chậm trễ này và điều này cũng không ảnh hưởng đến việc đánh giá lời khai của nạn nhân. Là người đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nạn nhân, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần bảo đảm rằng, điều tra viên sẽ lưu ý rằng việc chậm trễ đó thường xảy ra đối với vụ việc bạo lực gia đình. Nạn nhân có thể sợ sự kỳ thị, sợ bị bẽ mặt hoặc không tin tưởng, sợ bị trả thù, lo lắng vì sự phụ thuộc về tài chính vào người gây bạo lực, mất niềm tin hoặc thiếu hiểu biết về hệ thống tư pháp hình sự. Điều không may là, ở một số nước, các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền coi việc chậm trễ này đồng nghĩa với việc nạn nhân không chắc chắn và thông tin nạn nhân cung cấp không đáng tin cậy.

Một vấn đề khác cũng cần phải có sự đồng ý của nạn nhân mới có thể thực hiện đó là việc yêu cầu giám định thương tật và lấy giấy chứng nhận y tế về tỉ lệ thương tật. Mặc dù nạn nhân có thể không tiếp tục theo đuổi quá trình tố tụng hình sự để giải quyết vụ việc, người thực hiện trợ giúp pháp lý vẫn cần động viên, khích lệ để nạn nhân tìm đến sự hỗ trợ của các cơ sở y tế. Bất kể quá trình tố tụng có được thực hiện hay không, thương tích của nạn nhân vẫn cần được khám và điều trị kịp thời và chu đáo.

### ***Bảo đảm thu thập chứng cứ toàn diện***

Cơ quan công an và cơ quan điều tra có trách nhiệm thu thập chứng cứ phạm tội. Tuy nhiên, với tư cách là người đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nạn nhân, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần bảo đảm rằng các chứng cứ liên quan đến vụ việc cần được thu thập một cách toàn diện và đầy đủ. Trong trường hợp điều tra viên chưa được đào tạo về nghiệp vụ giải quyết vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần bảo đảm rằng điều tra viên nhận biết được động cơ đặc biệt dẫn đến hành vi bạo lực gia đình không phải là

một vấn đề tách rời mà là một phần của “*phương thức thiết lập quyền lực và kiểm soát đối với thành viên trong gia đình – bạo lực gia đình*”. Vì vậy, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần cung cấp cho họ mọi chứng cứ thu thập được liên quan đến lịch sử của bạo lực.

Cần nhớ rằng, với các lý do đã trình bày ở trên, rất có thể nạn nhân sẽ không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ việc, do đó, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần bảo đảm rằng điều tra viên sẽ xem xét chứng cứ trên cơ sở hoặc trong mối liên hệ với lời khai của nạn nhân. Xem xét xem với những chứng cứ thu thập được, liệu có thể xét xử vắng mặt nạn nhân được hay không.

**Chứng cứ chứng minh** là những chứng cứ khác ngoài lời khai của nạn nhân mà qua đó có thể chứng minh rằng vụ việc xảy ra như lời khai của nạn nhân. Bao gồm:

- ◇ Báo cáo của cơ quan công an
- ◇ Lời khai của hàng xóm
- ◇ Lời khai của nhân chứng khác (có thể là của đứa trẻ chứng kiến cảnh bạo lực)
- ◇ Báo cáo của 113 hoặc 115
- ◇ Những ghi chú về thương tật, thương tích trong báo cáo của cơ quan công an
- ◇ Chứng cứ về y tế
- ◇ Ảnh chụp thương tật, thương tích và hiện trường xảy ra vụ việc
- ◇ Thiệt hại về tài sản theo ghi chép của cảnh sát
- ◇ Hồ sơ về vụ việc trước đó, hồ sơ tội phạm, các biện pháp xử phạt hành chính đã được áp dụng hoặc hòa giải
- ◇ Thông tin về đặc điểm nhân thân xấu của người gây bạo lực trước đó, như đã từng có tiền án, tiền sự...
- ◇ Thông tin từ các cơ quan khác, như nhà tạm lánh hoặc địa chỉ tin cậy tại cộng đồng

Về chứng cứ y tế, một vài tội phạm không yêu cầu phải có xác nhận của cơ sở y tế hay kết quả giám định thương tật về tổn thương của nạn nhân (chẳng hạn như tại các Điều 151, 103, 110, 121 Bộ luật Hình sự). Trong những trường hợp này, chỉ cần có bản sao hồ sơ bệnh án hoặc sổ khám bệnh để chứng minh lịch sử của bạo lực.

Trong những trường hợp buộc phải có xác nhận của cơ sở y tế hay kết quả giám định thương tật như là một chứng cứ buộc tội (chẳng hạn như theo quy định tại Điều 104 Bộ luật Hình sự), người thực hiện trợ giúp pháp lý cần xem xét kỹ chứng nhận này và ghi nhớ một số điểm sau:

- Kết quả giám định thương tật chỉ xác định mức độ nghiêm trọng của thương tổn mà nạn nhân phải chịu do hành vi bạo lực gây ra trong trường hợp cụ thể chứ không đo lường hay đánh giá ảnh hưởng của những tổn thương lặp đi lặp lại trong một khoảng thời gian hay đánh giá chấn thương về tâm lý.
- Tại thời điểm tiến hành giám định pháp y, mức độ tổn thương có thể không được đánh giá một cách đầy đủ. Chẳng hạn như, ngạt thở là một trong những thương tích phổ biến nhất nhưng lại thường bị bỏ qua khi xem xét vụ việc bạo lực gia đình. Các nghiên cứu gần đây chứng tỏ khả năng có thể gây chết người của chấn thương này. Vì thiếu oxy khiến não bị tổn thương, nạn nhân có thể bị đột quỵ, xảy thai, thậm chí là tử vong sau vài tuần. Dấu hiệu ban đầu của chứng ngạt thở bao gồm những thay đổi trong giọng nói; hơi thở khò khè; khó nuốt; khó thở; có vết trầy xước, sự đổi màu và vết hằn trên vùng da cổ; lưỡi sưng; vỡ mao mạch trong mắt... những dấu hiệu này không được coi là đạt tỉ lệ trên 11%.
- Giấy chứng nhận kết quả giám định thương tật có thể do nhân viên y tế chưa được đào tạo và chưa có kinh nghiệm làm việc với nạn nhân bạo lực gia đình lập. Họ có thể tin vào những lời tường thuật về bạo lực gia đình cũng như cho rằng nguyên nhân bạo lực gia đình xuất phát từ chính nạn nhân (như đã trình bày ở trên). Nếu họ tin rằng người vợ có lỗi (nói quá nhiều, lười biếng...) rất có thể họ sẽ bị những đánh giá chủ quan này tác động khi đưa ra kết luận về tỉ lệ thương tật. Kết quả này sẽ được Tòa án sử dụng để xác định hành vi bạo lực có cấu thành tội phạm hay không, chứ không để lại cho nhân viên y tế.

#### ***Việc trình bày trong phần đầu phiên tòa***

Trách nhiệm chuẩn bị bản cáo trạng thuộc về Viện Kiểm sát: Việc xem xét bản cáo trạng và tính đúng đắn, phù hợp của bản cáo trạng đó thuộc về Hội đồng xét xử. Với tư cách là người đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nạn nhân, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần bảo đảm rằng việc soạn thảo cũng như xem xét bản cáo trạng có tính đến các nhu cầu thiết yếu và tôn trọng nạn nhân cũng như đáp ứng các điều kiện tiêu chuẩn trong việc thu thập chứng cứ. Nếu không, người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể đề nghị Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trả hồ sơ vụ việc cho Viện kiểm sát để xác minh lại chứng cứ.

Trong quá trình đánh giá, nghiên cứu bản cáo trạng, có một số vấn đề người thực hiện trợ giúp pháp lý cần xem xét, cụ thể là:

- Bảo đảm rằng trong phần buộc tội không tính đến những lý do, sự hối lỗi nhằm biện minh cho hành vi bạo lực đối với vợ của bị cáo như một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, chẳng hạn như vợ nói quá nhiều, lười biếng hay do ghen tuông. Từ đó, Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác theo Điều 104 sẽ được áp dụng thay vì chuyển sang áp

dụng Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh theo Điều 105 hay sẽ áp dụng Tội giết người theo Điều 93 thay vì Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh theo Điều 95.

- Nếu bản cáo trạng định tội danh theo Điều 104 Bộ luật Hình sự (Tội cố ý gây thương tích...) và nạn nhân rút yêu cầu (điều kiện cần để khởi tố bị can, khởi tố vụ án), hãy xem xem có thể chuyển sang tội danh khác không cần có sự đồng ý của nạn nhân hay không. Theo đó, nếu tỉ lệ thương tật trên 31%, vẫn có thể áp dụng Điều 104 mà không cần có sự đồng ý của nạn nhân. Nếu tỉ lệ thương tật dưới 31% và cần phải có sự đồng ý của nạn nhân mới có thể áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 104, cần xác định xem có thể chuyển sang các tội danh khác như Điều 151 (Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình); Điều 110 (Tội hành hạ người khác); Điều 103 (Tội đe dọa giết người); Điều 130 (Tội xâm phạm quyền bình đẳng của phụ nữ) hay Điều 121 (Tội làm nhục người khác), khi các chứng cứ chứng minh có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm đó.

### ***Vấn đề chứng cứ và chứng minh tại phiên tòa***

Với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nạn nhân, người thực hiện trợ giúp pháp lý sẽ có cơ hội đưa ra những chứng cứ cũng như đối chất các lời khai tại phiên tòa.

#### ***Đối chất lời khai của bị cáo***

Trước hết bị cáo trình bày ý kiến về bản cáo trạng cũng như lời khai tại phiên tòa. Sau đó, Hội đồng xét xử có thể đặt câu hỏi đối với bất kỳ điểm nào chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn trong phần trình bày của bị cáo. Với tư cách là người bảo vệ quyền lợi cho nạn nhân, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần bảo đảm rằng việc điều tra, thẩm vấn được thực hiện một cách khách quan, tôn trọng quyền tự bảo vệ cũng như nhân phẩm của các bên. Hành vi bạo lực mà bị can/bị cáo gây ra đối với vợ không thể được biện minh hay lý giải bởi những lý do xuất phát từ người vợ như “quá lười biếng” hay “nói quá nhiều”. Trong phiên tòa, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần tiến hành đối chất với bị cáo để làm rõ vấn đề này đồng thời xác định độ tin cậy trong lời khai của bị cáo.

#### **Khi đối chất với bị cáo, cần cần nhắc sự đáng tin cậy trong lời khai của bị cáo:**

- ◇ Độ tin cậy trong lời khai của bị cáo là như thế nào?
- ◇ Có bất kỳ dấu hiệu nào về thương tổn của bị cáo kể từ khi bị bắt (vết thương do bị tấn công như ngón tay bị trầy xước hoặc vết thương do tự vệ)?
- ◇ Có sự mâu thuẫn trong lời khai của bị cáo không?

### *Trình bày lời khai của nạn nhân*

Với tư cách là người bảo vệ quyền lợi cho nạn nhân, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần hỗ trợ nạn nhân trong việc trình bày lời khai trước tòa. Việc nhắc đề Hội đồng xét xử và kiểm sát viên nhớ rằng nạn nhân bạo lực gia đình thường không xử sự giống như nạn nhân trong hầu hết các vụ án hình sự khác là rất quan trọng. Nhìn chung, nạn nhân thường muốn có được sự công bằng, vụ việc của họ được làm rõ và những tổn thất được bồi thường. Trong khi một số phụ nữ bị bạo lực muốn có được những điều này thì nhiều nạn nhân bạo lực gia đình lại không nghĩ thế. Nạn nhân bạo lực gia đình có thể mời công an đến nhà để chấm dứt tình trạng bạo lực nhưng không hề muốn chồng họ bị bắt giữ hoặc phải chịu hình phạt. Cô ấy chỉ muốn người chồng ra khỏi nhà hôm đó để chấm dứt tình trạng khủng hoảng hiện tại. Có rất nhiều lý do khiến nạn nhân không sẵn lòng và/hoặc không thể tham gia quá trình tố tụng hình sự. Kiểm sát viên và thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa cần hiểu được những lý do này để tránh tạo mối quan hệ đối lập với nạn nhân.

Nạn nhân sẽ phản ứng tích cực hơn đối với chiến lược giải quyết vụ việc bảo đảm có sự cảm thông, thiết thực. Chiến lược này bao gồm việc giải quyết những mối quan tâm cụ thể của bản thân nạn nhân. Cách thức mà viện kiểm sát và tòa án đối xử với nạn nhân có thể giúp khôi phục sức mạnh và sự tôn trọng cho nạn nhân những điều đã bị tước đi bởi tình trạng bạo lực. Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần bảo vệ nạn nhân tránh khỏi những câu hỏi có thể khiến nạn nhân cảm thấy bối rối, xấu hổ và bị áp lực tại phiên tòa, trừ khi những câu hỏi đó là cần thiết để làm rõ các tình tiết khách quan của vụ việc, tuy nhiên cần yêu cầu những người đặt ra câu hỏi giải thích rõ lý do và mục đích của câu hỏi.

#### **Xử lý trường hợp nạn nhân rút đơn, từ bỏ truy cứu vụ việc**

Sẽ thế nào nếu nạn nhân rút lui hoặc thu hồi lại lời khai trước phiên tòa? Nếu điều này xảy ra, trước khi quyết định biện pháp tiếp theo cần áp dụng, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần gặp gỡ, tiếp xúc với nạn nhân để tìm hiểu rõ lý do, chẳng hạn như: bị ép buộc hay đe dọa. Trong mọi trường hợp, người thực hiện trợ giúp pháp lý nên trấn an và khuyến khích nạn nhân tiếp tục tham gia quá trình tố tụng hình sự; hỏi về cảm nhận của nạn nhân nếu buộc phải đối mặt với người gây bạo lực tại phiên tòa; xác định xem có thể áp dụng biện pháp gì để giảm thiểu sự đối mặt này? Tuy nhiên, nếu đã động viên, khuyến khích mà nạn nhân vẫn kiên quyết rút đơn, từ bỏ quyền khởi kiện, người thực hiện trợ giúp pháp lý nên trao đổi với kiểm sát viên để xác định xem có thể tiếp tục vụ án mà không cần sự tham gia của nạn nhân hay không? Đề xuất sử dụng lời khai thay vì sự hiện diện của nạn nhân trong quá trình tố tụng hoặc xem xét xem liệu ngoài lời khai của nạn nhân những chứng cứ khác đã đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm hay chưa?

**LƯU Ý rằng**, không nên để nạn nhân bạo lực gia đình một lần nữa trở thành nạn nhân của quá trình tố tụng hình sự.

### *Chứng cứ từ phía các chuyên gia (chứng cứ có tính chuyên môn)*

Việc sử dụng lời khai của các chuyên gia trong các vụ án liên quan đến bạo lực gia đình là phù hợp với các quy định về trình tự, thủ tục của pháp luật Việt Nam. Người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể cân nhắc kêu gọi hoặc đề nghị Viện Kiểm sát kêu gọi sự làm chứng của các chuyên gia. Các chuyên gia có thể hỗ trợ tòa án trong việc xác định động cơ của bạo lực gia đình, phương thức áp đặt quyền lực và sự kiểm soát của người gây bạo lực đối với nạn nhân cũng như lý giải các hành động của nạn nhân (tiếp tục chịu đựng, quay trở về nhà sau khi bị bạo lực, rút đơn, từ bỏ yêu cầu khởi kiện hoặc có sự chậm trễ trong việc tố cáo hành vi bạo lực gia đình...).

#### **Chứng cứ có tính chuyên môn**

Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần cân nhắc những điều dưới đây khi xây dựng bộ câu hỏi:

- ◇ Quyền lực và sự kiểm soát tác động lên nạn nhân.
- ◇ Sự phủ nhận, từ chối hoặc giảm thiểu là đặc điểm đặc thù của nhiều nạn nhân, dù không phải tất cả.
- ◇ Sự bối rối, tình yêu cũng như nỗi sợ hãi mà nạn nhân trải qua trong quá trình tố tụng hình sự, khi người gây bạo lực xin lỗi và hứa hẹn rằng không tái diễn hành vi bạo lực nữa.
- ◇ Tập trung vào tác động của hành vi bạo lực đối với nạn nhân.

### ***Các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho sự tham gia của nạn nhân trong suốt phiên tòa***

Tham gia phiên tòa, bị yêu cầu trả lời câu hỏi và đương đầu với người gây bạo lực có thể gây ra tổn thương sâu sắc đối với nạn nhân bạo lực gia đình, nhất là trong các vụ hiếp dâm hoặc bạo lực tình dục. Nhiều nạn nhân là nữ giới sợ hãi hoặc có cảm giác bị đe dọa bởi tòa án. Các biện pháp xoa dịu nỗi sợ hãi của nạn nhân là rất quan trọng để bảo đảm quyền về danh dự, nhân phẩm của nạn nhân cũng như nâng cao chất lượng những chứng cứ của họ tại phiên tòa.

Tại Việt Nam, Hội đồng xét xử có quyền quyết định xem có cần thẩm vấn nạn nhân ở khu vực riêng biệt hay không. Nếu xét thấy cần bảo đảm sự riêng tư của nạn nhân, Tòa án có quyền quyết định “**xét xử kín**” vụ án (theo quy định tại Điều 18 Bộ luật Tố tụng hình sự). Tòa án có thể bảo vệ nạn nhân tránh khỏi cảm giác xấu hổ, sự chế nhạo hay đe dọa khi tham dự và đưa ra các chứng cứ bằng cách không cho người những người khác tham dự hay có mặt tại phiên tòa.

Có thể áp dụng một số biện pháp sau để tạo điều kiện thuận lợi cho nạn nhân khi tham gia phiên tòa:

- Bố trí vị trí ngồi của nạn nhân tránh xa vị trí của người gây bạo lực cũng như thân nhân của họ hoặc nếu có thể thì bảo đảm trong cùng thời điểm nạn nhân không ở cùng địa điểm với người gây bạo lực; hoặc có thể sử dụng thiết bị theo dõi (video).
- Khi nạn nhân trình bày lời khai, cần bảo đảm bị cáo hoặc người nhà của bị cáo không có hành vi đe dọa đối với nạn nhân. Yêu cầu không được sử dụng điện thoại di động trong phòng xét xử.
- Trong trường hợp cần thiết đề nghị bố trí một phòng khác để nạn nhân có thể trình bày lời khai hoặc áp giải bị cáo ra khỏi phòng xét xử trước khi tòa triệu tập nạn nhân, chỉ cần đọc lời khai của nạn nhân trước phiên tòa để nạn nhân không phải gặp mặt với bị cáo..
- Không đặt những câu hỏi khiến nạn nhân cảm thấy xấu hổ, mặc cảm hoặc không liên quan đến vụ việc.

Là người đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nạn nhân tại phiên tòa, người thực hiện trợ giúp pháp lý nên bảo đảm những biện pháp trên sẽ được áp dụng trong trường hợp cần thiết.

### ***Những biện pháp bảo đảm an toàn trước, trong và sau phiên tòa***

Các nghiên cứu chỉ ra rằng nạn nhân bạo lực gia đình có thể tiếp tục trở thành nạn nhân một lần nữa do cách ứng phó của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với bạo lực gia đình. Việc đối xử với nạn nhân một cách nhạy cảm và có nhân phẩm không chỉ là sự tôn trọng các quyền của họ mà còn góp phần tạo nên sự thành công của quá trình tố tụng. Nạn nhân cần được thông tin thường xuyên về diễn biến của vụ án cũng như cần có cơ hội để tham gia hoặc nêu ý kiến. Việc thiếu thông tin có thể khiến cho nạn nhân có những nhận định sai lầm về quá trình tố tụng hình sự cũng như khiến họ cảm thấy sợ hãi và bị đe dọa.

Trước phiên tòa, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần lưu ý rằng người gây bạo lực thường cố gắng duy trì sự kiểm soát đối với nạn nhân trong suốt quá trình điều tra, truy tố. Kết quả của sự duy trì kiểm soát này liên quan trực tiếp đến mức độ tiếp cận của người gây bạo lực đối với nạn nhân. Bạo lực gia đình có thể dẫn đến chết người và nạn nhân có thể phải chịu thương tích nghiêm trọng thậm chí là bị chết nếu cố tách họ ra khỏi người gây ra bạo lực mà không có sự bảo vệ thích đáng. Tòa án cần áp dụng những biện pháp ngăn chặn như tạm giữ hoặc thả bị can với những điều kiện nhất định, chẳng hạn như cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt cọc tiền hoặc tài sản có giá trị khác để được tại ngoại. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có quyền áp dụng hoặc thay đổi các điều kiện thả tự do cho bị cáo trong khi Chánh án hoặc Phó Chánh án tòa án có quyền quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Khi ban hành các quyết định như bắt, tạm giam, tạm giữ hoặc cho tại ngoại, cá nhân có thẩm quyền cần lưu ý đến việc bảo vệ cho nạn nhân.

Chẳng hạn như khi quyết định thả tự do cho bị cáo trong thời gian chờ xét xử, người ra quyết định cần bảo đảm rằng các điều kiện của việc thả tự do cho bị cáo đều nhằm thúc đẩy sự an toàn của nạn nhân và ngăn ngừa hành vi bạo lực trong tương lai. Nạn nhân nên được thông báo kịp thời về quyết định cho bị cáo tại ngoại.

Tòa án cần dành sự quan tâm thích đáng đến sự an toàn của nạn nhân khi họ tham gia phiên tòa, chẳng hạn như phối hợp với công an bảo đảm sự an toàn cho nạn nhân và ngăn không cho bị cáo cũng như người thân của họ tiếp xúc với nạn nhân. Nếu có cơ sở để cho rằng bị cáo đe dọa hoặc uy hiếp đến tính mạng, danh dự, nhân phẩm hay người thân của nạn nhân gây, trở ngại cho quá trình tố tụng, Chánh án Tòa án nhân dân có quyền ra quyết định tạm giam đối với bị cáo theo quy định tại Điều 80 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Trong quá trình chuẩn bị phiên tòa, Tòa án cần ưu tiên xem xét sự an toàn cho nạn nhân. Cần tạo cảm giác an toàn và được bảo vệ cho nạn nhân khi yêu cầu họ đưa ra chứng cứ hoặc lời khai tại tòa án. Nạn nhân cũng cần được bảo vệ ở khu vực ra vào phòng xét xử và phòng chờ, tránh tiếp xúc với người gây bạo lực. Những tài liệu của Tòa án mà người dân cũng như người gây bạo lực có thể tiếp cận cần hết sức thận trọng khi đề cập đến nơi ở của nạn nhân trong trường hợp nạn nhân không ở cùng với người gây bạo lực. Việc thông báo về phiên tòa được thực hiện bảo đảm không chứa đựng các thông tin liên quan đến danh tính, địa chỉ, hình ảnh hay đời sống riêng tư của nạn nhân.

**Tóm tắt: vai trò của người thực hiện trợ giúp pháp lý trong việc đại diện, bảo vệ quyền lợi cho nạn nhân trong quá trình tố tụng hình sự**

<b>Tóm tắt các kỹ năng/nhiệm vụ</b>		
<b>Giai đoạn điều tra</b>	<b>Giai đoạn truy tố</b>	<b>Giai đoạn xét xử</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hiện vấn đề và khích lệ nạn nhân đi khai báo hoặc chủ động báo cho cơ quan công an.</li> <li>- Hỗ trợ nạn nhân viết đơn tố cáo.</li> <li>- Khích lệ nạn nhân tích cực tham gia vào giai đoạn điều tra.</li> <li>- Hỗ trợ nạn nhân trong việc giám định thương</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảo đảm rằng giai đoạn điều tra có sự giám sát của kiểm sát viên.</li> <li>- Ủng hộ sự buộc tội thỏa đáng trong bản cáo trạng của Viện Kiểm sát..</li> <li>- Tiếp tục hỗ trợ và cung cấp thông tin về quá trình tố tụng cho nạn nhân.</li> <li>- Tiếp tục bảo đảm áp dụng kịp thời những biện</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị áp dụng những biện pháp phù hợp tạo điều kiện để nạn nhân có thể tham gia suốt thời gian diễn ra phiên tòa.</li> <li>- Đặt câu hỏi đối với người gây bạo lực, thể hiện quan điểm không biện minh cho bạo lực.</li> <li>- Bảo đảm nạn nhân không phải trả lời những câu hỏi thiếu nhạy cảm,</li> </ul>

<p><i>tật/y tế.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ nhanh chóng và kịp thời các hoạt động của cơ quan điều tra hình sự.</li> <li>- Bảo đảm thu thập chứng cứ toàn diện – chẳng hạn: quá trình bạo lực, lời khai của người làm chứng, ảnh chụp hiện trường.</li> <li>- Hỗ trợ và cung cấp thông tin cho nạn nhân cũng như giới thiệu nạn nhân đến với các dịch vụ khác.</li> <li>- Bảo đảm áp dụng kịp thời những biện pháp bảo vệ phù hợp.</li> </ul>	<p><i>pháp bảo vệ phù hợp.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khích lệ nạn nhân tiếp tục tham gia quá trình tố tụng và không rút đơn khởi kiện.</li> </ul>	<p><i>có thể khiến họ cảm thấy tự ti, xấu hổ.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị tòa cho gọi người làm chứng nếu cần thiết.</li> <li>- Tiếp tục hỗ trợ và cung cấp thông tin về quá trình tố tụng cho nạn nhân.</li> <li>- Tiếp tục bảo đảm áp dụng kịp thời những biện pháp bảo vệ phù hợp.</li> </ul>
---	--	---

## **2. Kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho bị cáo trong vụ án hình sự**

Phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình có thể trở thành bị cáo trong vụ án hình sự khi hành vi tự bảo vệ của họ khiến người gây ra bạo lực bị thương hoặc tử vong. Trong vụ án hình sự mà phụ nữ là bị can, bị cáo người thực hiện trợ giúp pháp lý cần nghiên cứu các quy định của pháp luật liên quan đến phòng vệ chính đáng hoặc trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Trong quá trình chuẩn bị chiến lược và xây dựng bản luận cứ bào chữa, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần đánh giá nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của nữ bị can/bị cáo là do (i) chính họ hay do (ii) lỗi của nạn nhân.

Nếu có thể, người thực hiện trợ giúp pháp lý nên tiến hành gặp gỡ người phụ nữ bị buộc tội trước khi điều tra viên lấy lời khai. Ngoài ra, người thực hiện trợ giúp pháp lý cũng nên gặp gỡ, trao đổi với điều tra viên về dự định đặt những câu hỏi liên quan đến quá trình của tình trạng bạo lực cũng như thông báo cho điều tra viên về hiện tượng bạo lực.

### ***Đối với trường hợp người bị buộc tội là người chủ động trong tình huống phạm tội***

Trong một số trường hợp, điều tra viên có thể phải xác định ai là người chiếm ưu thế hoặc gây sự trước. Bởi vì, theo quy định của pháp luật, cá nhân có

quyền tự bảo vệ mình trước sự lạm dụng hay hành vi bạo lực của người khác mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Khi cả hai cá nhân bị bắt giữ tại hiện trường xảy ra bạo lực gia đình, việc bắt giữ cả hai có thể là sự trừng phạt nạn nhân một cách không công bằng về hành động do người khác gây ra. Điều này cũng có thể làm giảm cơ hội tìm kiếm sự trợ giúp của nạn nhân trong tương lai, tăng khả năng xuất hiện tội phạm nghiêm trọng hơn, như tội phạm giết người và giảm khả năng tiếp tục truy cứu vụ việc.

Nếu được giao bào chữa cho nữ bị can/bị cáo mà biết rằng họ là nạn nhân bạo lực gia đình và đang bị điều tra hoặc buộc tội về hành vi gây thương tích cho chồng của họ, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần thu thập đầy đủ thông tin chi tiết liên quan đến vụ việc cũng như lịch sử của bạo lực gia đình. Cần lưu ý rằng người sử dụng vũ lực để tự vệ thường thừa nhận hành vi sử dụng bạo lực của họ nhưng có thể không biết phải gọi hành vi đó là gì. Một người bị tấn công có thể nhận ra rằng họ không thể dùng sức của bản thân để chống lại sự tấn công của người khác, do đó họ thường sử dụng vũ khí hoặc bất kỳ vật gì có thể để đáp trả lại một cách cân bằng sự tấn công đó. Bản năng tồn tại buộc họ phải lựa chọn giữa “chiến đấu hay bỏ chạy”.

**Điều gì cần xác định để xây dựng bản luận cứ bảo vệ:**

- √ Khiếu kiện trước đó về bạo lực gia đình.
- √ Mức độ trầm trọng của thương tổn gây ra đối với người khác.
- √ Khả năng tiếp tục gây tổn thương cho người khác trong tương lai.
- √ Hành vi đó có phải là hành vi tự vệ không?
- √ Hiện trường vụ án – hiện trường vụ án có phù hợp với lời khai của các bên hay không? Nội dung vụ việc có phù hợp với những chứng cứ thu thập được hay không?
- √ Chứng cứ và lời khai của những người khác.
- √ Tài sản, đồ vật của ai bị phá hủy.
- √ Hành vi bạo lực.
- √ Kiểm tra xem trên cơ thể của người gây bạo lực có hay không dấu hiệu chứng tỏ có thương tích xuất phát từ sự tự vệ như:
  - Vết xước ở mặt sau cổ tay, cánh tay hoặc bàn tay.
  - Vết xước trên mặt và cổ.
  - Vết cắn, hằn ở mặt trong của cánh tay (chứng tỏ có thể bị bẻ ngoặt từ đằng sau).
  - Dấu hiệu chứng tỏ bị túm, kéo tóc.
  - Thương tích do vật nhọn hoặc do bị đá gây ra.

### ***Hội chứng của phụ nữ bị bạo lực***

Khi bào chữa cho đối tượng nữ giới bị buộc tội giết chồng, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần nghiên cứu các tình tiết khách quan của vụ án xem có thể coi hành vi của cô ấy là tự vệ hoặc phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh hay không. Nếu các tình tiết thực tế cho thấy cô ấy là nạn nhân của tình trạng bạo lực nghiêm trọng kéo dài rất có thể cô ấy đang bị “*Hội chứng của phụ nữ bị bạo lực*”. Hội chứng của phụ nữ bị bạo lực là hội chứng thường xảy ra đối với những phụ nữ bị đánh đập thường xuyên, liên tục bởi chồng hoặc bạn tình. Người bị mắc hội chứng này thường bị trầm cảm và không thể thực hiện bất kỳ hành vi độc lập nào để thoát khỏi tình trạng bạo lực, bao gồm cả việc từ chối tố cáo người gây ra bạo lực hoặc từ chối sự hỗ trợ, giúp đỡ từ bên ngoài.<sup>26</sup>

“*Hội chứng của phụ nữ bị bạo lực*” với khía cạnh là nguyên nhân dẫn đến hành vi tự vệ của phụ nữ bị bạo lực gia đình trong các vụ án hình sự được sử dụng như một tình tiết giảm nhẹ tội tại Tòa án ở một số nước khác chấp nhận. Ở các nước này, thông thường, tòa án nghe phần trình bày của nhân chứng là chuyên gia tâm lý học hoặc chuyên gia bạo lực gia đình về hội chứng này cũng như những thông tin có được từ các nghiên cứu gần nhất. Một số Tòa án còn coi đây là một bằng chứng hỗ trợ cho yêu cầu phòng vệ dẫn đến chết người hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Ở Việt Nam, tuy Hội chứng này không là một trong những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 46, nhưng có quy định tình tiết giảm nhẹ do lỗi của nạn nhân hoặc phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (điểm đ khoản 1 Điều 46).

Yêu cầu phòng vệ chính đáng của phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình đặc biệt là trong trường hợp phụ nữ bị mắc hội chứng bị bạo lực cần được xem xét đến trong quá trình điều tra, truy tố cũng như quyết định hình phạt đối với họ.

---

<sup>26</sup> Các chiến lược mô hình và biện pháp thực hành để xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ của Liên Hợp quốc trong lĩnh vực phòng chống tội phạm và tư pháp hình sự

## PHẦN V. KỸ NĂNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NẠN NHÂN BẠO LỰC GIA ĐÌNH TRONG CÁC VỤ VIỆC DÂN SỰ

*Lưu ý: Mục đích của phần này KHÔNG nhằm giải thích chi tiết và hướng dẫn cụ thể các kỹ năng mà người thực hiện trợ giúp pháp lý cần tiến hành để giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam mà nhằm nêu bật các vấn đề cụ thể cũng như kỹ năng trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình trong các vụ việc dân sự.*

Nạn nhân bạo lực gia đình có thể tìm đến để được trợ giúp pháp lý đối với các vụ việc, vấn đề khác nhau như ly hôn hay các vấn đề trong quan hệ hôn nhân gia đình khác. Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần bảo đảm an toàn cho nạn nhân cũng như ngăn ngừa hành vi bạo lực trong tương lai. Nạn nhân có thể yêu cầu được hướng dẫn để thuận lợi tiếp cận với tòa án khi tiến hành các thủ tục yêu cầu ly hôn, đòi bồi thường thiệt hại hay đề nghị áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc.

Mục tiêu chính của Tài liệu là nhằm nâng cao kỹ năng trợ giúp pháp lý cho phụ nữ là nạn nhân của bạo lực gia đình. Do đó, bên cạnh việc khuyến khích, động viên nạn nhân lựa chọn giải quyết vụ việc theo thủ tục hành chính hoặc tố tụng hình sự, người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể hỗ trợ nạn nhân trong các yêu cầu liên quan đến pháp luật dân sự. Phần này bao gồm các nội dung sau:

- Trợ giúp pháp lý cho phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình trong các vụ ly hôn.
- Trợ giúp pháp lý cho phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình trong vụ việc yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại.
- Trợ giúp pháp lý cho phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình trong việc đề nghị áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc.

### **1. Kỹ năng đại diện, bảo vệ quyền lợi cho nạn nhân bạo lực gia đình trong các vụ ly hôn**

Sau khi tiếp xúc ban đầu, kiểm tra diện đối tượng người thụ lý vụ việc sẽ báo cáo để Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý cử Trợ giúp viên pháp lý hoặc luật sư cộng tác viên giải quyết vụ việc. Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần lưu ý rằng người được trợ giúp pháp lý là nạn nhân bạo lực gia đình. Để giải quyết yêu cầu ly hôn của phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần thực hiện các bước sau:

### ***Gặp gỡ, tiếp xúc với nạn nhân***

Mục đích của buổi gặp gỡ, tiếp xúc đầu tiên giữa người thực hiện trợ giúp pháp lý và người được trợ giúp pháp lý là nhằm tìm hiểu yêu cầu trợ giúp pháp lý, đưa ra lời tư vấn, hướng giải quyết vụ việc để họ lựa chọn. Đây là bước quan trọng trong quá trình giải quyết vụ việc bạo lực gia đình. Nếu bị những quan điểm truyền thống về bạo lực gia đình tác động, người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể sẽ khuyên nạn nhân tiến hành hòa giải với chồng, xem nhẹ bạo lực gia đình cũng như hậu quả của nó. Vì vậy, trong suốt quá trình gặp gỡ, tiếp xúc ban đầu, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần ghi nhớ động cơ cũng như phương thức diễn ra của bạo lực gia đình để có cách ứng xử phù hợp, có tính hỗ trợ nhất đối với nạn nhân. Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần có sự hiểu biết về các phương án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật cũng như các loại hình dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan như nhà tạm lánh, trung tâm tư vấn và hỗ trợ y tế để giới thiệu cho nạn nhân lựa chọn.

Trong quá trình phỏng vấn, tiếp xúc ban đầu với nạn nhân, trên cơ sở các tình tiết khách quan của vụ việc cũng như quy định của pháp luật có liên quan, người thực hiện trợ giúp pháp lý quyết định những phương án giải quyết sau đây:

- Nếu các tình tiết của vụ việc đủ dấu hiệu để cấu thành tội phạm hoặc vi phạm hành chính, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần trao đổi và phân tích để nạn nhân đồng ý chuyển vụ việc đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.
  - ⇒ Người thực hiện trợ giúp pháp lý nên khuyến khích nạn nhân trình báo với cơ quan công an về tình trạng bạo lực gia đình để chuyển vụ việc sang cơ quan công an hoặc người có thẩm quyền ở cấp xã.
  - ⇒ Nếu nạn nhân đồng ý, người thực hiện trợ giúp pháp lý chuyển vụ việc sang cơ quan công an hoặc người có thẩm quyền ở cấp xã.
- Nếu các thông tin thu được cho thấy nạn nhân có khả năng tiếp tục bị bạo lực trong tương lai, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần thảo luận với nạn nhân xem có cần thiết phải áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc hay không.
  - ⇒ Nếu nạn nhân đồng ý, người thực hiện trợ giúp pháp lý giúp họ làm đơn đề nghị áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc (xem phần 3 của chương này để biết thêm chi tiết).
- Nếu nạn nhân cho biết lý do dẫn đến ly hôn xuất phát từ bạo lực gia đình, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần xem xét cẩn thận xem có chuyển vụ việc sang tổ chức hòa giải ở cơ sở để tiến hành thủ tục hòa giải hay không. Cần xác định trước đó vụ việc đã được tiến hành hòa giải chưa? Nếu đã tiến hành hòa giải, thì số lần hòa giải là bao nhiêu? Và việc hòa giải thành đã

giúp ngăn chặn bạo lực như thế nào? Điều 86 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định việc hòa giải đối với vụ việc ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật. Theo Điều 12 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình việc hòa giải chỉ được thực hiện trên cơ sở tôn trọng sự tự nguyện tiến hành hòa giải của các bên và vụ việc không thuộc tội phạm hình sự hay hành vi vi phạm pháp luật bị xử lý hành chính.

⇒ Cần xem xét hết sức thận trọng tình trạng bạo lực cũng như việc tiến hành hòa giải đối với vụ việc bạo lực gia đình (xem thêm chi tiết tại Phần VI).

- Nếu các tình tiết của vụ việc cho thấy tình trạng bạo lực gia đình là nghiêm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, người thực hiện trợ giúp pháp lý giúp nạn nhân tiến hành các thủ tục ly hôn theo quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

⇒ Căn cứ để yêu cầu ly hôn là tình trạng trầm trọng do bạo lực gia đình gây ra.

### ***Trợ giúp trong giai đoạn tiền tố tụng dân sự***

Trong giai đoạn này, người thực hiện trợ giúp pháp lý giúp nạn nhân chuẩn bị hồ sơ khởi kiện, gồm có đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nạn nhân. Đơn khởi kiện là cơ sở pháp lý quan trọng để Tòa án căn cứ vào đó kiểm tra và quyết định phương án giải quyết vụ việc. Do đó, đơn khởi kiện phải bảo đảm các yêu cầu về hình thức cũng như nội dung theo quy định tại Điều 164 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nội dung đơn khởi kiện cần rõ ràng, chứa đựng phần trình bày về lý do khởi kiện, chi tiết vụ việc, những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết đối với bị đơn và các quy định của pháp luật làm căn cứ cho yêu cầu khởi kiện. Hồ sơ khởi kiện cần được sắp xếp một cách khoa học, có hệ thống thể hiện cơ sở pháp lý của yêu cầu khởi kiện.

Trong nội dung đơn yêu cầu ly hôn, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần bảo đảm rằng phần cơ sở pháp lý để Tòa án có thể ra quyết định cho ly hôn ngay lập tức theo Điều 89 được thể hiện rõ ràng, rành mạch, liệt kê những luận điểm lý giải sự nguy hiểm nạn nhân có thể gặp phải do việc chậm trễ, trì hoãn gây ra. Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quy định rõ các yếu tố để xác định quan hệ vợ chồng được coi là tình trạng trầm trọng.

- Liệt kê những sự việc chứng tỏ người chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ vợ như chỉ biết bổn phận của mình, bỏ mặc người vợ muốn sống ra sao thì sống, đã được bà con thân thích của họ hoặc cơ quan, tổ chức, nhắc nhở, hoà giải nhiều lần.

- Liệt kê những sự việc chứng tỏ người chồng luôn có hành vi ngược đãi, hành hạ vợ, như thường xuyên đánh đập, hoặc có hành vi khác xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của vợ, đã được bà con thân thích của họ hoặc cơ quan, tổ chức, đoàn thể nhắc nhở, hoà giải nhiều lần.
- Trong trường hợp người phụ nữ muốn giành được quyền nuôi dạy con, cần đưa ra những lý lẽ, luận điểm chứng tỏ rằng quyền lợi của đứa trẻ chỉ được bảo đảm tốt nhất khi ở cùng với mẹ, người không có hành vi bạo lực.

***Xác minh, thu thập và cung cấp chứng cứ có liên quan đến vụ việc cho Tòa án***

Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần cung cấp và hỗ trợ cho nạn nhân trong việc thu thập chứng cứ có liên quan chứng tỏ rằng yêu cầu của họ là có căn cứ và hợp pháp. Theo quy định tại Điều 81 và Điều 82 Bộ luật Tố tụng hình sự, có thể chia thành 05 loại chứng cứ như sau:

*Thứ nhất*, về tài liệu đọc được, các tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận. Người thực hiện trợ giúp pháp lý hỗ trợ nạn nhân trong việc đề nghị các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận các tài liệu đọc được đó. Tài liệu cần đọc được cần có để chứng minh tình trạng trầm trọng theo quy định tại Điều 89 là những tài liệu cho thấy có hành vi bạo lực xảy ra trước đó, bao gồm:

- Xác nhận, hồ sơ bệnh án của Bệnh viện, cơ sở y tế - theo mẫu của Bộ Y tế
- Hồ sơ hòa giải – do Tổ hòa giải, Hội phụ nữ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã lập, xác nhận.
- Hồ sơ hành chính về việc lên án, chỉ trích của cộng đồng – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.
- Hồ sơ xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự (tiền án, tiền sự) – công an, ủy ban nhân dân, Tòa án.
- Hồ sơ điều tra, bao gồm lời khai của người làm chứng – cơ quan công an.
- Hồ sơ chứng tỏ nạn nhân đã tìm đến và ở tại nhà tạm lánh hoặc địa chỉ tin cậy tại cộng đồng.

*Thứ hai*, tài liệu nghe được, nhìn được như băng ghi âm, đĩa ghi âm, băng ghi hình, đĩa ghi hình, phim, ảnh... phải được xuất trình kèm theo văn bản xác nhận xuất xứ của tài liệu đó hoặc văn bản về sự việc liên quan tới việc thu âm, thu hình đó. Chẳng hạn, nếu bạn bè hoặc người thân trong gia đình của nạn nhân có chụp ảnh về thương tích của nạn nhân sau khi bị đánh đập, khi giao nộp những tấm ảnh này, bạn bè của nạn nhân hoặc thành viên trong gia đình phải gửi kèm bản xác

nhận rằng đó là do họ chụp để những tấm ảnh này có thể trở thành chứng cứ tại phiên tòa.

*Thứ ba*, vật chứng. Vật chứng phải là hiện vật gốc liên quan đến vụ việc dân sự. Chẳng hạn, trong trường hợp người chồng dùng một con dao để đe dọa vợ hoặc dây thắt lưng để đánh vợ, thì con dao và dây thắt lưng đó là vật chứng gốc và được xem là chứng cứ.

*Thứ tư*, tập quán nếu được cộng đồng nơi có tập quán đó thừa nhận. Cần lưu ý rằng, chỉ những tập quán không trái pháp luật và đạo đức xã hội mới được coi là chứng cứ. Vì thế, quan điểm coi việc đánh vợ của người chồng như là một cách để giáo dục, dạy dỗ vợ không được thừa nhận là tập quán, theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

*Thứ năm*, các loại chứng cứ khác như: kết luận giám định, biên bản ghi kết quả thẩm định tại chỗ, lời khai của người làm chứng cũng như của các bên, nếu việc thu thập những thông tin này được tiến hành theo đúng thủ tục quy định của pháp luật. Lời khai của người làm chứng bao gồm cả lời khai của người đã từng chứng kiến tình trạng bạo lực gia đình xảy ra trước đó. Trong trường hợp người phụ nữ muốn giành được quyền nuôi con, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần xem xét và đưa ra trước tòa chứng cứ chứng tỏ mức độ ảnh hưởng của tình trạng bạo lực gia đình mà đứa trẻ đã phải chứng kiến.

Người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể xem xét có cần đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không. Nếu các chứng cứ cần phải được bảo vệ để tránh hậu quả nghiêm trọng, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần đề nghị Tòa án ra quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại Điều 102 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp nạn nhân không thể thu thập chứng cứ, người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể đề nghị Tòa án đứng ra thu thập chứng cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần chứng tỏ họ đã nỗ lực thu thập chứng cứ nhưng không thành công. Chẳng hạn, nếu cơ quan công an hoặc Ủy ban nhân dân không cung cấp cho nạn nhân biên bản hòa giải, Tòa án có quyền yêu cầu các cơ quan này phải cung cấp theo quy định của pháp luật.

### ***Tham gia vào quá trình hòa giải do Tòa án tiến hành***

Nếu Tòa án tiến hành hòa giải và người thực hiện trợ giúp pháp lý có mặt tại phiên hòa giải, cần chuẩn bị luận cứ bảo vệ để trình bày trước tòa cũng như yêu cầu Tòa án xác định các nội dung tranh chấp có thể giải quyết hay thỏa thuận cũng như phương án giải quyết các nội dung đó. Ngoài ra, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần hết sức lưu ý đến động cơ cũng như phương thức tồn tại của bạo lực gia đình. Với tư cách là người đại diện cho nạn nhân, người thực hiện trợ giúp pháp lý

cần biết được cách thức mà người gây bạo lực có thể dùng để kiểm soát nạn nhân trước, trong và sau quá trình tố tụng.

### ***Tham gia phiên tòa***

Trong phiên tòa sơ thẩm, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần bảo đảm các thành viên Hội đồng xét xử không coi bạo lực gia đình là vấn đề riêng tư. Nếu có thành viên cho rằng bạo lực gia đình là vấn đề riêng tư, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần phải lý giải để họ hiểu được nguồn gốc, động cơ và phương thức tồn tại của bạo lực gia đình cũng như trách nhiệm của Nhà nước và xã hội trong việc phòng, chống bạo lực gia đình.

Hoãn phiên tòa là một trong những vấn đề quan trọng đối với các vụ việc trong lĩnh vực hôn nhân gia đình, trong đó có vụ việc bạo lực gia đình. Trong trường hợp người gây bạo lực có yêu cầu hoãn phiên tòa xét xử trong vụ án ly hôn, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần trình bày những quan tâm, lo lắng của nạn nhân về việc trì hoãn này, đồng thời nêu ý kiến phản đối việc hoãn phiên tòa trong trường hợp cần thiết. Nếu người gây bạo lực vắng mặt lần thứ nhất tại phiên tòa với lý do trốn tránh hoặc đang cố gắng kiểm soát vụ việc, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần lý giải để Hội đồng xét xử thấy được rằng việc vắng mặt đó thể hiện thái độ coi thường pháp luật cũng như người thi hành pháp luật, mà trong trường hợp này là Hội đồng xét xử, từ đó đề xuất Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa không cần sự có mặt của người gây bạo lực. Nếu người gây bạo lực vắng mặt lần thứ hai, người thực hiện trợ giúp pháp lý đề nghị Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo khoản 2 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nếu vụ việc được tiến hành giải quyết theo thủ tục bắt buộc, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần nhận thức rõ vai trò của mình để bảo đảm việc giải quyết đó là tự nguyện và công bằng. Cần nhớ rằng nạn nhân có thể đồng ý với cách giải quyết vụ việc dù nó không bảo vệ tốt nhất quyền lợi của họ do có sự đe dọa hoặc kiểm soát của người gây bạo lực. Vì vậy, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần bảo đảm việc giải quyết vụ việc là lựa chọn tốt nhất để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nạn nhân.

Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần thể hiện quan điểm phản đối nếu nhận thấy các câu hỏi của Hội đồng xét xử phản ánh những thành kiến, lầm tưởng hay quan niệm truyền thống chống lại nạn nhân bạo lực gia đình cũng như cách đặt câu hỏi mang tính công kích, đổ lỗi khiến nạn nhân cảm thấy xấu hổ, e ngại.

## **2. Kỹ năng trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình trong vụ việc đòi bồi thường thiệt hại**

---

### ***Trợ giúp trong giai đoạn tiền tố tụng dân sự***

Bộ luật Dân sự quy định rằng bất kỳ cá nhân nào bị thiệt hại do hành vi của người khác gây ra đều có quyền yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại. Luật không loại trừ quyền yêu cầu đòi bồi thường của vợ đối với thiệt hại do hành vi bạo lực gia

đình của người chồng gây ra. Điều 307 Bộ luật Dân sự quy định trách nhiệm bồi thường thiệt hại bao gồm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về vật chất, trách nhiệm bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần.

- Thiệt hại về vật chất bao gồm: tổn thất về tài sản, chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế, khắc phục thiệt hại, thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút.
- Thiệt hại về tinh thần bao gồm tổn hại do hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác gây ra.

Điều 604 Bộ luật Dân sự quy định “*Người nào do lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của cá nhân, xâm phạm danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân hoặc chủ thể khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường*”. Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần nhận thức được thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là 02 năm, kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân bị xâm phạm (Điều 607).

### ***Xác minh, thu thập và cung cấp chứng cứ có liên quan đến vụ việc cho Tòa án***

Các chứng cứ thu thập được phải thể hiện<sup>27</sup>:

- Có thiệt hại xảy ra (về vật chất hoặc tinh thần);
- Có hành vi vi phạm pháp luật;
- Có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra với hành vi vi phạm;
- Có lỗi vô ý hoặc cố ý của người có hành vi gây thiệt hại.

Bộ luật Dân sự cũng quy định rõ mức độ thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tính mạng, danh dự; nhân phẩm.

Nạn nhân yêu cầu bồi thường thiệt hại cần phải cung cấp chứng cứ chứng minh những thiệt hại thực tế, đề xuất mức bồi thường và các chứng từ hoặc giấy biên nhận chứng minh cho những khoản chi phí hợp lý cũng như thu nhập của họ bị mất đi do hành vi vi phạm.

*Chi phí hợp lý về sức khỏe*, nạn nhân cần chứng minh các chi phí hợp lý cho cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của nạn nhân bao gồm: Tiền thuê phương tiện đưa nạn nhân đi cấp cứu tại cơ sở y tế; tiền thuốc và tiền mua các thiết bị y tế, chi phí chiếu, chụp X-quang, chụp cắt lớp, siêu âm, xét nghiệm, mổ, truyền máu, vật lý trị liệu... theo chỉ định của bác sĩ; tiền viện phí; tiền mua thuốc bổ, tiếp đạm, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe cho nạn nhân theo chỉ định của bác sĩ; các chi phí thực tế, cần thiết khác cho nạn nhân (nếu có) và các chi phí cho việc lắp chân giả, tay giả, mắt giả, mua xe lăn, xe đẩy, nạng chống và khắc phục thẩm mỹ... để hỗ trợ hoặc thay thế một phần chức năng của cơ thể bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại (nếu có).

<sup>27</sup> Xem Nghị quyết số 03/2006/HĐTP-TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

*Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút*, nạn nhân nếu chứng minh được trước khi sức khỏe bị xâm phạm nạn nhân có thu nhập thực tế, nhưng do sức khỏe bị xâm phạm họ phải đi điều trị và do đó khoản thu nhập thực tế của họ bị mất hoặc bị giảm sút, thì họ được bồi thường khoản thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút đó.

*Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc nạn nhân trong thời gian điều trị* là một trong những chi phí khác có thể yêu cầu bồi thường, bao gồm: tiền tàu, xe đi lại, tiền thuê nhà trọ theo giá trung bình ở địa phương nơi thực hiện việc chi phí (nếu có) cho một trong những người chăm sóc cho nạn nhân trong thời gian điều trị do cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ sở y tế; thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc nạn nhân trong thời gian điều trị.

*Bồi thường tổn thất về tinh thần*, dựa trên tác động của hành vi vi phạm đối với nghề nghiệp, thẩm mỹ, các mối quan hệ xã hội, đời sống gia đình và bản thân nạn nhân.

### ***Tham gia vào quá trình hòa giải do Tòa án tiến hành***

Pháp luật quy định rằng thỏa thuận giữa các bên về mức, hình thức và phương thức bồi thường thiệt hại được tôn trọng và có hiệu lực nếu không vi phạm pháp luật cũng như đạo đức xã hội. Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần nhớ rằng trong mối quan hệ bạo lực gia đình, người gây bạo lực thường sử dụng quyền lực và sự kiểm soát đối với nạn nhân, do đó cần phải xem xét hết sức thận trọng thỏa thuận đạt được giữa các bên, bảo đảm rằng nạn nhân không bị đe dọa hay ép buộc.

### **3. Kỹ năng trợ giúp cho nạn nhân trong việc đề nghị áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc**

---

Dù có hay không việc điều tra hình sự hay tiến hành các thủ tục tố tụng hành chính thì nạn nhân bạo lực gia đình vẫn có quyền được bảo vệ an toàn. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình quy định một số trường hợp nếu xảy ra thì nạn nhân có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc đối với người gây bạo lực để được bảo đảm an toàn.

Biện pháp cấm tiếp xúc có thể được thực hiện theo quyết định của 02 chủ thể là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Tòa án nhân dân thụ lý vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình.

1. Thời hạn áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đối với người gây bạo lực tối đa là 03 ngày (theo Điều 20 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình).
2. Thời hạn áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc theo quyết định của Tòa án đối với người gây bạo lực là không quá 04 tháng (theo Điều 21 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình).

### ***Thủ tục đề nghị áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc***

- Nạn nhân hoặc người đại diện hợp pháp của nạn nhân có quyền đề nghị áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc.
  - ⇒ Người thực hiện trợ giúp pháp lý nên hỗ trợ nạn nhân trong quá trình đề nghị áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc.
  - ⇒ Kiểm tra xem nếu có mẫu đơn đề nghị áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc của Tòa án hoặc Chủ tịch UBND thì hỗ trợ nạn nhân, người đại diện hợp pháp của nạn nhân điền vào mẫu. Nếu không có mẫu, thì giúp nạn nhân soạn thảo đơn đề nghị với những thông tin cần thiết.
- Đơn và hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc cần thể hiện các nội dung sau:
  - ⇒ Hành vi bạo lực gia đình “gây ra hoặc đe dọa gây ra tổn hại đến tính mạng, sức khỏe của nạn nhân”.
  - ⇒ Các bằng chứng cho thấy có hành vi bạo lực gia đình bao gồm::
    - Chứng nhận của cơ sở y tế về việc khám và điều trị đối với thương tật của nạn nhân.

*Lưu ý: trong trường hợp này không yêu cầu kết quả giám định tỷ lệ thương tật.*
    - Dấu vết thương tích có thể nhìn thấy bằng mắt thường trên cơ thể nạn nhân hoặc những biểu hiện rối loạn về tâm thần trong cách ứng xử của nạn nhân có thể quan sát được.

*Lưu ý: Việc chụp lại thương tích của nạn nhân ngay sau khi bị bạo lực cũng như những vết thâm tím xuất hiện trên cơ thể nạn nhân sau một vài ngày.*
    - Chứng cứ chứng minh có sự đe dọa làm tổn hại đến sức khỏe hoặc tính mạng của nạn nhân.

*Lưu ý: Có thể sử dụng lời khai của người làm chứng trong trường hợp này (người đã nghe hoặc nhìn thấy người gây bạo lực dùng lời lẽ, hành động đe dọa nạn nhân).*
  - ⇒ Người gây bạo lực và nạn nhân không ở cùng một nơi trong thời gian cấm tiếp xúc.
- Người đứng đầu cộng đồng dân cư phối hợp với tổ chức có liên quan ở cơ sở giám sát việc thực hiện quyết định cấm tiếp xúc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc của Tòa án có thẩm quyền.

### ***“Cấm tiếp xúc” là gì?***

Theo Nghị định số 08/2009/NĐ-CP, biện pháp cấm tiếp xúc với nạn nhân bạo lực gia đình là việc không cho phép người có hành vi bạo lực gia đình thực hiện các hành vi sau đây:

- Đến gần nạn nhân trong khoảng cách dưới 30m; trừ trường hợp giữa người có hành vi bạo lực gia đình và nạn nhân có sự ngăn cách như tường, hàng rào hoặc các vật ngăn cách khác, bảo đảm đủ an toàn cho nạn nhân.
- Sử dụng điện thoại, fax, thư điện tử hoặc các phương tiện thông tin khác để thực hiện hành vi bạo lực với nạn nhân.

### ***Xử lý đối với trường hợp người gây bạo lực vi phạm quyết định cấm tiếp xúc***

Khi có quyết định cấm tiếp xúc, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần thông báo cho nạn nhân rằng việc người gây bạo lực vi phạm quyết định này cũng là vi phạm pháp luật hành chính và người gây bạo lực có thể bị phạt tiền hoặc bị tạm giữ hành chính. Mọi sự liên lạc giữa người gây bạo lực và nạn nhân trong thời gian quyết định cấm tiếp xúc có hiệu lực đều bị coi là vi phạm, bao gồm cả sự liên lạc qua điện thoại, thư điện tử, fax hoặc việc người gây bạo lực xuất hiện tại nơi nạn nhân sinh sống hoặc làm việc.

Nạn nhân có thể báo tin về việc vi phạm quyết định cấm tiếp xúc cho một trong những chủ thể sau:

- Người đứng đầu cộng đồng dân cư và người được giao giám sát việc thực hiện biện pháp cấm tiếp xúc.
- Công an.
- Người thực hiện trợ giúp pháp lý.

## **PHẦN VI. KỸ NĂNG THAM GIA QUÁ TRÌNH HÒA GIẢI VỤ VIỆC LIÊN QUAN ĐẾN BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

Người thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia hòa giải vụ việc trong đó có một bên là nạn nhân bạo lực gia đình sẽ phải đương đầu với nhiều thách thức. Mỗi quan hệ tình cảm thân thiết giữa người gây bạo lực và nạn nhân khiến họ khó thể hiện rõ những vướng mắc, rắc rối của họ với người ngoài trong quá trình hòa giải.

Phần này chứa đựng những thông tin giúp người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể tham gia vào quá trình hòa giải vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình. Có 02 giai đoạn trong quá trình thực hiện hòa giải vụ việc trợ giúp pháp lý liên quan đến bạo lực gia đình:

- Sàng lọc các vụ việc để bảo đảm hòa giải là phương án lựa chọn tối ưu;
- Hòa giải vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình.

Người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể tham gia hòa giải với các vai trò sau:

*Thứ nhất*, họ có thể trợ giúp cho nạn nhân trong quá trình hòa giải. Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm cử người thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia vào việc hòa giải để hỗ trợ cho nạn nhân bạo lực gia đình khi họ thuộc diện được trợ giúp pháp lý và có yêu cầu được trợ giúp pháp lý trong trường hợp này.

*Thứ hai*, người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể được phân công làm người trung gian trong quá trình hòa giải. Theo Điều 40 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP, khi có yêu cầu hoặc được sự đồng ý của một hoặc các bên, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cử người thực hiện trợ giúp pháp lý làm trung gian để phân tích các tình tiết của vụ việc, giải thích quy định của pháp luật, hướng dẫn để các bên tự thương lượng, thống nhất hướng giải quyết vụ việc mà không phải đưa vụ việc ra Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền, tự nguyện rút đơn kiện, tự giải quyết các tranh chấp và tự nguyện chấp hành kết quả hòa giải vụ việc.

*Thứ ba*, người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể đưa ra những lời tư vấn về hòa giải không chính thức khi nạn nhân đến yêu cầu được trợ giúp pháp lý trong các vụ việc khác, như ly hôn.

### **1. Sàng lọc các vụ việc bạo lực gia đình để bảo đảm hòa giải là phương án lựa chọn tối ưu**

---

Dù tham gia vào quá trình hòa giải vụ việc với vai trò nào, việc đầu tiên người thực hiện trợ giúp pháp lý cần làm là sàng lọc xem đối với vụ việc đó thì phương án hòa giải có phải là lựa chọn tối ưu hay không.

## Tại sao phải sàng lọc vụ việc?

Mục đích của việc tổ chức hòa giải là nhằm đơn giản hóa các vướng mắc, ngăn ngừa tội phạm phát sinh từ những tranh chấp, giảm khiếu kiện đến Tòa án và cơ quan có thẩm quyền, tiết kiệm thời gian, tiền của và công sức của nhà nước cũng như người dân. Vụ việc hòa giải coi là thành công khi tình trạng bạo lực chấm dứt. Tuy nhiên, khảo sát do UNODC và Bộ Tư pháp tiến hành chỉ ra rằng hầu hết nạn nhân được phỏng vấn cho biết họ bị bạo lực ít nhất 10 lần trong một năm và một nửa trong số đó nói rằng họ vẫn tiếp tục bị bạo lực gia đình sau khi hòa giải.<sup>28</sup> Vì vậy, nếu tình trạng bạo lực vẫn tiếp diễn thì hậu quả nghiêm trọng sẽ xảy ra đối với không chỉ nạn nhân mà còn đối với gia đình và cộng đồng xã hội. Hậu quả đó có thể là những chi phí phát sinh để chăm sóc, điều trị cho nạn nhân, giảm khả năng lao động của nạn nhân cũng như gây tổn hại đến mối quan hệ gia đình, tác động xấu đến việc hình thành và phát triển nhân cách của những đứa trẻ phải chứng kiến cảnh bạo lực.

Nhìn từ góc độ thể chế pháp lý, về lý luận cũng như thực tiễn, chế định hòa giải là tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình hòa giải các tranh chấp. Hòa giải là một chế định của pháp luật dân sự và vì thế nó phản ánh bản chất của pháp luật dân sự là sự bình đẳng, tự thỏa thuận và tự định đoạt giữa các bên trong việc giải quyết tranh chấp. Pháp luật ghi nhận rằng không phải mọi mâu thuẫn, tranh chấp đều phải tiến hành hòa giải. Theo Điều 181 Bộ luật Tố tụng dân sự không tiến hành hòa giải đối với *“những vụ án dân sự phát sinh từ giao dịch trái pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội”*.

Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần đánh giá tính chất và mức độ bạo lực gia đình trong trường hợp cụ thể xem có thuộc trường hợp phát sinh từ giao dịch trái pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội hay không. Để đánh giá được điều này, người thực hiện trợ giúp pháp lý cần tập trung xem xét một số vấn đề sau:

- Mức độ ảnh hưởng của bạo lực gia đình đối với mối quan hệ vợ chồng? Các bên có vị thế bình đẳng khi tham gia hòa giải hay không? Nói cách khác, có sự cân bằng về quyền lực giữa các bên để bảo đảm việc hòa giải được tiến hành một cách công bằng, trên cơ sở sự tự nguyện của mỗi bên hay không?
- Bạo lực gia đình là hành vi cố ý; thường là sự áp đặt và kiểm soát của người này đối với người khác. Bạo lực gia đình không chỉ là sự tấn công về thể xác. Người gây bạo lực thường sử dụng một số chiến thuật như đe dọa, tước đoạt về kinh tế, cô lập nạn nhân với các mối quan hệ bên ngoài, bạo lực về tinh thần và tình dục để duy trì quyền lực và sự kiểm soát đối với vợ hoặc bạn gái.

<sup>28</sup>Xem Đánh giá tình hình thực trạng xử phạt hành chính và hòa giải khi xử lý vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình ở Việt Nam, Hà Nội, t6/2009.

- Vì tồn tại sự bất bình đẳng về quyền lực trong mối quan hệ phát sinh bạo lực gia đình, nạn nhân có thể không tự nguyện nói ra hoặc cung cấp các thông tin cần thiết giúp có sự đánh giá đúng đắn và đầy đủ về tình trạng bạo lực trong quá trình tiến hành hòa giải.

Bạo lực gia đình là vấn đề phức tạp, bắt nguồn từ thái độ ứng xử khó có thể thay đổi một sớm một chiều hiện đang tồn tại ở nhiều cán bộ và ngay cả thành viên tổ hòa giải. Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần phải có hiểu biết đầy đủ về động cơ của bạo lực gia đình cũng như phương thức kiểm soát mà người gây bạo lực sử dụng đối với nạn nhân. Nghiên cứu chỉ ra rằng người gây bạo lực ngày càng có xu hướng nâng dần mức độ và cường độ của hành vi bạo lực đặc biệt là khi họ không phải chịu trách nhiệm về hành vi bạo lực đó.

Như ở các xã hội khác, Việt Nam nhấn mạnh tầm quan trọng của gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, khi bạo lực diễn ra trong gia đình, ngôi nhà trở thành nơi không an toàn đối với nạn nhân nữa. Việc hết lần này đến lần khác thuyết phục, ép buộc phụ nữ và trẻ em phải sống trong một ngôi nhà bạo lực không khác gì việc tuyên cho họ bản án tử hình. Nếu nguyên nhân của bạo lực gia đình không được giải quyết, người gây bạo lực không phải chịu trách nhiệm về hành vi bạo lực của họ thì bạo lực sẽ vẫn tiếp diễn, đe dọa đến tính bền vững của gia đình và có ảnh hưởng tiêu cực đến tất cả các thành viên trong gia đình, trong đó có trẻ em phải chứng kiến cảnh bạo lực. Bạo lực gia đình không còn là vấn đề riêng của gia đình mà là hành vi vi phạm pháp luật, có thể là tội phạm hình sự, vi phạm pháp luật hành chính hay vi phạm Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Điều đó có nghĩa là hành vi bạo lực gia đình không được xã hội chấp nhận. Quan trọng là, người gây bạo lực cần phải được cộng đồng nhắc nhở rằng hành vi bạo lực của họ là không thể dung thứ.

Việc tiến hành hòa giải chỉ ra lỗi của cả hai bên và đề nghị họ điều chỉnh hành vi của bản thân tránh được “tranh chấp, mâu thuẫn” trong tương lai dường như không phải là phương án tối ưu đối với vụ việc bạo lực gia đình. Việc nạn nhân bị đổ lỗi vì hành vi do người gây bạo lực thực hiện có thể hạn chế sự nghiêm trọng của bạo lực gia đình nhưng không truy cứu được trách nhiệm của người gây bạo lực đối với hành vi của họ. Kết quả là điều này sẽ hủy hoại cả quá trình hòa giải, thậm chí còn góp phần tạo ra bạo lực trong tương lai. Quá trình hòa giải không cho phép tiến hành việc đánh giá rủi ro công phu cần có ở vụ việc bạo lực gia đình.

### **Một số nguyên tắc sàng lọc vụ việc**

Có một số nguyên tắc được quy định trong Luật Phòng, chống bạo lực gia đình mà người thực hiện trợ giúp pháp lý cần hết sức lưu ý khi sàng lọc vụ việc để xác định xem có tiến hành thủ tục hòa giải hay không.

### Xác định mức độ nghiêm trọng của hành vi bạo lực

⇒ Nếu hành vi bạo lực gia đình đủ yếu tố để cấu thành một vi phạm hành chính hoặc tội phạm hình sự thì KHÔNG tiến hành hòa giải.

⇒ Mặc khác, việc hòa giải không tiến hành đối với tình trạng bạo lực nghiêm trọng hoặc kéo dài.

⇒ Nghiên cứu chỉ ra rằng, phần lớn vụ việc bạo lực gia đình không hoàn toàn xảy ra tách biệt không ai hay biết mà phần lớn vụ việc đã có sự tham gia của tổ hòa giải hoặc các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Vì vậy, rất cần phải có sự hiểu biết toàn diện và đầy đủ về tình trạng bạo lực để có thể quyết định xem hòa giải có phải là phương án lựa chọn tối ưu hay không.

**Khoản 7 Điều 12 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình quy định:** Không hoà giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Luật này trong những trường hợp sau đây:

(a) Vụ việc thuộc tội phạm hình sự, trừ trường hợp người bị hại yêu cầu không xử lý theo quy định của pháp luật hình sự;

(b) Vụ việc thuộc hành vi vi phạm pháp luật bị xử lý hành chính.

**Pháp lệnh về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở năm 1998 và Nghị định số 160/1999/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh** quy định “Hòa giải được tiến hành đối với việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong cộng đồng dân cư”.

### Tôn trọng sự tự do bày tỏ nguyện vọng của các bên

⇒ Nếu nạn nhân không tự nguyện chấp thuận tham gia quá trình hòa giải thì KHÔNG nên tiến hành hòa giải.

⇒ Trước khi bày tỏ sự tự nguyện chấp thuận tham gia hòa giải nạn nhân cần được thông tin đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của pháp luật cũng như những phương án giải quyết vụ việc.

⇒ Nếu nạn nhân không thể bày tỏ nguyện vọng trong suốt quá trình hòa giải do cảm giác sợ hãi, bị đe dọa bởi người gây bạo lực thì KHÔNG nên tiếp tục tiến hành hòa giải.

**Khoản 3 Điều 12 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình:** Tôn trọng sự tự nguyện tiến hành hoà giải của các bên.

**Điều 12 Bộ luật Dân sự:** Không ai được dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực khi tham gia quan hệ dân sự, giải quyết các tranh chấp dân sự.

## **Một số thủ thuật sàng lọc vụ việc**

*Làm thế nào để bảo đảm sự tự nguyện chấp thuận tham gia hòa giải của phụ nữ là nạn nhân bạo lực gia đình?*

- Không nên gặp gỡ và tìm kiếm sự chấp thuận của phụ nữ khi có mặt của chồng hay gia đình nhà chồng của họ.
- Không gian tiếp xúc giữa người thực hiện trợ giúp pháp lý và nạn nhân cần bảo đảm sự riêng tư và bảo mật để nạn nhân có thể tự do nói lên suy nghĩ của họ.
- Dành thời gian lắng nghe nạn nhân chia sẻ để có được đầy đủ thông tin liên quan đến vụ việc. Một số nạn nhân có thể không cung cấp thông tin theo đúng yêu cầu để người tiến hành hòa giải đưa ra đánh giá đầy đủ về vụ việc.
- Cần thông tin cho nạn nhân biết về các quy định của pháp luật cũng như những nguyên tắc hòa giải để họ có thể từ chối tham gia hòa giải nếu họ không muốn.

*Làm thế nào để xác định mức độ nghiêm trọng của bạo lực gia đình cũng như đạt đến ngưỡng như thế nào thì được coi là nghiêm trọng?*

- Cần có được lời khai đầy đủ của nạn nhân về tình trạng bạo lực đã xảy ra trước đây cũng như các biện pháp ứng phó đã được áp dụng, bao gồm cả biện pháp hòa giải (chính thức và không chính thức).
- Nếu thông tin cho thấy bạo lực gia đình vẫn tiếp diễn dù đã được hòa giải trước đó, người thực hiện trợ giúp pháp lý nên xem xét xem việc tiến hành hòa giải đối với lần này có phải là phương án tối ưu hay không?

## **2. Hòa giải vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình**

---

### **Lựa chọn người tiến hành hòa giải**

Đối với những vụ việc đã qua sàng lọc và được xác định là có thể tiến hành hòa giải, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cần phân công người tiến hành hòa giải phù hợp với đối tượng và vụ việc. Nhìn chung, người được giao tiến hành hòa giải phải là người có uy tín, nắm vững các kỹ năng hòa giải, các phong tục, tập quán ở địa phương cũng như am hiểu rõ các quy định của pháp luật liên quan đến việc giải quyết vụ việc.

Để tiến hành hòa giải, quy trình thông thường sẽ là tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý lựa chọn và chỉ định người tiến hành hòa giải. Sau đó, người được chỉ định tiến hành hòa giải sẽ gặp gỡ các bên có liên quan để xác định thời gian và địa điểm tiến hành hòa giải cho phù hợp; lắng nghe các bên trình bày quan điểm,

nguyện vọng; yêu cầu các bên cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lý lẽ, quan điểm của họ; kiểm tra các tài liệu chứng cứ này cũng như tiến hành xác minh vụ việc; gặp gỡ người làm chứng; nghiên cứu các quy định của pháp luật; tham khảo ý kiến của chuyên gia; trong trường hợp cần thiết, vận dụng kinh nghiệm cá nhân để tư vấn, hướng dẫn và thuyết phục các bên. Mỗi một bước trong quá trình này đều đòi hỏi các kỹ năng hòa giải. Sau đây là những điểm cần tập trung về kỹ năng đòi hỏi phải có ở người tiến hành hòa giải đặc biệt là đối với vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình.

### **Các loại vụ việc**

Công việc của người tiến hành hòa giải là trao đổi, thảo luận với các bên về vụ việc, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, tranh chấp; làm rõ đúng, sai về khía cạnh pháp lý, truyền thống, phong tục tập quán của vụ việc để thuyết phục cả hai bên tham gia vào quá trình thương lượng và giải quyết vụ việc. Khi một trong các bên là nạn nhân bạo lực gia đình, người tiến hành hòa giải cần có những kỹ năng đặc thù<sup>29</sup> để bảo đảm rằng cách ứng phó của họ đối với vụ việc là hữu ích và có tính hỗ trợ nhất đối với nạn nhân.

Có 02 loại vụ việc có thể có sự có mặt của nạn nhân bạo lực gia đình, bao gồm:

- Vụ việc mà “mâu thuẫn, tranh chấp” là vấn đề bạo lực gia đình. Mục đích của việc hòa giải đối với loại vụ việc này không nhằm giải quyết sự việc mới xảy ra gần đây mà nhằm tìm ra cách thức để ngăn ngừa hành vi bạo lực gia đình trong tương lai và bảo vệ cho nạn nhân.
- Vụ việc là “mâu thuẫn, tranh chấp” không phải là vấn đề bạo lực gia đình nhưng liên quan đến các tranh chấp dân sự khác như tranh chấp đất đai hay vấn đề nuôi con, đồng thời các tình tiết khách quan của vụ việc cho thấy một trong các bên là nạn nhân bạo lực gia đình. Chẳng hạn, trong tranh chấp đất đai giữa vợ chồng, người vợ có thể bị chồng bạo hành nhưng không đề cập đến điều này với bất kỳ ai. Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần nhận thức được rằng trong vụ việc dân sự cụ thể, đặc biệt là giữa các thành viên trong gia đình, họ phải tiến hành sàng lọc (gặp gỡ, đặt câu hỏi riêng với từng bên) để bảo đảm rằng vụ việc không có dấu hiệu bạo lực gia đình. Vì nếu trước đó đã từng xảy ra bạo lực gia đình thì rất có khả năng sẽ tiếp diễn tình trạng mất cân bằng về quyền lực trong gia đình đó. Chính điều này sẽ gây ảnh hưởng đến khả năng tham gia hòa giải một cách bình đẳng của các bên.

---

<sup>29</sup> Theo “Tư điển hành chính” do Tô Từ Hạ chủ biên, “kỹ năng” là khả năng áp dụng kiến thức về một lĩnh vực vào thực tiễn. Theo Nhà văn Ivans Banki “kỹ năng là khả năng bẩm sinh hoặc có thể học được được áp dụng trong những hoạt động chuyên nghiệp, một công việc hoặc chuyên môn cụ thể”. Ivans Banki (US) Tư điển Quản lý và Hành chính.

## **Các kỹ năng người tiến hành hòa giải cần có trong vụ việc bạo lực gia đình**

### 1. Có hiểu biết về động lực thúc đẩy bạo lực gia đình

Đánh giá đúng sự mất cân bằng quyền lực của các bên là vấn đề khẩn thiết đối với việc hòa giải. Điều này sẽ cung cấp cho người tiến hành hòa giải cái nhìn sâu sắc đối với hành vi ứng xử của nạn nhân cũng như người gây bạo lực trong quá trình hòa giải. Nhiệm vụ của người tiến hành hòa giải là thuyết phục, khuyến khích các bên tự thương lượng và đạt được sự thống nhất đối với vụ việc. Để đạt được một vụ hòa giải thành, người tiến hành hòa giải phải hiểu được cảm xúc và tính cách của từng bên cũng như bản chất của vụ việc để sử dụng phương pháp phù hợp tránh nôn nóng, vội vàng gán tội, đổ lỗi hoặc làm tổn thương các bên có liên quan. Chẳng hạn, nếu nạn nhân từ chối không nói suy nghĩ, quan điểm của họ khi có mặt người gây bạo lực, người tiến hành hòa giải có thể điều chỉnh quá trình hòa giải, tiến hành gặp gỡ, trao đổi riêng với từng bên để hiểu rõ hơn về thực trạng vụ việc.

### 2. Không cho phép người gây bạo lực sử dụng chiến thuật đe dọa với nạn nhân trong khi hòa giải

Người tiến hành hòa giải hoặc người thực hiện trợ giúp pháp lý hỗ trợ nạn nhân cần bảo đảm trong suốt quá trình hòa giải nạn nhân không bị người gây bạo lực đe dọa hay kiểm soát. Trong quá trình hòa giải, người gây bạo lực có thể sử dụng một số chiến thuật kiểm soát sau:

- Tấn công hoặc đe dọa sử dụng bạo lực.
- Đe dọa sẽ tách con khỏi người mẹ.
- Gửi những thông điệp hoặc “nhìn” nạn nhân trong quá trình hòa giải. Người gây bạo lực có thể gửi những thông điệp đe dọa nạn nhân thông qua ngôn ngữ cơ thể (hành động, ánh mắt...) khi người khác không chú ý.
- Đưa gia đình hoặc bạn bè đến buổi hòa giải để đe dọa nạn nhân.
- Đổ lỗi cho nạn nhân về những hành vi của mình, “cô ấy khiến tôi làm thế”...
- Thể hiện sự thành tâm hối hận trước nạn nhân và tổ hòa giải.
- Yêu cầu thủ tục bảo vệ chung như một cách để tiếp tục kiểm soát nạn nhân và điều khiển quá trình hòa giải.

### 3. Khả năng có được hiểu biết toàn diện về mối quan hệ giữa các bên

Tổ hòa giải cần phải có hiểu biết toàn diện về mọi tình tiết của vụ việc trước khi quyết định hành động tiếp theo cần thực hiện. Có thể tiến hành gặp gỡ riêng từng bên để biết được quan điểm của họ về vụ việc; mời một vài người làm chứng hoặc đại diện của các tổ chức chính trị, xã hội vì có thể họ đã từng chứng kiến tình

trạng bạo lực xảy ra trước đó. Người tiến hành hòa giải cần phân tích một cách khách quan mọi thông tin thu được trước khi quyết định hướng xử lý đối với vụ việc.

#### 4. Đánh giá đúng trách nhiệm cần thực hiện để ngăn chặn bạo lực trong tương lai

Trong vụ việc bạo lực gia đình, khi đánh giá sự “đúng”, “sai” của các bên, người tiến hành hòa giải không nên đổ lỗi cho nạn nhân về tình trạng bạo lực mà họ phải chịu. Việc hòa giải phải bảo đảm rằng trách nhiệm thuộc về người gây bạo lực. Quan niệm cho rằng người vợ góp phần tạo động lực và là một phần nguyên nhân dẫn đến tình trạng bạo lực và do đó họ phải thay đổi hành vi ứng xử để chấm dứt bạo lực là một quan niệm sai lầm. Bởi vì chỉ có người gây bạo lực mới có khả năng chấm dứt bạo lực. Nhiều nạn nhân rất nỗ lực thay đổi hành vi, ứng xử của bản thân với hy vọng có thể chấm dứt bạo lực. Phụ nữ thường tự trách mình, họ đã luôn nói rằng để xảy ra tình trạng bạo lực gia đình tất cả là do lỗi ở họ. Tuy nhiên, bạo lực gia đình là một lựa chọn ứng xử có ý thức, vì vậy người gây bạo lực phải chịu trách nhiệm về điều đó.

Một trong những lý do dẫn đến tình trạng bạo lực có thể được nêu tại buổi hòa giải là việc sử dụng rượu và ma túy. Người tiến hành hòa giải nên thận trọng, tránh biện hộ cho hành vi bạo lực là do rượu. Tuy nhiên, tổ hòa giải cũng cần giải quyết vấn đề liên quan đến việc sử dụng rượu và ma túy. Người gây bạo lực có thể yêu cầu được giúp đỡ trong việc cai nghiện. Mặt khác, có thể đưa vấn đề cai nghiện là một điều kiện của thỏa thuận hòa giải.

#### 5. Hiểu biết về giới hạn, phạm vi áp dụng của các quy định pháp luật

Luật Phòng, chống bạo lực gia đình quy định rất rõ các nguyên tắc tiến hành hòa giải đối với vụ việc bạo lực gia đình. Ngoài ra, Bộ luật Dân sự cũng quy định rằng không ai được dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực khi giải quyết các tranh chấp dân sự. Nếu trong quá trình hòa giải, người thực hiện trợ giúp pháp lý nhận thấy người gây bạo lực có sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực đối với nạn nhân để đạt được thỏa thuận thì có quyền yêu cầu ngừng hòa giải và chuyển vụ việc đến cơ quan có thẩm quyền xử lý.

#### 6. Thừa nhận những quan niệm, thái độ ứng xử truyền thống

Điều quan trọng đối với người thực hiện trợ giúp pháp lý là dù tham gia trong quá trình hòa giải vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình với tư cách gì thì cũng cần hiểu được những quan niệm, thái độ ứng xử truyền thống về vai trò giới trong việc ứng phó với bạo lực gia đình. Theo Luật Bình đẳng giới định kiến giới được hiểu là “*nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ*” (khoản 4 Điều 5). Luật cũng quy định

phân biệt đối xử về giới là việc hạn chế, loại trừ, không công nhận hoặc không coi trọng vai trò, vị trí của nam và nữ, gây bất bình đẳng giữa nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình. Người thực hiện trợ giúp pháp lý trợ giúp pháp lý giữ vai trò trung gian trong quá trình hòa giải cần bảo đảm rằng việc thực hiện hòa giải vụ việc bạo lực gia đình không tạo ra các quan điểm tiêu cực này và không vi phạm bình đẳng giới.

### **Một số thủ thuật dành cho người tiến hành hòa giải**

#### Đừng nên hy vọng một quy trình nhanh gọn.

- Một tranh chấp không thể được giải quyết trong chớp mắt. Để cả hai bên có sự nhìn nhận, đánh giá và đi đến thỏa thuận chung, người tiến hành hòa giải cần dành thời gian và nỗ lực để nói chuyện, trao đổi với từng bên hoặc cả hai bên để phân tích, giải thích và thuyết phục họ.
- Đối với vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình, người tiến hành hòa giải cần có một số buổi làm việc, gặp gỡ riêng với từng bên, ít nhất cũng phải tiến hành gặp gỡ sơ bộ với từng bên trước khi tiến hành buổi hòa giải chính thức.
- Các bên có liên quan trong quá trình hòa giải cần có thời gian để cân nhắc và đưa ra quyết định của họ.
- Người tiến hành hòa giải cần kiên nhẫn. Tuy nhiên, nếu trong quá trình hòa giải, người chồng tiếp tục sử dụng bạo lực đối với người vợ thì người tiến hành hòa giải cần đưa vụ việc đến cơ quan có thẩm quyền.

#### Bố trí thời gian và địa điểm tiến hành hòa giải.

- Cuộc phỏng vấn sơ bộ ban đầu với nạn nhân nên tiến hành không có sự tham gia của người gây bạo lực. Nạn nhân có thể sẽ cảm thấy thoải mái hơn nếu có người thân, bạn bè hoặc đại diện của Hội phụ nữ, những người mà họ cho là có thể hỗ trợ cho họ.
- Cuộc phỏng vấn sơ bộ ban đầu với từng bên nên được tiến hành ở các địa điểm khác nhau. Ngoài vấn đề địa điểm, người tiến hành hòa giải cần lưu ý trong cách ứng xử bảo đảm tôn trọng sự riêng tư và bí mật của nạn nhân.
- Thời gian và địa điểm phỏng vấn cần phù hợp với nhu cầu của nạn nhân.

#### Đối xử nhạy cảm với nạn nhân.

- Cần thể hiện thái độ chăm sóc và nhạy cảm khi nói chuyện với phụ nữ. Vì một số người có thể miễn cưỡng khi cung cấp các thông tin chi tiết về vụ việc, do dự khi kể về vụ việc hoặc cố gắng rút lại lời khai về một số điểm. Một số người lại cảm thấy lo sợ họ có thể gặp khó khăn, bất lợi khi nói ra quan điểm của mình.

- Người tiến hành hòa giải cần cung cấp cho nạn nhân những thông tin có liên quan đến quá trình hòa giải để tránh sự hiểu lầm không đáng có và xây dựng niềm tin của họ.
- Tạo ra không gian thân thiện và cởi mở để nạn nhân có thể bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc cũng như quan điểm của họ về vụ việc. Tránh tạo không khí tiêu cực, khiến nạn nhân có cảm giác như đang bị hỏi cung hay phán xét.
- Đối xử tôn trọng nạn nhân.

#### Khi cả hai bên đều có mặt tại buổi hòa giải.

- Bảo đảm rằng nạn nhân không chịu áp lực hay bị đe dọa.
- Quan sát mọi thay đổi trong cách ứng xử của nạn nhân so với buổi gặp sơ bộ ban đầu. Nếu nạn nhân có dấu hiệu không thoải mái hoặc sợ chùng, người tiến hành hòa giải cần dành thời gian gặp riêng từng bên để xem xét lại các tình tiết và chứng cứ của vụ việc.

#### Phân tích vụ việc và đi đến thống nhất cách giải quyết.

- Khi phân tích vụ việc, cần bảo đảm rằng người tiến hành hòa giải đã có được mọi tài liệu có liên quan đến hành vi bạo lực hiện tại và trong quá khứ.
- Nghiên cứu các quy định của pháp luật có liên quan để bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc tại Điều 12 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Nếu chưa chắc chắn, hãy tham khảo ý kiến của chuyên gia trong lĩnh vực pháp luật về bạo lực gia đình.
- Quan trọng là cần nhấn mạnh rằng bạo lực không được biện hộ bởi hành vi không bạo lực của nạn nhân; đồng thời cần cảnh báo cho người gây bạo lực biết họ có thể bị áp dụng những chế tài mạnh hơn nếu tiếp tục gây ra bạo lực.
- Truy cứu trách nhiệm đối với người có lỗi nghĩa là xử phạt phù hợp và thích đáng đối với hành vi bạo lực, bao gồm việc buộc người gây bạo lực phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm hoặc hành vi bạo lực trong tương lai.
- Hòa giải không có nghĩa là biện hộ cho hành vi bạo lực.
- Việc xử lý đối với người gây bạo lực có thể bao gồm cả việc tiếp cận và điều trị cho họ (trong trường hợp người gây bạo lực nghiện rượu hoặc ma túy).
- Việc hòa giải nên tiếp cận dưới góc độ hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân.

#### Lập biên bản chi tiết về việc hòa giải.

- Người tiến hành hòa giải phải lập biên bản hòa giải. Trong đó có nêu kết quả của quá trình hòa giải, ý kiến của người thực hiện trợ giúp pháp lý và các

bên có liên quan, chữ ký của các bên để phản ánh sự đồng ý của họ đối với việc hòa giải.

- Việc chuyển hồ sơ hòa giải đến các cơ quan có thẩm quyền là hết sức quan trọng. Đây có thể là chứng cứ để các cơ quan có liên quan (công an, tòa án...) sử dụng khi bạo lực gia đình vẫn tiếp diễn.
- Người tiến hành hòa giải cần cung cấp cho nạn nhân những thông tin liên quan đến các dịch vụ hỗ trợ ở cộng đồng để nạn nhân có thể tìm đến khi hòa giải không thành.

Nếu hai bên không đi đến thống nhất trong cách giải quyết vụ việc, hòa giải không thành.

- Người tiến hành hòa giải phải chuyển vụ việc đến cơ quan có thẩm quyền.
- Người thực hiện trợ giúp pháp lý được phân công trợ giúp cho nạn nhân cần xem xét đến những phương án pháp lý khác.

#### **Ví dụ về trường hợp hòa giải không đáp ứng yêu cầu**

Người tiến hành hòa giải gọi cả hai bên đến và nói rằng họ chỉ có một giờ để giải quyết tranh chấp. Trước đó anh ta thấy ở phía bên này căn phòng người phụ nữ trẻ có vẻ lo lắng và không thoải mái, trong khi ở phía bên kia căn phòng chồng của cô ấy ngồi đó cười lớn, rất tự tin cùng với cha, mẹ và hai người anh em trai của họ. Anh ta hỏi tranh chấp, mâu thuẫn trong trường hợp này là gì? Người chồng trình bày trước và giải thích rằng anh ta chỉ đang nghiêm khắc dạy dỗ vợ mình, cô ấy đáng bị như vậy vì không chịu chuẩn bị bữa tối cho chồng đúng giờ. Người tiến hành hòa giải hỏi người vợ là điều đó có đúng như vậy không? Cô ấy trả lời một cách yếu ớt rằng cô ấy đã cố gắng chuẩn bị cơm nước đúng giờ, nhưng người chồng thường không về nhà ngay sau giờ làm mà còn đi nhậu khiến cô ấy không biết chính xác khi nào thì anh ta có mặt ở nhà để chuẩn bị bữa tối.

Sau đó, người tiến hành hòa giải bảo cả hai bên ý vào biên bản hòa giải và yêu cầu người vợ cần chuẩn bị bữa tối đúng giờ cho chồng còn người chồng thì không được đánh vợ nữa.

#### **Phụ lục:**

#### **7. Các quy định về hòa giải trong Luật Phòng, chống bạo lực gia đình**

## PHẦN VII. VẤN ĐỀ PHỐI HỢP – MỐI QUAN HỆ GIỮA TỔ CHỨC THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ VÀ CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

### 1. Các cơ quan có trách nhiệm ứng phó với bạo lực gia đình

Chính phủ, xét về tổng thể, có trách nhiệm ngăn ngừa, phòng chống và xử phạt hành vi bạo lực gia đình. Nói cách khác Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước trong toàn quốc về công tác phòng chống bạo lực gia đình. Trách nhiệm này được thực hiện với sự tham gia của một số cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội như: chính quyền địa phương, Ủy ban nhân dân, ngành y tế, ngành lao động, thương binh và xã hội, ngành giáo dục, ngành tư pháp (trong đó có các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý), cơ quan công an và các tổ chức xã hội khác như Hội Liên hiệp phụ nữ cũng như các cơ quan truyền thông.

**Luật Phòng, chống bạo lực gia đình:** quy định khá chi tiết và bao quát về vai trò cũng như trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc ứng phó với bạo lực gia đình. Chẳng hạn:

Cá nhân:	<ul style="list-style-type: none"> <li>• kịp thời ngăn ngừa hành vi bạo lực gia đình</li> <li>• thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về hành vi bạo lực gia đình</li> </ul>
Gia đình:	<ul style="list-style-type: none"> <li>• ngăn ngừa các mâu thuẫn nảy sinh trong gia đình; chăm sóc nạn nhân</li> <li>• phối hợp với cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư trong phòng, chống bạo lực gia đình</li> </ul>
Mặt trận Tổ quốc:	<ul style="list-style-type: none"> <li>• tổ chức các hoạt động giáo dục, truyền thông về phòng, chống bạo lực gia đình</li> <li>• tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật</li> </ul>
Hội Phụ nữ:	<ul style="list-style-type: none"> <li>• tổ chức cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình</li> <li>• tổ chức các hoạt động dạy nghề, tín dụng, tiết kiệm để hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình</li> <li>• phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân</li> </ul>
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:	<ul style="list-style-type: none"> <li>• tập trung thực hiện vai trò cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình</li> <li>• xây dựng chương trình, kế hoạch phòng, chống bạo lực</li> </ul>

	<p>gia đình trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• hướng dẫn thực hiện hoạt động tư vấn về gia đình ở cơ sở; việc thành lập, giải thể cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình</li> <li>• bảo đảm việc thực hiện Luật</li> <li>• chuẩn bị báo cáo thống kê về bạo lực gia đình</li> </ul>
Bộ Y tế:	<ul style="list-style-type: none"> <li>• ban hành và tổ chức thực hiện quy chế về tiếp nhận, chăm sóc y tế đối với bệnh nhân là nạn nhân bạo lực gia đình tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh</li> <li>• ban hành quy trình chữa trị nghiện rượu</li> </ul>
Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội:	<ul style="list-style-type: none"> <li>• chỉ đạo việc lồng ghép nội dung phòng, chống bạo lực gia đình vào các chương trình xoá đói giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm</li> <li>• hướng dẫn việc thực hiện trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình tại các cơ sở bảo trợ xã hội</li> </ul>
Bộ Giáo dục và Đào tạo:	<ul style="list-style-type: none"> <li>• chỉ đạo việc lồng ghép kiến thức phòng, chống bạo lực gia đình vào các chương trình giáo dục, đào tạo phù hợp với yêu cầu của từng ngành học, cấp học</li> </ul>
Bộ Thông tin và Truyền thông:	<ul style="list-style-type: none"> <li>• chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình</li> </ul>
Cơ quan Công an, Tòa án, Viện kiểm sát:	<ul style="list-style-type: none"> <li>• chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nạn nhân bạo lực gia đình</li> <li>• chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình</li> <li>• Cung cấp thông tin thống kê về tình trạng bạo lực gia đình cho cơ quan quản lý nhà nước về bạo lực gia đình</li> </ul>

### **Tầm quan trọng của phương pháp tiếp cận phối hợp và đồng bộ**

Nhiều nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của cách tiếp cận mang tính phối hợp và toàn diện đối với vụ việc bạo lực gia đình, bao gồm sự tham gia của tất cả các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan. Sự phối hợp có thể thực hiện ở nhiều cấp độ, dưới nhiều hình thức khác nhau. Ngành tư pháp cần phối hợp với các ngành y tế, giáo dục và lao động, thương binh và xã hội cũng như chính quyền địa phương, người đứng đầu cộng đồng và các tổ chức xã hội.

Thách thức của mối quan hệ phối hợp liên ngành là ở chỗ mỗi ngành, mỗi cơ quan, mỗi tổ chức có lợi ích, quan điểm và mong đợi khác nhau. Tuy nhiên, nhìn theo hướng tích cực, thì mỗi ngành, mỗi cơ quan, tổ chức sẽ có thể mạnh riêng và do đó việc hỗ trợ cho nạn nhân sẽ bảo đảm tính toàn diện và chuyên biệt. Sự hợp tác và phối hợp giữa các ngành, các cơ quan, tổ chức cần được thực hiện ở tất cả các cấp:

- Cấp cơ sở, những người trực tiếp cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho nạn nhân.
- Cấp quản lý trên cơ sở.
- Cấp quản lý nhà nước, các nhà hoạch định chính sách.

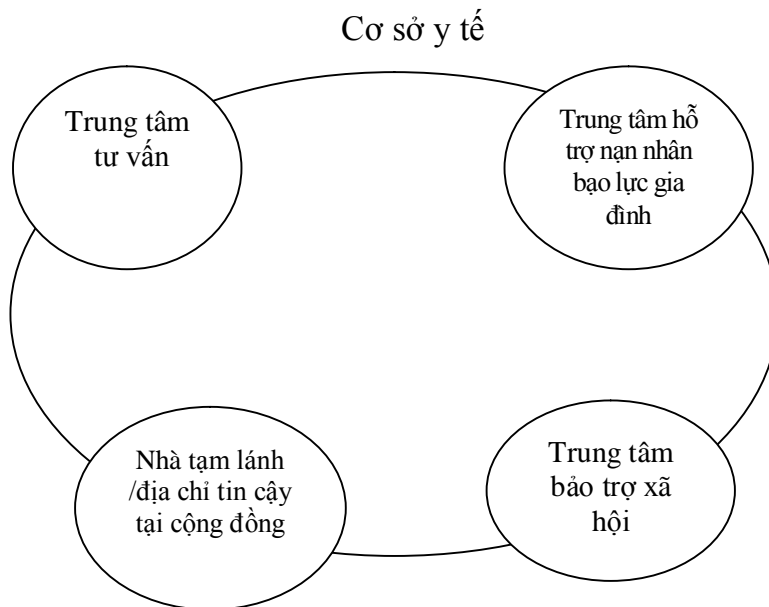
Chiến lược cộng tác và tích hợp có thể có nhiều cách tiếp cận khác nhau. Một trong những cách tiếp cận đó là bảo đảm mỗi cơ quan có một cán bộ chuyên trách làm đầu mối thúc đẩy việc bảo vệ phụ nữ và sự hợp tác giữa các cơ quan. Những cán bộ này sẽ lần lượt được hỗ trợ bởi chuyên gia hàng đầu ở cấp độ chính sách công. Một cách tiếp cận khác là tạo ra một “ngôi nhà” cấp quốc gia hoặc khu vực để tiến hành thu thập, phân tích và công bố các dữ liệu và nghiên cứu có liên quan. Ngoài ra, nhiều nước đang sử dụng phương pháp tạo ra các trung tâm hỗ trợ nạn nhân, công an và người cung cấp các dịch vụ xã hội khác giúp phổ biến thông tin về chính sách, các giao thức và cách thức tốt nhất để tiếp cận với dịch vụ ở địa phương hỗ trợ nạn nhân và các chuyên gia.

## **2. Mối quan hệ giữa trợ giúp pháp lý và các dịch vụ hỗ trợ khác dành cho nạn nhân bạo lực gia đình**

---

### **Các cơ quan, tổ chức hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình**

Ở Việt Nam, có một số các cơ quan, tổ chức hiện đang cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho nạn nhân bạo lực gia đình. Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần tìm hiểu và nắm được các thông tin cần thiết liên quan đến các dịch vụ này.



## **Mối quan hệ phối hợp giữa trợ giúp pháp lý và các dịch vụ hỗ trợ khác dành cho nạn nhân bạo lực gia đình**

Khi phát hiện ra vụ việc bạo lực gia đình, người thực hiện trợ giúp pháp lý nên chuyển hoặc giới thiệu nạn nhân đến các dịch vụ hỗ trợ dành cho nạn nhân bạo lực gia đình trên địa bàn người đó sinh sống.

Trung tâm trợ giúp pháp lý cần lập danh sách các cơ quan, tổ chức và dịch vụ hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình hiện có tại địa phương. Như đã đề cập đến ở Phần III, danh sách này nên được phát đến tận tay từng người thực hiện trợ giúp pháp lý ở cơ sở để khi trợ giúp cho nạn nhân bạo lực gia đình có thể giới thiệu và thảo luận với nạn nhân xem họ muốn liên hệ với cơ quan, tổ chức nào, trong trường hợp cần thiết, trợ giúp cho nạn nhân trong việc liên hệ với cơ quan, tổ chức đó.

### Một số vấn đề cần lưu ý:

- Người thực hiện trợ giúp pháp lý cần thông tin cho nạn nhân về những dịch vụ hỗ trợ để nạn nhân quyết định xem có liên hệ với các dịch vụ đó hay không.
- Tên tuổi cũng như những thông tin cá nhân của nạn nhân là vấn đề bí mật, riêng tư. Không được chia sẻ những thông tin này với các cơ quan tổ chức khác trừ trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của nạn nhân.

Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cần thông tin cho các cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình ở địa phương về chức năng, nhiệm vụ cũng như những hoạt động của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình. Các cơ sở hỗ trợ như nhà tạm lánh, cơ sở y tế có thể là địa điểm đầu tiên nạn nhân đến để tìm kiếm sự giúp đỡ. Những cơ sở hỗ trợ này cũng sẽ thông tin về tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý trong trường hợp nạn nhân có nhu cầu trợ giúp pháp lý.

## **Mối quan hệ giữa tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và các cơ quan, tổ chức có liên quan**

### 1. Chia sẻ thông tin, dữ liệu

Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có thể cung cấp các thông tin, số liệu thống kê về vụ việc cũng như nạn nhân bạo lực gia đình cho các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật. Các thông tin đó có thể là:

- Tính chất và mức độ của tình trạng bạo lực gia đình tại địa phương họ hoạt động;
- Số vụ bạo lực gia đình họ đã giải quyết;

- Nguồn tin mà từ đó họ biết được về vụ việc bạo lực gia đình – do nạn nhân báo tin, do các cơ quan, tổ chức khác giới thiệu...;
- Những vụ việc bạo lực gia đình đó đã được xử lý như thế nào?

Trình tự, thủ tục được thiết lập để thu thập và chia sẻ thông tin cần bảo đảm tôn trọng tính bảo mật cũng như quyền con người của phụ nữ. Cách thu thập và chia sẻ thông tin liên quan đến bạo lực gia đình không được gây nguy hiểm cho sự an toàn của phụ nữ.

## 2. Tổ chức các cuộc họp, gặp gỡ trao đổi, thảo luận về các khó khăn, thách thức chính

Tại địa phương, các cơ quan, tổ chức có liên quan cần cử cán bộ, nhân viên theo dõi chính về bạo lực gia đình; định kỳ tổ chức các cuộc họp liên tịch với thành phần là đại diện của các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trong việc phòng, chống bạo lực gia đình và hỗ trợ nạn nhân để trao đổi những khó khăn, thách thức cũng như kinh nghiệm khi triển khai công tác này trên thực tế. Việc chia sẻ thông tin trong các cuộc họp này cần bảo đảm tôn trọng và bảo vệ thông tin cá nhân của nạn nhân.

## 3. Hoạt động nâng cao nhận thức

Các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cũng như các cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho nạn nhân cần tăng cường truyền thông để có thể hiểu thêm về các hoạt động và vai trò của nhau trong nỗ lực chung nhằm ứng phó với bạo lực gia đình. Một số hoạt động lồng ghép truyền thông có hiệu quả như phối hợp tổ chức tập huấn về bạo lực gia đình, họp trao đổi kinh nghiệm định kỳ và đồng tổ chức các hội thảo ở cấp cơ sở.

## PHỤ LỤC

### 1. Tóm tắt các tiêu chuẩn/quy định quốc tế có liên quan

---

Việt Nam đã thể hiện cam kết mạnh mẽ về thúc đẩy bình đẳng giới và chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ thông qua việc phê chuẩn một số điều ước quốc tế quan trọng như: Tuyên ngôn thế giới về quyền con người – 1948; Công ước quốc tế về những quyền dân sự và chính trị (ICCPR); Công ước quốc tế về những quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR); bình đẳng giới (CEDAW) và Công ước quốc tế về quyền trẻ em (CRC).<sup>30</sup> Những điều ước quốc tế này khẳng định rõ tầm quan trọng của việc thừa nhận, bảo vệ và thực hiện các quyền liên quan đến sức khỏe, tính mạng, quyền được bảo vệ và bảo đảm an toàn của nam giới, phụ nữ và trẻ em. Những văn bản này cũng tạo nền tảng vững chắc cho việc hình thành khung pháp luật và chính sách quốc gia giải quyết tình trạng bạo lực trên cơ sở giới ở Việt Nam. Việc nội luật hóa các điều ước quốc tế được thể hiện rõ trong Hiến pháp 1992 và trong hệ thống chính sách pháp luật quốc gia. Chính phủ Việt Nam cũng đã cam kết đạt được các kết quả tại Hội nghị quốc tế về Kế hoạch hành động vì dân số và phát triển tại Cairo 1994, Hội nghị thế giới về cương lĩnh hành động của phụ nữ ở Bắc Kinh năm 1995 và Các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên hợp quốc.<sup>31</sup>

Với việc phê chuẩn các điều ước quốc tế này cũng như nhất trí với các văn kiện quốc tế khác như (Tuyên bố, Nguyên tắc và Hướng dẫn), Việt Nam có nghĩa vụ quốc tế trong việc bảo đảm bình đẳng giới và hành động một cách bền bỉ, miễn cưỡng để ngăn chặn, điều tra làm rõ và xử phạt hành vi bạo lực gia đình đối với phụ nữ.

Bên cạnh những văn kiện của Liên hợp quốc quy định về quyền của con người nói chung, có một số văn kiện tập trung quy định cụ thể về quyền của phụ nữ và trẻ em.

#### **Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)**

- CEDAW là công ước quốc tế toàn diện nhất về quyền của phụ nữ, quy định quyền bình đẳng giữa nam giới và nữ giới trong việc thụ hưởng các quyền lợi kinh tế, xã hội, văn hóa, dân sự và chính trị.
- Công ước không quy định trực tiếp về bạo lực gia đình, tuy nhiên vấn đề này được Ủy ban về xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ (Ủy ban CEDAW) ghi nhận trong Khuyến nghị chung số 19 kỳ họp thứ 11 năm 1992 rằng bạo lực trên cơ sở giới, trong đó có bạo lực gia đình là “*một hình thức phân biệt đối*

---

<sup>30</sup> (1) Việt Nam tham gia các Công ước ICCPR, ICESCR và CEDAW năm 1982; CRC năm 1990.

<sup>31</sup> Nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại Việt Nam, tr 27.

*xử đã cản trở nghiêm trọng khả năng của phụ nữ được hưởng các quyền và tự do trên cơ sở bình đẳng với nam giới”<sup>32</sup>.*

- Các quốc gia thành viên không chỉ có nghĩa vụ nỗ lực không thực hiện hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ mà còn phải ngăn chặn các hành vi của “cá nhân” khác nếu họ không thực hiện trách nhiệm ngăn chặn và trừng phạt những hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ. Đây là nguyên tắc “tích cực thích đáng”.

### **Tuyên bố của Liên hợp quốc về xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ**

- Thừa nhận rằng bạo lực đối với phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội là vấn đề phổ biến, làm suy giảm nguồn thu nhập, sự thanh cao và nền văn hóa; và là “*biểu hiện của mối quan hệ quyền lực bất bình đẳng giữa nam giới và phụ nữ*”.
- Đưa ra định nghĩa rõ ràng và toàn diện về bạo lực đối với phụ nữ và những quyền cần phải được bảo đảm để loại bỏ mọi hình thức bạo lực đối với phụ nữ.
- Phụ nữ có quyền được thụ hưởng bình đẳng và được bảo vệ về các quyền con người, bao gồm quyền được sống, quyền bình đẳng, tự do, được bảo đảm an ninh cá nhân và được bảo vệ bình đẳng theo pháp luật; hoặc các quyền không bị tra tấn hoặc bị đối xử, trừng phạt một cách man rợ, vô nhân đạo, hèn hạ.
- Các quốc gia có nghĩa vụ xử phạt hành vi bạo lực đối với phụ nữ và không được viện dẫn bất kỳ quan điểm về tôn giáo, truyền thống hay phong tục tập quán để né tránh nghĩa vụ loại bỏ bạo lực đối với phụ nữ.
- Các quốc gia phải thực hiện nguyên tắc tích cực thích đáng phù hợp với pháp luật quốc gia để ngăn chặn, điều tra làm rõ và xử phạt hành vi bạo lực đối với phụ nữ dù cho hành vi đó do Nhà nước hay cá nhân thực hiện.
- Các quốc gia có nghĩa vụ xây dựng phương pháp tiếp cận có tính chất phòng ngừa để thúc đẩy bảo vệ phụ nữ khỏi mọi hình thức bạo lực và bảo đảm rằng việc tiếp tục biến phụ nữ thành nạn nhân sẽ không xảy ra do pháp luật thiếu nhạy cảm trong việc xem xét vấn đề giới, thực tiễn thi hành cũng như những can thiệp khác. Các quốc gia phải thực hiện để bảo đảm rằng phụ nữ bị bạo lực, và ở một mức độ phù hợp, con cái của họ sẽ nhận được sự hỗ trợ đặc biệt, như phục hồi chức năng, hỗ trợ chăm sóc và bảo vệ trẻ em, điều trị, tư vấn, các dịch vụ y tế, xã hội khác cũng như hỗ trợ các phương tiện và chương trình khác.

---

<sup>32</sup> Xem Tuyên bố các khuyến nghị chung CEDAW, Quỹ phát triển Phụ nữ Liên Hợp quốc UNIFEM 2009, tr 10.

- Các quốc gia phải thực hiện các biện pháp để bảo đảm rằng các nhân viên thi hành pháp luật và công chức nhà nước khác có trách nhiệm thi hành chính sách ngăn ngừa, điều tra làm rõ và xử phạt hành vi bạo lực đối với phụ nữ được đào tạo để khiến cho họ có sự nhạy cảm với các nhu cầu của phụ nữ.

**Định nghĩa của Liên Hợp quốc về “Bạo lực đối với phụ nữ”**

**Điều 1:** “Bạo lực đối với phụ nữ” được hiểu là bất kỳ hành động bạo lực trên cơ sở giới nào mà gây hậu quả hoặc có nguy cơ gây hậu quả có hại hoặc gây đau khổ cho người phụ nữ về thân thể, tình dục hay tâm lý bao gồm cả các đe dọa thực hiện các hành động đó, ép buộc hoặc tước đoạt sự tự do, dù xảy ra ở nơi công cộng hay trong đời sống riêng tư<sup>33</sup>.

**Điều 2:** “Bạo lực đối với phụ nữ” được hiểu là bao gồm nhưng không giới hạn như sau:

- (a) Là bạo lực về thể xác, tình dục và tâm lý xảy ra trong gia đình, bao gồm: ngược đãi, đánh đập, lạm dụng tình dục đối với trẻ em gái trong gia đình, bạo lực liên quan đến của hồi môn, hãm hiếp trong hôn nhân, làm tổn thương bộ phận sinh dục nữ và thực hiện các hành vi khác gây tổn hại cho phụ nữ, bạo lực ngoài hôn nhân và sự bóc lột;
- (b) Là bạo lực về thể xác, tình dục và tâm lý xảy ra trong cộng đồng, bao gồm: hãm hiếp, lạm dụng và quấy rối tình dục, đe dọa tại nơi làm việc, cơ sở giáo dục hay bất cứ nơi nào, mua bán phụ nữ và ép buộc phụ nữ hành nghề mại dâm;
- (c) Là bạo lực về thể xác, tình dục và tâm lý xảy ra ở bất kỳ đâu do sự vi phạm hay bỏ qua của các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền.

**Chiến lược mô hình và các biện pháp thực hành cập nhật của Liên Hợp quốc về xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ trong lĩnh vực Phòng chống Tội phạm và Tư pháp hình sự (Đại hội đồng LHQ điều chỉnh tháng 12/2010)**

- Các quốc gia thực hiện một loạt các biện pháp để nâng cao pháp luật và quá trình tư pháp hình sự trong việc giải quyết bạo lực đối với phụ nữ.
- Thủ tục tố tụng hình sự phải bảo đảm rằng trách nhiệm chính trong việc truy tố ban đầu là việc của cơ quan truy tố.
- Pháp luật phải bảo đảm rằng công an có quyền vào nhà và tiến hành bắt giữ trong trường hợp bạo lực đối với phụ nữ.
- Phụ nữ phải được có cơ hội ra làm chứng trước tòa bình đẳng với những người làm chứng khác và cần có biện pháp tạo điều kiện cho họ trình bày lời khai trước tòa.
- Chứng cứ về hành vi bạo lực trước đó cần được xem xét trong quá trình xét xử.

<sup>33</sup> Xem Bạo lực trên cơ sở giới. Báo cáo chuyên đề - Liên Hợp quốc tại Việt Nam, Hà Nội, Tháng 5/2010, tr16.

- Tòa án có thẩm quyền ra lệnh bảo vệ nạn nhân hoặc lệnh cấm đối với người gây bạo lực.
- Pháp luật cần bảo đảm rằng mọi hành vi bạo lực đều sẽ bị xử lý nhanh chóng và cơ quan công an có trách nhiệm bảo đảm nhu cầu an toàn cho nạn nhân.
- Kỹ thuật điều tra không được tổn hại đến danh dự của người phụ nữ mà phải giảm thiểu sự can thiệp và duy trì các tiêu chuẩn để có thể thu thập chứng cứ tốt nhất.
- Nhà nước nên khuyến khích phụ nữ tìm đến sự trợ giúp của lực lượng cảnh sát.
- Chính sách hình sự đối với tội phạm liên quan đến bạo lực gia đình cần ràng buộc trách nhiệm của người có hành vi phạm tội, có tính đến tác động của tội phạm đối với nạn nhân và có thể so sánh được với các tội phạm có sử dụng bạo lực khác.
- Quá trình kết án phải tính đến mức độ nghiêm trọng của thiệt hại về thể chất và tâm lý cũng như tác động của việc đối xử tàn nhẫn với nạn nhân, có thể thông qua lời khai của nạn nhân.
- Cần thông qua những biện pháp bảo đảm an toàn cho nạn nhân và người làm chứng trước, trong và sau quá trình tố tụng hình sự.
- Nạn nhân cần phải được hỗ trợ, giúp đỡ trong quá trình xét xử, chẳng hạn như được cung cấp thông tin về quyền và các biện pháp khắc phục hậu quả, bảo đảm cơ chế cũng thủ tục tố tụng tại tòa án có thể tiếp cận được và mang tính nhạy cảm đối với nạn nhân.

## **2. Luật Trợ giúp pháp lý và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định về quyền được trợ giúp pháp lý**

---

Luật Trợ giúp pháp lý số 69/2006/QH11.

### **Điều 10. Người được trợ giúp pháp lý**

1. Người nghèo.
2. Người có công với cách mạng.
3. Người già cô đơn, người tàn tật và trẻ em không nơi nương tựa.
4. Người dân tộc thiểu số thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Nghị định số 07/2007/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý

### **Điều 2. Người được trợ giúp pháp lý**

1. Người nghèo được trợ giúp pháp lý quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Trợ giúp pháp lý là người thuộc chuẩn nghèo theo quy định của pháp luật.

2. Người có công với cách mạng được trợ giúp pháp lý quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật Trợ giúp pháp lý bao gồm:

- a) Người hoạt động cách mạng trước Tổng khởi nghĩa 19 tháng 8 năm 1945;
- b) Bà mẹ Việt Nam anh hùng;
- c) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động;
- d) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- đ) Bệnh binh;
- e) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học;
- g) Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;
- h) Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế;
- i) Người có công giúp đỡ cách mạng;
- k) Cha, mẹ, vợ, chồng của liệt sĩ; con của liệt sĩ chưa đủ 18 tuổi; người có công nuôi dưỡng liệt sĩ.

3. Người già được trợ giúp pháp lý quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật Trợ giúp pháp lý là người từ đủ 60 tuổi trở lên sống độc thân hoặc không có nơi nương tựa.

4. Người tàn tật được trợ giúp pháp lý quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật Trợ giúp pháp lý là người bị khiếm khuyết một hay nhiều bộ phận cơ thể hoặc chức năng biểu hiện dưới những dạng tật khác nhau, làm suy giảm khả năng hoạt động, khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp nhiều khó khăn hoặc là người bị nhiễm chất độc hoá học, bị nhiễm HIV hoặc bị các bệnh khác làm mất năng lực hành vi dân sự mà không có nơi nương tựa.

5. Trẻ em được trợ giúp pháp lý quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật Trợ giúp pháp lý là người dưới 16 tuổi không nơi nương tựa.

6. Người dân tộc thiểu số được trợ giúp pháp lý theo khoản 4 Điều 10 Luật Trợ giúp pháp lý là người thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

7. Các đối tượng khác được trợ giúp pháp lý theo quy định tại điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Thông tư số 07/2011/TT-BTP ngày 31/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý

**Điều 12. Trợ giúp pháp lý để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho phụ nữ**

1. Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm cử người thực hiện trợ giúp pháp lý có kiến thức pháp luật về bình đẳng giới, có kinh nghiệm về giới thực hiện trợ giúp pháp lý trong các lĩnh vực pháp luật (trừ lĩnh vực kinh doanh, thương mại) cho phụ nữ nghèo, phụ nữ thuộc đối tượng chính sách theo quy định tại Điều 10 Luật Trợ giúp pháp lý và Điều 2 Nghị định 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và nữ giới trong các trường hợp sau đây:

- a) Nạn nhân của bạo lực gia đình;
- b) Người đang trong quá trình chuẩn bị thủ tục kết hôn và ly hôn;
- b) Nạn nhân bị mua bán;
- c) Nạn nhân bị bóc lột sức lao động hoặc bị xâm hại tình dục;
- d) Người có tranh chấp, vướng mắc pháp luật, người bị hại, bị can, bị cáo trong thời gian mang thai, đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng;
- đ) Người dân tộc thiểu số ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc người di cư;

- e) Người bị nhiễm HIV;
- g) Người khuyết tật hoặc đang bị các bệnh hiểm nghèo;
- h) Người lao động bị sa thải trái pháp luật hoặc nạn nhân bị lừa đảo trong quan hệ lao động, trong quan hệ hôn nhân gia đình hoặc bị tước đoạt tài sản trái pháp luật.

2. Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý tổ chức các hoạt động nghiệp vụ như trợ giúp pháp lý lưu động, sinh hoạt chuyên đề pháp luật, mở lớp học pháp luật chuyên sâu kết hợp tư vấn pháp luật ngoài giờ hành chính định kỳ hoặc đột xuất khi cần thiết theo quy định của pháp luật để nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 13. Xác định người được trợ giúp pháp lý thuộc nhóm đối tượng đặc thù**

Khi tiếp nhận người được trợ giúp pháp lý là nữ giới, người tiếp nhận phải xác định các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này thông qua tìm hiểu các nhu cầu của người được trợ giúp pháp lý, các dấu hiệu của nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới để kịp thời thu thập thông tin, đề nghị xét nghiệm y tế nếu cần thiết, lưu giữ chứng cứ hoặc đề nghị cử người thực hiện trợ giúp pháp lý phù hợp theo quy định.

Trong trường hợp người được trợ giúp pháp lý là nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới và muốn che giấu việc bị bạo lực, người thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm động viên, giải thích để người được trợ giúp pháp lý cung cấp thông tin về nội dung vụ việc nhằm bảo vệ tốt nhất các quyền và lợi ích hợp pháp của họ hoặc đề nghị áp dụng các biện pháp bảo vệ theo quy định của pháp luật.

### **Điều 14. Bảo đảm bình đẳng giới trong hoạt động tư vấn pháp luật**

Đối với vụ việc tư vấn, người thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm:

1. Cung cấp thông tin cơ bản về pháp luật bình đẳng giới, thông báo các quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý, quyền được bảo vệ khi bị bạo lực trên cơ sở giới, quyền được đối xử công bằng và tôn trọng, chú trọng các quyền của nữ giới theo quy định của pháp luật.

2. Tư vấn cho người được trợ giúp pháp lý về các quy định của pháp luật ở lĩnh vực có liên quan trực tiếp đến vụ việc cũng như những biện pháp liên quan đến vụ việc cần được áp dụng; thu thập thông tin, đưa ra các giải pháp phù hợp để người được trợ giúp pháp lý lựa chọn, trong đó có phân tích các điều luật cụ thể có thể được áp dụng để bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của họ trong và sau khi kết thúc việc trợ giúp pháp lý.

3. Giới thiệu người được trợ giúp pháp lý đến các cơ quan, tổ chức có liên quan và các dịch vụ hỗ trợ khác để được trợ giúp.

### **Điều 15. Bảo đảm bình đẳng giới trong hoạt động tham gia tố tụng**

1. Bảo đảm có sự tham gia của Trợ giúp viên pháp lý hoặc Luật sư công tác viên là nữ hoặc người có kỹ năng trợ giúp pháp lý, có kiến thức về giới thực hiện bào chữa, đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được trợ giúp pháp lý là nữ giới.

2. Người thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm gặp trực tiếp, tìm hiểu nhân thân, điều kiện, hoàn cảnh của người yêu cầu trợ giúp pháp lý, xác minh, thu thập thông tin, bảo quản chứng cứ, chuyển giao chứng cứ và có mặt tại phiên tòa; giải thích cho người được trợ giúp pháp lý về điều luật áp dụng, trình tự, thủ tục pháp luật, trong đó có các quy định riêng của pháp luật đối với nữ giới; thảo luận với người được trợ giúp pháp lý về các biện pháp cần áp dụng ở từng giai đoạn tố tụng và giúp người được trợ giúp pháp lý tự lựa chọn cách giải quyết phù hợp nhất.

3. Trong quá trình thực hiện trợ giúp pháp lý cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này, người thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm giúp người được trợ giúp pháp lý ổn định tâm lý hoặc yêu cầu Tòa án xét xử kín nhằm bảo đảm yêu cầu giữ bí mật cho nạn nhân, sử dụng người hỗ trợ tại tòa để giúp họ chứng thực lời khai, tránh việc liên hệ giữa nạn nhân với người có hành vi vi phạm trong trường hợp nạn nhân bị kích động hoặc bị đe dọa đến danh dự và tính mạng của họ.

### **Điều 16. Bảo đảm bình đẳng giới trong hoạt động đại diện ngoài tố tụng**

1. Người thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm gặp gỡ, tìm hiểu thông tin, phân tích các yêu cầu, điều kiện, hoàn cảnh cụ thể để thống nhất với người được trợ giúp pháp lý về phương án giải quyết vụ việc.

Người thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm giải thích cho người được trợ giúp pháp lý hiểu đầy đủ về các thuật ngữ, các quyết định và hình thức văn bản mà họ đã thỏa thuận; các quyền và nghĩa vụ của họ liên quan tới giải quyết vụ việc, quyền được tôn trọng và quyền không đồng ý phương án giải quyết vụ việc trong quá trình thương lượng.

2. Đối với vụ việc bị bạo lực trên cơ sở giới, người thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm đề nghị áp dụng hoặc hủy bỏ các biện pháp bảo vệ, thương lượng, hoà giải nhằm bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý.

### **3. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007**

---

#### **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Luật này quy định về phòng ngừa bạo lực gia đình, bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống bạo lực gia đình và xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình.

##### **Điều 2. Các hành vi bạo lực gia đình**

1. Các hành vi bạo lực gia đình bao gồm:

a) Hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng;

b) Lãng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm;

c) Cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý gây hậu quả nghiêm trọng;

d) Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau;

đ) Cưỡng ép quan hệ tình dục;

e) Cưỡng ép tảo hôn; cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ;

g) Chiếm đoạt, huỷ hoại, đập phá hoặc có hành vi khác cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình hoặc tài sản chung của các thành viên gia đình;

h) Cưỡng ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính;

i) Có hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở.

2. Hành vi bạo lực quy định tại khoản 1 Điều này cũng được áp dụng đối với thành viên gia đình của vợ, chồng đã ly hôn hoặc nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng.

##### **Điều 3. Nguyên tắc phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Kết hợp và thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống bạo lực gia đình, lấy phòng ngừa là chính, chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục về gia đình, tư vấn, hoà giải phù hợp với truyền thống văn hoá, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

2. Hành vi bạo lực gia đình được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.

3. Nạn nhân bạo lực gia đình được bảo vệ, giúp đỡ kịp thời phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của họ và điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước; ưu tiên bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, người cao tuổi, người tàn tật và phụ nữ.

4. Phát huy vai trò, trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cộng đồng, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống bạo lực gia đình.

#### **Điều 4. Nghĩa vụ của người có hành vi bạo lực gia đình**

1. Tôn trọng sự can thiệp hợp pháp của cộng đồng; chấm dứt ngay hành vi bạo lực.

2. Chấp hành quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

3. Kịp thời đưa nạn nhân đi cấp cứu, điều trị; chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình, trừ trường hợp nạn nhân từ chối.

4. Bồi thường thiệt hại cho nạn nhân bạo lực gia đình khi có yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của nạn nhân bạo lực gia đình**

1. Nạn nhân bạo lực gia đình có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền bảo vệ sức khỏe, tính mạng, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình;

b) Yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, bảo vệ, cấm tiếp xúc theo quy định của Luật này;

c) Được cung cấp dịch vụ y tế, tư vấn tâm lý, pháp luật;

d) Được bố trí nơi tạm lánh, được giữ bí mật về nơi tạm lánh và thông tin khác theo quy định của Luật này;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nạn nhân bạo lực gia đình có nghĩa vụ cung cấp thông tin liên quan đến bạo lực gia đình cho cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền khi có yêu cầu.

#### **Điều 6. Chính sách của Nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Hằng năm, Nhà nước bố trí ngân sách cho công tác phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, tài trợ cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình; phát triển các mô hình phòng ngừa bạo lực gia đình và hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.

3. Khuyến khích việc nghiên cứu, sáng tác văn học, nghệ thuật về phòng, chống bạo lực gia đình.

4. Tổ chức, hỗ trợ việc bồi dưỡng cán bộ làm công tác phòng, chống bạo lực gia đình.

5. Người trực tiếp tham gia phòng, chống bạo lực gia đình mà có thành tích thì được khen thưởng, nếu bị thiệt hại về sức khỏe, tính mạng và tài sản thì được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 7. Hợp tác quốc tế về phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Nhà nước khuyến khích hợp tác quốc tế về phòng, chống bạo lực gia đình trên nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng chủ quyền, phù hợp với pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế.

2. Nội dung hợp tác quốc tế bao gồm:

a) Xây dựng và thực hiện chương trình, dự án, hoạt động về phòng, chống bạo lực gia đình;

b) Tham gia tổ chức quốc tế; ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về phòng, chống bạo lực gia đình;

c) Trao đổi thông tin và kinh nghiệm về phòng, chống bạo lực gia đình.

#### **Điều 8. Những hành vi bị nghiêm cấm**

1. Các hành vi bạo lực gia đình quy định tại Điều 2 của Luật này.

2. Cưỡng bức, kích động, xúi giục, giúp sức người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình.

3. Sử dụng, truyền bá thông tin, hình ảnh, âm thanh nhằm kích động bạo lực gia đình.

4. Trả thù, đe dọa trả thù người giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình, người phát hiện, báo tin, ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình.

5. Cản trở việc phát hiện, khai báo và xử lý hành vi bạo lực gia đình.

6. Lợi dụng hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình để trục lợi hoặc thực hiện hoạt động trái pháp luật.

7. Dung túng, bao che, không xử lý, xử lý không đúng quy định của pháp luật đối với hành vi bạo lực gia đình.

### **Chương II**

## **PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

### **Mục 1**

## **THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN VỀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

**Điều 9. Mục đích và yêu cầu của thông tin, tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Thông tin, tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình nhằm thay đổi nhận thức, hành vi về bạo lực gia đình, góp phần tiến tới xoá bỏ bạo lực gia đình và nâng cao nhận thức về truyền thống tốt đẹp của con người, gia đình Việt Nam.

2. Thông tin, tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- a) Chính xác, rõ ràng, đơn giản, thiết thực;
- b) Phù hợp với từng đối tượng, trình độ, lứa tuổi, giới tính, truyền thống, văn hóa, bản sắc dân tộc, tôn giáo;
- c) Không làm ảnh hưởng đến bình đẳng giới, danh dự, nhân phẩm, uy tín của nạn nhân bạo lực gia đình và các thành viên khác trong gia đình.

#### **Điều 10. Nội dung thông tin, tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Chính sách, pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, bình đẳng giới, quyền và nghĩa vụ của các thành viên gia đình.
2. Truyền thống tốt đẹp của con người, gia đình Việt Nam.
3. Tác hại của bạo lực gia đình.
4. Biện pháp, mô hình, kinh nghiệm trong phòng, chống bạo lực gia đình.
5. Kiến thức về hôn nhân và gia đình; kỹ năng ứng xử, xây dựng gia đình văn hoá.
6. Các nội dung khác có liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình.

#### **Điều 11. Hình thức thông tin, tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Thực hiện trực tiếp.
2. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.
3. Lồng ghép trong việc giảng dạy, học tập tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
4. Thông qua hoạt động văn học, nghệ thuật, sinh hoạt cộng đồng và các loại hình văn hoá quần chúng khác.

### **Mục 2**

## **HÒA GIẢI MÂU THUÃN, TRANH CHẤP GIỮA CÁC THÀNH VIÊN GIA ĐÌNH**

**Điều 12. Nguyên tắc hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình**

1. Kịp thời, chủ động, kiên trì.
2. Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạo đức xã hội và phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.
3. Tôn trọng sự tự nguyện tiến hành hòa giải của các bên.
4. Khách quan, công minh, có lý, có tình.
5. Giữ bí mật thông tin đòi tư của các bên.
6. Tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của người khác; không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng.

7. Không hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Luật này trong những trường hợp sau đây:

a) Vụ việc thuộc tội phạm hình sự, trừ trường hợp người bị hại yêu cầu không xử lý theo quy định của pháp luật hình sự;

b) Vụ việc thuộc hành vi vi phạm pháp luật bị xử lý hành chính.

### **Điều 13. Hoà giải mâu thuẫn, tranh chấp do gia đình, dòng họ tiến hành**

Gia đình có trách nhiệm kịp thời phát hiện và hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình.

Trường hợp gia đình không hòa giải được hoặc có yêu cầu của thành viên gia đình thì người đứng đầu hoặc người có uy tín trong dòng họ chủ động hòa giải hoặc mời người có uy tín trong cộng đồng dân cư hòa giải.

### **Điều 14. Hoà giải mâu thuẫn, tranh chấp do cơ quan, tổ chức tiến hành**

Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa người thuộc cơ quan, tổ chức mình với thành viên gia đình họ khi có yêu cầu của thành viên gia đình; trường hợp cần thiết thì phối hợp với cơ quan, tổ chức ở địa phương để tiến hành hòa giải.

### **Điều 15. Hoà giải mâu thuẫn, tranh chấp do tổ chức hòa giải ở cơ sở tiến hành**

1. Tổ hòa giải ở cơ sở tiến hành hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên hướng dẫn, giúp đỡ, tạo điều kiện cho các tổ chức hòa giải ở cơ sở thực hiện hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình.

## **Mục 3**

### **TƯ VẤN, GÓP Ý, PHÊ BÌNH TRONG CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ VỀ PHÒNG NGỪA BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

#### **Điều 16. Tư vấn về gia đình ở cơ sở**

1. Nhà nước tạo điều kiện và khuyến khích các tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động tư vấn về gia đình ở cơ sở cho các thành viên trong cộng đồng dân cư để phòng ngừa bạo lực gia đình.

2. Tư vấn về gia đình ở cơ sở bao gồm các nội dung sau đây:

a) Cung cấp thông tin, kiến thức, pháp luật về hôn nhân, gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình;

b) Hướng dẫn kỹ năng ứng xử trong gia đình; kỹ năng ứng xử khi có mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình.

3. Việc tư vấn về gia đình ở cơ sở tập trung vào các đối tượng sau đây:

- a) Người có hành vi bạo lực gia đình;
- b) Nạn nhân bạo lực gia đình;
- c) Người nghiện rượu, ma túy, đánh bạc;
- d) Người chuẩn bị kết hôn.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên hướng dẫn, tạo điều kiện cho hoạt động tư vấn về gia đình ở cơ sở.

### **Điều 17. Góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư**

1. Góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư được áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi trở lên có hành vi bạo lực gia đình đã được tổ hòa giải ở cơ sở hoà giải mà tiếp tục có hành vi bạo lực gia đình.

2. Trưởng thôn, làng, bản, ấp, phum, sóc, tổ trưởng tổ dân phố hoặc người đứng đầu đơn vị tương đương (sau đây gọi chung là người đứng đầu cộng đồng dân cư) quyết định và tổ chức việc góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư. Thành phần tham gia góp ý, phê bình bao gồm đại diện gia đình, hộ gia đình liên kê và các thành phần khác do người đứng đầu cộng đồng dân cư mời.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm giúp đỡ, tạo điều kiện cho người đứng đầu cộng đồng dân cư tổ chức việc góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư đối với người có hành vi bạo lực gia đình.

## **Chương III**

### **BẢO VỆ VÀ HỖ TRỢ NẠN NHÂN BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

#### **Mục 1**

#### **CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ, HỖ TRỢ NẠN NHÂN BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

### **Điều 18. Phát hiện, báo tin về bạo lực gia đình**

1. Người phát hiện bạo lực gia đình phải kịp thời báo tin cho cơ quan công an nơi gần nhất hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người đứng đầu cộng đồng dân cư nơi xảy ra bạo lực, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 23 và khoản 4 Điều 29 của Luật này.

2. Cơ quan công an, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người đứng đầu cộng đồng dân cư khi phát hiện hoặc nhận được tin báo về bạo lực gia đình có trách nhiệm kịp thời xử lý hoặc kiến nghị, yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền xử lý; giữ bí mật về nhân thân và trong trường hợp cần thiết áp dụng biện pháp bảo vệ người phát hiện, báo tin về bạo lực gia đình.

### **Điều 19. Biện pháp ngăn chặn, bảo vệ**

1. Các biện pháp ngăn chặn, bảo vệ được áp dụng kịp thời để bảo vệ nạn nhân bạo lực gia đình, chấm dứt hành vi bạo lực gia đình, giảm thiểu hậu quả do hành vi bạo lực gây ra, bao gồm:

- a) Buộc chấm dứt ngay hành vi bạo lực gia đình;
- b) Cấp cứu nạn nhân bạo lực gia đình;
- c) Các biện pháp ngăn chặn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc pháp luật về tổ tụng hình sự đối với người có hành vi bạo lực gia đình;
- d) Cấm người có hành vi bạo lực gia đình đến gần nạn nhân; sử dụng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin khác để có hành vi bạo lực với nạn nhân (sau đây gọi là biện pháp cấm tiếp xúc).

2. Người có mặt tại nơi xảy ra bạo lực gia đình tùy theo tính chất, mức độ của hành vi bạo lực và khả năng của mình có trách nhiệm thực hiện các biện pháp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

3. Thẩm quyền, điều kiện áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc pháp luật về tổ tụng hình sự.

4. Việc áp dụng biện pháp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tại Điều 20 và Điều 21 của Luật này.

#### **Điều 20. Cấm tiếp xúc theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra bạo lực gia đình quyết định áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc trong thời hạn không quá 3 ngày khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có đơn yêu cầu của nạn nhân bạo lực gia đình, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; trường hợp cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có đơn yêu cầu thì phải có sự đồng ý của nạn nhân bạo lực gia đình;

- b) Hành vi bạo lực gia đình gây tổn hại hoặc đe dọa gây tổn hại đến sức khỏe hoặc đe dọa tính mạng của nạn nhân bạo lực gia đình;

- c) Người có hành vi bạo lực gia đình và nạn nhân bạo lực gia đình có nơi ở khác nhau trong thời gian cấm tiếp xúc.

2. Chậm nhất 12 giờ, kể từ khi nhận được đơn yêu cầu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc; trường hợp không ra quyết định thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người yêu cầu biết.

Quyết định cấm tiếp xúc có hiệu lực ngay sau khi ký và được gửi cho người có hành vi bạo lực gia đình, nạn nhân bạo lực gia đình, người đứng đầu cộng đồng dân cư nơi cư trú của nạn nhân bạo lực gia đình.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã ra quyết định cấm tiếp xúc hủy bỏ quyết định đó khi có đơn yêu cầu của nạn nhân bạo lực gia đình hoặc khi nhận thấy biện pháp này không còn cần thiết.

4. Trong trường hợp gia đình có việc tang lễ, cưới hỏi hoặc các trường hợp đặc biệt khác mà người có hành vi bạo lực gia đình và nạn nhân bạo lực gia đình phải tiếp

xúc với nhau thì người có hành vi bạo lực gia đình phải báo cáo với người đứng đầu cộng đồng dân cư nơi cư trú của nạn nhân bạo lực gia đình.

5. Người có hành vi bạo lực gia đình vi phạm quyết định cấm tiếp xúc có thể bị tạm giữ hành chính, xử phạt vi phạm hành chính.

6. Chính phủ quy định cụ thể việc áp dụng, huỷ bỏ biện pháp cấm tiếp xúc và việc xử lý người có hành vi bạo lực gia đình vi phạm quyết định cấm tiếp xúc quy định tại Điều này.

### **Điều 21. Cấm tiếp xúc theo quyết định của Tòa án**

1. Tòa án đang thụ lý hoặc giải quyết vụ án dân sự giữa nạn nhân bạo lực gia đình và người có hành vi bạo lực gia đình quyết định áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc trong thời hạn không quá 4 tháng khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đơn yêu cầu của nạn nhân bạo lực gia đình, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; trường hợp cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có đơn yêu cầu thì phải có sự đồng ý của nạn nhân bạo lực gia đình;

b) Hành vi bạo lực gia đình gây tổn hại hoặc đe dọa gây tổn hại đến sức khỏe hoặc đe dọa tính mạng của nạn nhân bạo lực gia đình;

c) Người có hành vi bạo lực gia đình và nạn nhân bạo lực gia đình có nơi ở khác nhau trong thời gian cấm tiếp xúc.

2. Quyết định cấm tiếp xúc có hiệu lực ngay sau khi ký và được gửi cho người có hành vi bạo lực gia đình, nạn nhân bạo lực gia đình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cộng đồng dân cư nơi cư trú của nạn nhân bạo lực gia đình và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

3. Tòa án nhân dân đã ra quyết định cấm tiếp xúc huỷ bỏ quyết định đó khi có đơn yêu cầu của nạn nhân bạo lực gia đình hoặc khi nhận thấy biện pháp này không còn cần thiết.

4. Trong trường hợp gia đình có việc tang lễ, cưới hỏi hoặc các trường hợp đặc biệt khác mà người có hành vi bạo lực gia đình và nạn nhân phải tiếp xúc với nhau thì người có hành vi bạo lực gia đình phải báo cáo với người đứng đầu cộng đồng dân cư nơi cư trú của nạn nhân bạo lực gia đình.

5. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp cấm tiếp xúc quy định tại Điều này được thực hiện tương tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự về các biện pháp khẩn cấp tạm thời.

### **Điều 22. Giám sát thực hiện quyết định cấm tiếp xúc**

1. Khi nhận được quyết định cấm tiếp xúc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc của Tòa án có thẩm quyền thì người đứng đầu cộng đồng dân cư phối hợp với tổ chức có liên quan ở cơ sở để phân công người giám sát việc thực hiện quyết định cấm tiếp xúc.

2. Người được phân công giám sát có các nhiệm vụ sau đây:

a) Theo dõi việc thực hiện quyết định cấm tiếp xúc giữa người có hành vi bạo lực gia đình và nạn nhân; trường hợp phát hiện người có hành vi bạo lực gia đình tiếp xúc với nạn nhân bạo lực gia đình thì yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình thực hiện nghiêm chỉnh quyết định cấm tiếp xúc;

b) Trường hợp người có hành vi bạo lực gia đình vẫn cố tình tiếp xúc với nạn nhân thì người được phân công giám sát báo cáo cho người đứng đầu cộng đồng dân cư để có biện pháp buộc người có hành vi bạo lực gia đình chấm dứt hành vi của mình.

3. Trong trường hợp người có hành vi bạo lực gia đình được tiếp xúc với nạn nhân bạo lực gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 20 và khoản 4 Điều 21 của Luật này thì các thành viên gia đình có trách nhiệm giám sát để bảo đảm không xảy ra bạo lực gia đình.

### **Điều 23. Chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh**

1. Khi khám và điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, nạn nhân bạo lực gia đình được xác nhận việc khám và điều trị nếu có yêu cầu.

2. Chi phí cho việc khám và điều trị đối với nạn nhân bạo lực gia đình do Quỹ bảo hiểm y tế chi trả đối với người có bảo hiểm y tế.

3. Nhân viên y tế khi thực hiện nhiệm vụ của mình có trách nhiệm giữ bí mật thông tin về nạn nhân bạo lực gia đình; trường hợp phát hiện hành vi bạo lực gia đình có dấu hiệu tội phạm phải báo ngay cho người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để báo cho cơ quan công an nơi gần nhất.

### **Điều 24. Tư vấn cho nạn nhân bạo lực gia đình**

1. Nạn nhân bạo lực gia đình được tư vấn về chăm sóc sức khỏe, ứng xử trong gia đình, pháp luật và tâm lý để giải quyết tình trạng bạo lực gia đình.

2. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, cá nhân hoặc tổ chức quy định tại các điều 27, 28, 29 và 30 của Luật này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm thực hiện việc tư vấn phù hợp cho nạn nhân bạo lực gia đình.

### **Điều 25. Hỗ trợ khẩn cấp các nhu cầu thiết yếu**

Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên, tổ chức xã hội khác tại địa phương và các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình thực hiện hỗ trợ khẩn cấp các nhu cầu thiết yếu cho nạn nhân bạo lực gia đình trong trường hợp cần thiết.

## **Mục 2**

### **CƠ SỞ TRỢ GIÚP NẠN NHÂN BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

#### **Điều 26. Cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình**

1. Cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình là nơi chăm sóc, tư vấn, tạm lánh, hỗ trợ những điều kiện cần thiết khác cho nạn nhân bạo lực gia đình.

2. Cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình bao gồm:

- a) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;
- b) Cơ sở bảo trợ xã hội;
- c) Cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình;
- d) Cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình;
- đ) Địa chỉ tin cậy ở cộng đồng.

3. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn hoạt động trợ giúp nạn nhân của các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình.

### **Điều 27. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh**

1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện việc chăm sóc y tế theo quy định tại Điều 23 của Luật này và tư vấn về sức khỏe.

2. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước, ngoài việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, tùy theo khả năng và điều kiện thực tế, bố trí nơi tạm lánh cho nạn nhân bạo lực gia đình trong thời gian không quá 1 ngày theo yêu cầu của nạn nhân bạo lực gia đình.

### **Điều 28. Cơ sở bảo trợ xã hội**

Cơ sở bảo trợ xã hội thực hiện việc chăm sóc, tư vấn tâm lý, bố trí nơi tạm lánh và hỗ trợ các điều kiện cần thiết khác cho nạn nhân bạo lực gia đình.

### **Điều 29. Cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình và cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tham gia thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; hỗ trợ kinh phí cho một số cơ sở hỗ trợ, cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình theo chương trình, kế hoạch về phòng, chống bạo lực gia đình; kinh phí hỗ trợ, đối tượng được hỗ trợ do Chính phủ quy định.

2. Theo quy chế hoạt động hoặc chức năng, nhiệm vụ của mình, cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình được cung cấp các dịch vụ tư vấn về pháp luật, tâm lý, chăm sóc sức khỏe, bố trí nơi tạm lánh và các điều kiện cần thiết khác cho nạn nhân bạo lực gia đình.

3. Cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình phải có các điều kiện sau đây:

a) Có cơ sở vật chất và nhân lực chuyên môn phù hợp với nội dung hoạt động trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình;

b) Có nguồn tài chính bảo đảm chi phí cho các hoạt động trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình.

4. Nhân viên tư vấn phải có phẩm chất đạo đức tốt và bảo đảm yêu cầu về chuyên môn theo quy định của pháp luật đối với lĩnh vực tư vấn. Trong quá trình tư vấn cho nạn

nhân bạo lực gia đình, nhân viên tư vấn có trách nhiệm giữ bí mật thông tin về nạn nhân bạo lực gia đình; trường hợp phát hiện hành vi bạo lực gia đình có dấu hiệu tội phạm phải báo ngay cho người đứng đầu cơ sở để báo cho cơ quan công an nơi gần nhất.

### **Điều 30. Địa chỉ tin cậy ở cộng đồng**

1. Địa chỉ tin cậy ở cộng đồng là cá nhân, tổ chức có uy tín, khả năng và tự nguyện giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình tại cộng đồng dân cư.

2. Cá nhân, tổ chức thông báo về việc nhận làm địa chỉ tin cậy, nơi đặt địa chỉ tin cậy với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt địa chỉ tin cậy.

3. Tùy theo điều kiện và khả năng thực tế, địa chỉ tin cậy ở cộng đồng tiếp nhận nạn nhân bạo lực gia đình, hỗ trợ, tư vấn, bố trí nơi tạm lánh cho nạn nhân và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền biết.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách và công bố các địa chỉ tin cậy ở cộng đồng; thực hiện việc hướng dẫn, tổ chức tập huấn về phòng, chống bạo lực gia đình và bảo vệ địa chỉ tin cậy ở cộng đồng trong trường hợp cần thiết.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn và các tổ chức thành viên có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp trong việc tuyên truyền, vận động, xây dựng các địa chỉ tin cậy ở cộng đồng.

## **Chương IV**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁ NHÂN, GIA ĐÌNH, CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

#### **Điều 31. Trách nhiệm của cá nhân**

1. Thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng, chống ma túy, mại dâm và các tệ nạn xã hội khác.

2. Kịp thời ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình và thông báo cho cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền.

#### **Điều 32. Trách nhiệm của gia đình**

1. Giáo dục, nhắc nhở thành viên gia đình thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng, chống ma túy, mại dâm và các tệ nạn xã hội khác.

2. Hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình; can ngăn người có hành vi bạo lực gia đình chấm dứt hành vi bạo lực; chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình.

3. Phối hợp với cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư trong phòng, chống bạo lực gia đình.

4. Thực hiện các biện pháp khác về phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của Luật này.

### **Điều 33. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên**

1. Tuyên truyền, giáo dục, khuyến khích, động viên hội viên và nhân dân chấp hành pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng, chống ma túy, mại dâm và các tệ nạn xã hội khác .

2. Kiến nghị những biện pháp cần thiết với cơ quan nhà nước có liên quan để thực hiện pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng, chống ma túy, mại dâm và các tệ nạn xã hội khác; tham gia phòng, chống bạo lực gia đình, chăm sóc, hỗ trợ và bảo vệ nạn nhân bạo lực gia đình.

3. Tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

### **Điều 34. Trách nhiệm của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam**

1. Thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 33 của Luật này.

2. Tổ chức cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.

3. Tổ chức các hoạt động dạy nghề, tín dụng, tiết kiệm để hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.

4. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.

### **Điều 35. Cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình.

4. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình tại địa phương.

5. Hằng năm, trong báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã trước Hội đồng nhân dân cùng cấp về tình hình kinh tế - xã hội phải có nội dung về tình hình và kết quả phòng, chống bạo lực gia đình tại địa phương.

### **Điều 36. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

1. Xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch về phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch về phòng, chống bạo lực gia đình.

3. Hướng dẫn thực hiện hoạt động tư vấn về gia đình ở cơ sở; việc thành lập, giải thể cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.

4. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan ban hành và tổ chức thực hiện quy định về bồi dưỡng cán bộ làm công tác phòng, chống bạo lực gia đình.

5. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

6. Thực hiện hợp tác quốc tế về phòng, chống bạo lực gia đình.

7. Chủ trì, hướng dẫn công tác tổng hợp, phân tích về tình hình phòng, chống bạo lực gia đình; chỉ đạo thực hiện chế độ báo cáo thống kê về phòng, chống bạo lực gia đình; chỉ đạo tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, nhân rộng các mô hình phòng, chống bạo lực gia đình.

8. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc biên tập, cung cấp thông tin về phòng, chống bạo lực gia đình.

### **Điều 37. Trách nhiệm của Bộ Y tế**

1. Ban hành và tổ chức thực hiện quy chế về tiếp nhận, chăm sóc y tế đối với bệnh nhân là nạn nhân bạo lực gia đình tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2. Hướng dẫn các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện thống kê, báo cáo các trường hợp bệnh nhân là nạn nhân bạo lực gia đình.

3. Ban hành quy trình chữa trị nghiện rượu.

### **Điều 38. Trách nhiệm của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội**

1. Chỉ đạo việc lồng ghép nội dung phòng, chống bạo lực gia đình vào các chương trình xoá đói giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm.

2. Hướng dẫn việc thực hiện trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình tại các cơ sở bảo trợ xã hội.

### **Điều 39. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhà trường và các cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm chỉ đạo việc lồng ghép kiến thức phòng, chống bạo lực gia đình vào các chương trình giáo dục, đào tạo phù hợp với yêu cầu của từng ngành học, cấp học.

2. Nhà trường và các cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân có trách nhiệm thực hiện chương trình giáo dục lồng ghép kiến thức phòng, chống bạo lực gia đình.

**Điều 40. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan thông tin đại chúng**

1. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm thông tin kịp thời, chính xác chính sách, pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

**Điều 41. Trách nhiệm của cơ quan Công an, Tòa án, Viện kiểm sát**

Cơ quan Công an, Tòa án, Viện kiểm sát trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nạn nhân bạo lực gia đình; chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình; phối hợp, tạo điều kiện cho cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình thực hiện nhiệm vụ thống kê về phòng, chống bạo lực gia đình.

**Chương V**

**XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG  
BẠO LỰC GIA ĐÌNH VÀ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO**

**Điều 42. Xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Người có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân có hành vi bạo lực gia đình nếu bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định của khoản 1 Điều này thì bị thông báo cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý người đó để giáo dục.

3. Chính phủ quy định cụ thể các hành vi vi phạm hành chính về phòng, chống bạo lực gia đình, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

**Điều 43. Áp dụng các biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng**

1. Người thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình đã được góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư mà trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày áp dụng biện pháp này vẫn có hành vi bạo lực gia đình nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì có thể bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

2. Người có hành vi bạo lực gia đình đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà tiếp tục thực hiện hành vi bạo lực gia đình nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì có thể bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục; đối với người dưới 18 tuổi thì có thể bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng.

3. Thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

**Điều 44. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo**

Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

**Chương VI**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 45. Hiệu lực thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2008.

**Điều 46. Hướng dẫn thi hành**

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành đối với luật này.

## **4. Nghị định số 110/2009/NĐ-CP ngày 10/12/2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bạo lực gia đình**

---

### **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền và thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình là hành vi bạo lực gia đình và các hành vi khác do tổ chức, cá nhân thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính.

3. Các hành vi vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình không quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan; hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình đối với trẻ em thì thực hiện xử phạt theo quy định của pháp luật xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình thì bị xử phạt theo các quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan về xử phạt vi phạm hành chính.

Cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì bị xử phạt theo quy định của Nghị định này.

2. Đối với những hành vi vi phạm chế độ công vụ của cán bộ, công chức trong khi thi hành nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

3. Người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình thì bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 và Điều 7 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

#### **Điều 3. Nguyên tắc xử phạt**

Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình chủ yếu nhằm giáo dục người vi phạm nhận thức được sai phạm, tự nguyện sửa chữa, thực hiện nghĩa vụ mà pháp luật quy định hoặc chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và để răn đe, phòng ngừa chung.

#### **Điều 4. Các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả**

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình, cá nhân, tổ chức vi phạm bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt chính sau:

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền.

Mức phạt tiền cụ thể đối với từng hành vi vi phạm được quy định tại Chương II Nghị định này.

Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình có thể bị phạt tiền từ 100.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau:

- a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, Chứng chỉ hành nghề;
- b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

3. Ngoài các hình thức xử phạt được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau:

- a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;
- b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra;
- c) Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng, văn hóa phẩm độc hại;
- d) Buộc xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu.

4. Người nước ngoài vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình trên lãnh thổ Việt Nam còn có thể bị xử phạt trục xuất. Trục xuất được áp dụng là hình thức xử phạt chính hoặc xử phạt bổ sung trong từng trường hợp cụ thể. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng hình thức xử phạt trục xuất thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về xử phạt trục xuất theo thủ tục hành chính.

#### **Điều 5. Tình tiết giảm nhẹ**

1. Người có hành vi bạo lực gia đình đã tự hạn chế, làm giảm bớt tác hại của hành vi bạo lực hoặc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại.

2. Người có hành vi bạo lực gia đình đã tự nguyện khai báo và thành thật hối lỗi.

3. Thực hiện hành vi bạo lực gia đình trong tình trạng bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra.

4. Thực hiện hành vi bạo lực gia đình do bị ép buộc hoặc bị lệ thuộc về vật chất hoặc tinh thần.

5. Người có hành vi bạo lực gia đình là người phụ nữ có thai, người chưa thành niên, người già yếu, người có bệnh hoặc tàn tật làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

6. Vi phạm vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không do mình gây ra.

7. Thực hiện hành vi bạo lực gia đình do trình độ lạc hậu.

### **Điều 6. Tình tiết tăng nặng**

1. Thực hiện hành vi bạo lực gia đình có tổ chức.

2. Thực hiện hành vi bạo lực gia đình nhiều lần hoặc đã bị xử lý vi phạm hành chính do thực hiện hành vi bạo lực gia đình mà vẫn tái phạm.

3. Xúi giục, lôi kéo người chưa thành niên vi phạm, ép buộc người bị lệ thuộc vào mình về vật chất, tinh thần thực hiện hành vi bạo lực gia đình.

4. Thực hiện hành vi bạo lực gia đình trong tình trạng say do thùng rượu, bia hoặc các chất kích thích khác.

5. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm.

6. Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, hoàn cảnh thiên tai hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để vi phạm.

7. Thực hiện hành vi bạo lực gia đình trong thời gian đang chấp hành hình phạt của bản án hình sự hoặc đang chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

8. Tiếp tục thực hiện hành vi bạo lực gia đình mặc dù người có thẩm quyền đã yêu cầu chấm dứt hành vi đó.

9. Sau khi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che giấu vi phạm hành chính.

### **Điều 7. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính**

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình là một năm, kể từ ngày hành vi vi phạm hành chính được thực hiện.

2. Đối với cá nhân đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án thì bị xử phạt vi phạm hành chính nếu hành vi của người đó có dấu hiệu vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình; trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, người đã ra quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án phải gửi quyết định và hồ sơ vụ vi phạm cho người có thẩm quyền xử phạt. Trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là ba tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án và hồ sơ vụ vi phạm.

3. Trong thời hạn được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nếu cá nhân, tổ chức vi phạm tiếp tục có hành vi vi phạm hành chính mới trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt được tính kể từ thời điểm thực hiện hành vi vi phạm hành chính mới hoặc từ thời điểm cá nhân, tổ chức chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

4. Nếu quá thời hạn được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì người có hành vi vi phạm không bị xử phạt nhưng vẫn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

#### **Điều 8. Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính**

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình, nếu qua một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

### **Chương II**

## **HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH, HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT**

#### **Điều 9. Hành vi đánh đập hoặc hành vi khác xâm hại sức khỏe thành viên gia đình**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với hành vi đánh đập gây thương tích cho thành viên gia đình.

2. Phạt tiền từ trên 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Sử dụng hung khí đánh đập gây thương tích cho thành viên gia đình;

b) Không kịp thời đưa nạn nhân đi cấp cứu điều trị trong trường hợp nạn nhân cần được cấp cứu kịp thời, không chăm sóc nạn nhân trong thời gian điều trị chấn thương do hành vi bạo lực gia đình, trừ trường hợp nạn nhân từ chối.

3. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Buộc xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu đối với các hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

#### **Điều 10. Hành vi hành hạ, ngược đãi thành viên gia đình**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với hành vi thường xuyên gây tổn hại về sức khỏe, gây tổn thương về tinh thần đối với thành viên gia đình mà không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Phạt tiền từ trên 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Đối xử tồi tệ với thành viên gia đình như: bắt nhịn ăn, nhịn uống, bắt chịu rét, mặc rách, không cho hoặc hạn chế vệ sinh cá nhân, giam hãm ở nơi có môi trường độc hại, nguy hiểm;

b) Ép buộc thành viên gia đình thực hiện hành vi trái pháp luật;

c) Bỏ mặc không chăm sóc thành viên gia đình là người già, yếu, tàn tật, phụ nữ có thai, phụ nữ nuôi con nhỏ;

d) Thường xuyên dọa nạt thành viên gia đình bằng các hình ảnh, con vật, đồ vật mà người đó sợ;

đ) Nuôi các con vật, trồng các loại cây gây hại cho sức khỏe của thành viên gia đình tại nơi ở của thành viên đó;

e) Ép buộc thành viên gia đình phải xem, nghe, đọc những văn hóa phẩm đồi trụy, kinh dị.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng, văn hóa phẩm độc hại, thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh đối với hành vi quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều này;

b) Buộc xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu đối với các hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

### **Điều 11. Hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của thành viên gia đình**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với hành vi lăng mạ, chửi bới, chì chiết thành viên gia đình.

2. Phạt tiền từ trên 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tiết lộ hoặc phát tán tư liệu thuộc bí mật đời tư của thành viên gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm;

b) Phát tán tờ rơi hoặc sử dụng các phương tiện thông tin xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên gia đình;

c) Phổ biến, phát tán bài viết, hình ảnh, âm thanh về vụ bạo lực gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nạn nhân;

d) Cường ép thành viên gia đình lột bỏ quần áo trước mặt người khác hoặc nơi công cộng.

3. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều này;

b) Buộc xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu đối với các hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

## **Điều 12. Hành vi cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cấm thành viên gia đình ra khỏi nhà, ngăn cản thành viên gia đình gặp gỡ người thân, bạn bè hoặc có các mối quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh nhằm mục đích cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý đối với thành viên đó;

b) Không cho thành viên gia đình thực hiện quyền làm việc;

c) Không cho thành viên gia đình đọc sách, báo, nghe, xem chương trình phát thanh, truyền hình hoặc tiếp cận với thông tin đại chúng hàng ngày;

d) Thường xuyên đòi hỏi thành viên gia đình đáp ứng yêu cầu vượt quá khả năng của họ;

đ) Đe dọa tự gây thương tích hoặc tự gây thương tích cho mình để đòi hỏi thành viên gia đình đáp ứng yêu cầu của mình;

e) Thường xuyên theo dõi thành viên gia đình vì lý do ghen tuông gây tổn hại đến danh dự, uy tín, nhân phẩm của thành viên đó;

g) Không cho thành viên gia đình tham gia các hoạt động xã hội hợp pháp, lành mạnh;

h) Có hành vi khác gây áp lực thường xuyên về tâm lý đối với thành viên gia đình.

2. Phạt tiền từ trên 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi buộc thành viên gia đình phải chứng kiến cảnh bạo lực đối với người, con vật.

3. Phạt tiền từ trên 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Buộc thành viên gia đình phải chứng kiến cảnh sinh hoạt tình dục;

b) Buộc vợ hoặc chồng của người có hành vi bạo lực sống chung một nhà hoặc ngủ chung phòng với người tình của người có hành vi bạo lực;

c) Cưỡng ép thành viên gia đình thực hiện các hành động khiêu dâm, sử dụng các loại thuốc kích dục;

d) Có hành vi kích động tình dục hoặc lạm dụng thân thể đối với các thành viên gia đình mà thành viên đó không phải là vợ, chồng;

đ) Có hành vi bạo lực trong sinh hoạt tình dục của vợ chồng mà người vợ hoặc chồng không muốn.

4. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả.

a) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

b) Buộc xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu đối với các hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

**Điều 13. Hành vi ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau**

Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con, trừ trường hợp cha mẹ bị hạn chế quyền chăm nom con theo quyết định của Tòa án; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau.

**Điều 14. Hành vi vi phạm quy định về chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng**

Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

1. Từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn; từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ nuôi dưỡng giữa anh, chị, em với nhau, giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu theo quy định của pháp luật;

2. Từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng, nuôi dưỡng cha, mẹ; nghĩa vụ cấp dưỡng, chăm sóc con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

**Điều 15. Hành vi cưỡng ép kết hôn, ly hôn, tảo hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện tiến bộ**

Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

1. Cưỡng ép người khác kết hôn, ly hôn, tảo hôn bằng cách hành hạ, ngược đãi, uy hiếp tinh thần hoặc bằng thủ đoạn khác.

2. Cản trở người khác kết hôn, ly hôn, cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ bằng cách hành hạ, ngược đãi, uy hiếp tinh thần, yêu sách của cải hoặc bằng thủ đoạn khác.

**Điều 16. Hành vi bạo lực về kinh tế**

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không cho thành viên gia đình sử dụng tài sản chung vào mục đích chính đáng;

b) Kiểm soát chặt chẽ nguồn tài chính của thành viên gia đình hoặc nguồn tài chính chung của gia đình nhằm tạo cho thành viên gia đình sự phụ thuộc về tài chính;

c) Buộc thành viên gia đình đóng góp tài chính vượt quá khả năng của họ;

d) Đập phá tài sản riêng của mình nhằm gây áp lực về tâm lý đối với thành viên gia đình;

đ) Có hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành viên gia đình hoặc tài sản chung gia đình.

2. Phạt tiền từ trên 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Chiếm đoạt tài sản riêng của thành viên gia đình;

b) Chiếm đoạt tài sản chung của gia đình để sử dụng vào mục đích cá nhân;

c) Ép buộc thành viên gia đình lao động quá sức hoặc làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại hoặc làm những công việc khác trái với quy định của pháp luật về lao động;

d) Ép buộc thành viên gia đình đi ăn xin hoặc lang thang kiếm sống.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi đối với hành vi quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này.

### **Điều 17. Hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp của họ**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp của họ.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thường xuyên đe dọa bằng bạo lực để buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp của họ;

b) Buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp của họ vào ban đêm hoặc lúc trời mưa, bão, gió rét;

c) Thực hiện các hành vi nhằm tạo ra tình trạng khó khăn trong sinh hoạt hàng ngày để buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi hoặc buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh đối với các hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

### **Điều 18. Hành vi bạo lực đối với người ngăn chặn, phát hiện, báo tin bạo lực gia đình, người giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Đe dọa người ngăn chặn, phát hiện, báo tin bạo lực gia đình, người giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình;

b) Xúc phạm danh dự, nhân phẩm người ngăn chặn, phát hiện, báo tin bạo lực gia đình, người giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Hành hung người ngăn chặn, phát hiện, báo tin bạo lực gia đình, người giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình;

b) Đập phá, hủy hoại tài sản của người ngăn chặn, phát hiện, báo tin bạo lực gia đình, người giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình.

3. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

c) Buộc xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu đối với các hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

### **Điều 19. Hành vi cưỡng bức, kích động, xúi giục, giúp sức người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi kích động, xúi giục, giúp sức người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình.

2. Phạt tiền từ trên 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi cưỡng bức người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình.

### **Điều 20. Hành vi cố ý không ngăn chặn, báo tin hành vi bạo lực gia đình và cản trở việc ngăn chặn, báo tin, xử lý hành vi bạo lực gia đình**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Biết hành vi bạo lực gia đình, có điều kiện ngăn chặn mà không ngăn chặn dẫn đến hậu quả nghiêm trọng;

b) Biết hành vi bạo lực gia đình mà không báo tin cho cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền;

c) Có hành vi cản trở người khác phát hiện, khai báo hành vi bạo lực gia đình.

2. Phạt tiền từ trên 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi cản trở việc xử lý hành vi bạo lực gia đình.

**Điều 21. Hành vi sử dụng, truyền bá thông tin, hình ảnh, âm thanh nhằm kích động hành vi bạo lực gia đình**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng, truyền bá thông tin, hình ảnh, âm thanh nhằm kích động hành vi bạo lực gia đình.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi miêu tả tỉ mỉ những hành động dâm ô, chém giết rùng rợn về bạo lực gia đình trong các bản tin, bài viết, hình ảnh của báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng nhằm kích động bạo lực gia đình.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

**Điều 22. Hành vi tiết lộ thông tin về nạn nhân bạo lực gia đình**

Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với nhân viên y tế, nhân viên tư vấn, phóng viên các cơ quan truyền thông, người thi hành công vụ trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình có một trong các hành vi sau:

1. Tiết lộ thông tin cá nhân của nạn nhân bạo lực gia đình mà không được sự đồng ý của nạn nhân hoặc người giám hộ của nạn nhân làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của nạn nhân;

2. Cố ý tiết lộ hoặc tạo điều kiện cho người có hành vi bạo lực biết nơi tạm lánh của nạn nhân bạo lực gia đình.

**Điều 23. Hành vi lợi dụng hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình để trục lợi**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Đòi tiền của nạn nhân hoặc người nhà nạn nhân sau khi có hành động giúp đỡ nạn nhân bạo lực gia đình;

b) Yêu cầu thanh toán chi phí sinh hoạt của nạn nhân ở địa chỉ tin cậy tại cộng đồng;

c) Lợi dụng hoàn cảnh khó khăn của nạn nhân bạo lực gia đình để yêu cầu họ thực hiện hành vi trái pháp luật.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thành lập cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình, cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình để hoạt động trục lợi;

b) Lợi dụng hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, Chứng chỉ hành nghề đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

**Điều 24. Hành vi vi phạm quy định về đăng ký hoạt động đối với cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình hoạt động ngoài phạm vi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc không đáp ứng đủ điều kiện trong quá trình hoạt động.

2. Phạt tiền từ trên 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình hoạt động khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc không đăng ký hoạt động.

**Điều 25. Hành vi vi phạm quyết định cấm tiếp xúc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cố tình tiếp xúc với nạn nhân bạo lực gia đình trong thời gian thi hành quyết định cấm tiếp xúc;

b) Sử dụng điện thoại, phương tiện thông tin khác để đe dọa, chửi bới, xúc phạm nạn nhân bạo lực gia đình.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

**Chương III**

**THẨM QUYỀN VÀ THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

**Điều 26. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;

đ) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra;

e) Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng, văn hóa phẩm độc hại.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, Chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, Chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp buộc xin lỗi công khai khi nạn nhân có yêu cầu, các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều này.

### **Điều 27. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Công an nhân dân**

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000 đồng.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

3. Trưởng Công an cấp xã được áp dụng các hình thức xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định này.

4. Trưởng Công an cấp huyện, Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động từ cấp đại đội trở lên, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát trật tự có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, Chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 26 Nghị định này.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, Chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 26 Nghị định này.

e) Quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Công an.

6. Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, Chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 26 Nghị định này.

### **Điều 28. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội biên phòng**

1. Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 200.000 đồng.

2. Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này, Trạm trưởng Trạm kiểm soát biên phòng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

3. Trưởng Đoàn biên phòng, Chỉ huy trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Tiểu khu biên phòng, Chỉ huy trưởng biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 26 Nghị định này.

4. Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh, Chỉ huy trưởng Hải đoàn biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 26 Nghị định này.

**Điều 29. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

1. Thanh tra viên Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 26 Nghị định này.

2. Chánh Thanh tra Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, Chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 26 Nghị định này.

3. Chánh Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, Chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 26 Nghị định này.

### **Điều 30. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính**

1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính. Trong trường hợp phạt tiền thì thẩm quyền xử phạt được xác định căn cứ vào mức tối đa của khung tiền phạt quy định đối với từng hành vi vi phạm cụ thể. Trường hợp vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người thì việc xử phạt do người thụ lý đầu tiên thực hiện.

2. Trong trường hợp xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt được xác định theo nguyên tắc sau:

a) Nếu hình thức, mức phạt được quy định đối với từng hành vi đều thuộc thẩm quyền của người xử phạt thì thẩm quyền xử phạt vẫn thuộc người đó;

b) Nếu hình thức, mức phạt được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền của người xử phạt thì người đó phải chuyển vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền xử phạt.

### **Điều 31. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính**

Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình được thực hiện theo quy định tại các điều từ Điều 20 đến Điều 38 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 32. Hiệu lực thi hành**

- 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2010.
- 2. Bãi bỏ Điều 7, Điều 10, quy định đối với hành vi ngược đãi, hành hạ thành viên gia đình tại Điều 11, Điều 12 và Điều 15 Nghị định số 87/2001/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2001 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

#### **Điều 33. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

## 5. Tóm tắt một số quy định của Bộ luật Hình sự

---

### • Điều 93 – Tội giết người

(1) Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình:

(b) Giết phụ nữ mà biết là có thai.

(q) Vi động cơ đê hèn.

*Lưu ý: Người thực hiện trợ giúp pháp lý có thể xem xét việc sử dụng quyền lực và kiểm soát đối với vợ có được coi là “động cơ đê hèn” hay không.*

*Người thực hiện trợ giúp pháp lý không nên coi các lý do mà người gây bạo lực vin vào đó để thực hiện các hành vi bạo lực như vợ “nói quá nhiều”, “lười biếng” hay “ghen tuông” là sự khiêu khích, chọc tức cũng như sử dụng các tình tiết này để làm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của kẻ giết người để áp dụng tội Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh theo Điều 95 Bộ luật Hình sự.*

### • Điều 103 – Tội đe dọa giết người

1. Người nào đe dọa giết người, nếu có căn cứ làm cho người bị đe dọa lo sợ rằng việc đe dọa này sẽ được thực hiện, thì bị phạt Cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

*Lưu ý: Việc chồng đe dọa vợ trong trường hợp bạo lực gia đình có thể xem là đã đến mức “làm cho người bị đe dọa lo sợ rằng việc đe dọa này sẽ được thực hiện”.*

### • Điều 100 – Tội bức tử

1. Người nào đối xử tàn ác, thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc mình làm người đó tự sát, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

*Lưu ý: Việc lặp đi lặp lại các hành vi bạo lực gia đình có thể đạt đến mức “đối xử tàn ác, thường xuyên ức hiếp, ngược đãi hoặc làm nhục người lệ thuộc vào mình”.*

### • Điều 98 - Tội vô ý làm chết người

1. Người nào vô ý làm chết người thì bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

*Lưu ý: Người gây bạo lực khi đánh vợ dù vô ý nhưng dẫn đến chết người thì có thể phải chịu trách nhiệm hình sự theo Tội này..*

*Khoản 4 Điều 104 quy định về trường hợp người gây bạo lực cố ý gây thương tích cho nạn nhân nhưng dẫn đến hậu quả chết người.*

### • Điều 111 - Tội hiếp dâm

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu với nạn nhân trái với ý muốn của họ thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

*Lưu ý: Luật không loại trừ việc áp dụng Tội hiếp dâm đối với những người có quan hệ gia đình.*

*Quan điểm văn hóa phổ biến về vấn đề tình dục giữa vợ và chồng là người chồng có quyền đòi hỏi còn người vợ có nghĩa vụ đáp ứng. Quan điểm này phản ánh thực trạng thiếu áp dụng quy định về Tội hiếp dâm đối với vụ việc bạo lực gia đình (bạo lực tình dục). Tuy nhiên, cần phải làm rõ rằng Bộ luật Hình sự không loại trừ việc áp dụng Điều 111 đối với hành vi hiếp dâm giữa vợ chồng. Thêm vào đó, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình cũng ghi nhận “cưỡng ép quan hệ tình dục” là một trong những hành vi bạo lực gia đình (điểm đ khoản 1 Điều 2), điều này phản ánh sự thay đổi tích cực trong quan niệm văn hóa về bạo lực gia đình.*

*Thách thức trong trường hợp bạo lực tình dục trong gia đình là “gánh nặng chứng cứ”. Bởi vì nạn nhân có quan hệ tình dục ngoài ý muốn nhưng do sự khác biệt về sức mạnh nên không thể phản kháng.*

*Trong một số trường hợp hình phạt được áp dụng sẽ ở mức cao hơn, chẳng hạn như phạm tội nhiều lần; làm nạn nhân có thai hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỉ lệ thương tật từ 31% đến 60%.*

- **Điều 113 – Tội cưỡng dâm**

1. Người nào dùng mọi thủ đoạn khiến người lệ thuộc mình hoặc người đang ở trong tình trạng quần bách phải miễn cưỡng giao cấu, thì bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

*Lưu ý: Quy định này bao gồm cả trường hợp cưỡng ép quan hệ tình dục trong hôn nhân.*

*“Người lệ thuộc” bao gồm nhiều hình thức: lệ thuộc về tôn giáo, về tài chính, về công việc... trong đó có cả sự lệ thuộc của vợ đối với chồng.*

- **Điều 110 - Tội hành hạ người khác**

1. Người nào đối xử tàn ác với người lệ thuộc mình thì bị cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

*Lưu ý: Trong trường hợp thương tích chưa đến mức theo quy định tại Điều 104 Bộ luật Hình sự, người thực hiện trợ giúp pháp lý nên cân nhắc theo hướng đối xử tàn ác với người lệ thuộc mình để áp dụng quy định này.*

- **Điều 121 - Tội làm nhục người khác**

1. Người nào xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

*Lưu ý: về mức độ được coi là “xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác”.*

• **Điều 108 - Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác**

1. Người nào vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

*Lưu ý: Bạo lực gia đình thường được sử dụng để duy trì quyền lực và sự kiểm soát đối với người khác và việc sử dụng bạo lực trong trường hợp này không được coi là hành vi không thể kiểm soát. Vì vậy, cần hết sức thận trọng khi xem xét xem hành vi bạo lực có phải là “vô ý” hay không.*

• **Điều 146 - Tội cưỡng ép kết hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ**

1. Người nào cưỡng ép người khác kết hôn trái với sự tự nguyện của họ, cản trở người khác kết hôn hoặc duy trì quan hệ hôn nhân tự nguyện, tiến bộ bằng cách hành hạ, ngược đãi, uy hiếp tinh thần, yêu sách của cải hoặc bằng thủ đoạn khác đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

*Lưu ý: Cần chứng minh có hay không việc cưỡng ép người khác kết hôn trái với sự tự nguyện của họ, cản trở người khác kết hôn hoặc duy trì quan hệ hôn nhân tự nguyện, tiến bộ bằng cách hành hạ, ngược đãi, uy hiếp tinh thần, yêu sách của cải.*

**Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-BTP-BCA-TANDTC-VKSNDTC ngày 25/9/2001 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao giải thích rõ thế nào là “hành hạ, ngược đãi” và “uy hiếp tinh thần”.** Theo đó:

“Hành hạ, ngược đãi” là đối xử tàn ác, tồi tệ đối với người khác gây đau khổ về thể xác hoặc tinh thần kéo dài, như: thường xuyên đánh đập (có thể không gây thương tích), giam hãm, bắt nhịn ăn, nhịn uống, bắt chịu rét, nhức móc, làm nhục v.v...

“Uy hiếp tinh thần” là đe dọa sẽ gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, tài sản hoặc lợi ích thiết thân của người bị đe dọa làm cho người đó có căn cứ để lo sợ thực sự mà phải chịu khuất phục như đe dọa sẽ đốt nhà, giết người thân, tiết lộ bí mật đời tư của người bị đe dọa, bố mẹ hoặc người thân trong gia đình đe dọa sẽ tự tử nếu hai bên nam nữ lấy nhau, con đe dọa là sẽ bỏ nhà hoặc tự tử nếu bố, mẹ lấy vợ, lấy chồng mới v.v...

- **Điều 152 - Tội từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng**

1. Người nào có nghĩa vụ cấp dưỡng và có khả năng thực tế để thực hiện việc cấp dưỡng đối với người mà mình có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật mà cố ý từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

- **Điều 130 - Tội xâm phạm quyền bình đẳng của phụ nữ**

Người nào dùng vũ lực hoặc có hành vi nghiêm trọng khác cản trở phụ nữ tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, khoa học, văn hoá xã hội, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến một năm.

- **Điều 143 - Tội huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản**

1. Người nào huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác gây thiệt hại từ từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

- **Điều 123 - Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật**

1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

*Lưu ý: Quy định này được áp dụng khi người chồng ngăn không cho người vợ ra khỏi nhà bằng cách khóa cửa phòng của cô ấy.*

- **Điều 132 - Tội xâm phạm quyền khiếu nại, tố cáo**

1. Người nào trả thù người khiếu nại, tố cáo thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

*Lưu ý: Quy định này có thể được áp dụng trong trường hợp người chồng tạo áp lực khiến nạn nhân rút đơn, từ bỏ việc khởi kiện hoặc không đưa ra được các chứng cứ.*

*Khoản 1 Điều này quy định hình phạt đối với người lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở việc khiếu nại, tố cáo. Quy định này có thể được áp dụng đối với công an hoặc nhà chức trách ở địa phương những người đã thuyết phục nạn nhân tham gia hòa giải khi hành vi có dấu hiệu cấu thành tội phạm.*

## 6. Xác định mức độ nghiêm trọng của vụ việc và biện pháp xử lý : hình sự, hành chính hoặc biện pháp khác

Các phần trên xác định các hành vi bạo lực gia đình bị xử lý khi gây ra “hậu quả nghiêm trọng”. Khó có thể xác định khi nào thì những hậu quả do hành vi bạo lực gia đình gây ra là nghiêm trọng. Cần tiến hành đánh giá các thủ tục pháp lý có liên quan khi tiến hành điều tra một cách toàn diện và đầy đủ trong trường hợp này.

Việc xác định “hậu quả nghiêm trọng” phụ thuộc vào một vài yếu tố như mức độ tổn hại nạn nhân phải chịu; mức độ thường xuyên hoặc lịch sử của hành vi bạo lực gia đình đã được ghi nhận cũng như những biện pháp xử lý trước đó đã được áp dụng đối với người gây ra bạo lực.

<b>Mức độ và 04 hình thức xử lý vụ việc bạo lực gia đình</b>			
<b>Mức độ 1: Xử lý hình sự</b>	<b>Mức độ 2: Xử phạt hành chính</b>	<b>Mức độ 3: Cộng đồng lên án</b>	<b>Mức độ 4: Thông tin cảnh báo và hòa giải</b>
<b>Bạo lực thể xác:</b> như hành hạ, đánh đập, ngược đãi, tra tấn hoặc hành vi khác nhằm làm tổn hại đến sức khỏe, tính mạng của người khác			
<b>Xử lý hình sự</b>  (1) Hành vi phạm tội lần đầu và tỉ lệ thương tật của nạn nhân là trên 11% thì quy định tại Điều 104. Để đánh giá tỉ lệ thương tật, cần trưng cầu giám định pháp y.  (2) Những hành vi như hành hạ, ngược đãi thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và gây “hậu quả nghiêm trọng” có thể bị áp dụng Điều 151. “Hậu quả nghiêm trọng” tức là làm cho người bị ngược đãi, hành hạ luôn luôn bị giày vò về mặt tình cảm, bị	<b>Xử lý hành chính</b>  (1) Áp dụng đối với hành vi vi phạm lần đầu và tỉ lệ thương tật của nạn nhân dưới 11%. Chưa có hướng dẫn cụ thể mức thương tật tối thiểu là bao nhiêu sẽ bị xử phạt hành chính. Do đó, thẩm quyền quyết định việc xử lý hành chính đối với hành vi vi phạm lần đầu trong trường hợp này khá rộng. Nói chung, người đầu tiên xử lý vụ việc cần dựa vào yêu cầu của nạn nhân cũng như mức độ ảnh hưởng đến hàng xóm, cộng đồng dân cư.  (2) Mức độ thường xuyên: nếu đã hòa giải;	<b>Góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư</b>  (1) Được áp dụng khi tỉ lệ thương tật là không đáng kể, hành vi bạo lực vẫn tiếp diễn trong vòng 12 tháng kể từ khi hòa giải.  (2) Áp dụng đối với vi phạm lần đầu, tỉ lệ thương tật lớn đến mức không thể áp dụng biện pháp hòa giải nhưng chưa đến mức bị xử phạt hành chính	<b>Hòa giải</b>  Tỉ lệ thương tật: không đáng kể.  Tần suất: vi phạm lần đầu

<p>tổn thất về danh dự, đau khổ về tinh thần hoặc bị thương tích, tổn hại đến sức khỏe.</p> <p>(3) Nếu hành vi là cố ý và dẫn đến hậu quả là nạn nhân chết thì áp dụng Điều 93 (Tội giết người). Nếu là vô ý thì áp dụng Điều 98 (Tội vô ý làm chết người).</p> <p>(4) Nếu tỉ lệ thương tật dưới 11% và chưa nghiêm trọng đến mức áp dụng Điều 151 hay Điều 110, thì để xác định xem hành vi đó có cấu thành tội phạm hình sự hay không cần xem người gây bạo lực đã từng bị xử lý hành chính (cảnh cáo, phạt tiền, đưa vào cơ sở chữa bệnh, giáo dục ở cộng đồng, trường giáo dưỡng...) vì hành vi tương tự hay chưa.</p>	<p>góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư nhưng hành vi bạo lực gia đình vẫn tiếp diễn thì người gây ra bạo lực cần bị xử lý hành chính.</p> <p>Các biện pháp xử lý hành chính khác nhau có thể được áp dụng tùy thuộc vào tính chất, mức độ của hành vi bạo lực gia đình. Chẳng hạn: cảnh cáo, phạt tiền, giáo dục bắt buộc tại cộng đồng, đưa vào cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng</p>		
<p><b>Bạo lực tinh thần</b>, như lăng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm; cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý gây hậu quả nghiêm trọng</p> <p><i>Rất khó xác định ngưỡng tổn thương hay mức độ nghiêm trọng của hậu quả do hành vi bạo lực tinh thần gây ra</i></p>			
<p><b>Xử lý hình sự</b></p> <p>Áp dụng Điều 121 – Tội làm nhục người khác, tổn thương được xác định là xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự. Để đánh giá mức độ</p>	<p><b>Xử lý hành chính</b></p> <p>Áp dụng trong trường hợp người gây ra bạo lực làm tổn hại đến nhân phẩm, danh dự những chưa đến mức cấu thành tội phạm hình sự.</p> <p>Nghị định số</p>	<p><b>Góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư</b></p> <p>Áp dụng đối với trường hợp tiếp tục có hành vi bạo lực tinh thần trong thời gian</p>	<p><b>Hòa giải</b></p> <p>Những hành vi bạo lực tinh thần nhỏ, chẳng hạn như người gây bạo lực đã hứa hẹn, cam</p>

<p>ngghiêm trọng cần dựa vào cường độ, tính liên tục của hành vi, thái độ cũng như nhận thức của người gây bạo lực hoặc hành động được thực hiện đối với nhiều người.</p> <p>Áp dụng Điều 151 – Tội ngược đãi hoặc hành hạ, tổn thương trong trường hợp này là hậu quả nghiêm trọng. Tội phạm được cấu thành bởi những hành vi lặp đi lặp lại và kéo dài. “Hậu quả nghiêm trọng” tức là làm cho người bị ngược đãi, hành hạ luôn luôn bị giày vò về mặt tinh cảm, bị tổn thất về danh dự, đau khổ về tinh thần hoặc bị thương tích, tổn hại đến sức khỏe.</p>	<p>110/2009/NĐ-CP quy định chi tiết và dẫn chứng cụ thể từng loại hành vi bạo lực gia đình và mức phạt hành chính đối với mỗi hành vi.</p> <p>Chẳng hạn:</p> <p>Thường xuyên dọa nạt thành viên gia đình bằng các hình ảnh, con vật, đồ vật mà người đó sợ (Điểm d khoản 2 Điều 10).</p> <p>Tiết lộ hoặc phát tán tư liệu thuộc bí mật đời tư của thành viên gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm (Điểm a khoản 2 Điều 11).</p> <p>Cưỡng ép thành viên gia đình lột bỏ quần áo trước mặt người khác hoặc nơi công cộng (Điểm d khoản 2 Điều 11).</p> <p>Cấm thành viên gia đình ra khỏi nhà, ngăn cản thành viên gia đình gặp gỡ người thân, bạn bè hoặc có các mối quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh nhằm mục đích cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý đối với thành viên đó (Điểm a khoản 1 Điều 12).</p>	<p>12 tháng kể từ khi hòa giải, chẳng hạn như bất hứa, cam kết trước cộng đồng.</p>	<p>kết sửa chữa một vài lần</p>
<p><b>Bạo lực tình dục</b>, chẳng hạn, chồng cưỡng ép vợ quan hệ tình dục</p> <p><i>Một thách thức trong việc giải quyết bạo lực gia đình là nạn nhân phải miễn cưỡng quan hệ tình dục nhưng không thể tự vệ vì sự khác biệt về sức mạnh giữa chồng và vợ.</i></p>			
<p><b>Xử lý hình sự</b></p> <p>Áp dụng quy định tại Điều 111 trong một số</p>	<p><b>Xử lý hành chính</b></p> <p>Nghị định số 110/2009/NĐ-CP quy</p>	<p><b>Góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư</b></p>	<p><b>Hòa giải</b></p>

<p>trường hợp sau:</p> <p>(i) Dùng vũ lực cưỡng ép quan hệ tình dục, như đẩy, đánh, đấm, tát khi nạn nhân không muốn quan hệ tình dục.</p> <p>(ii) Đe dọa sử dụng vũ lực buộc người khác miễn cưỡng quan hệ tình dục như đe dọa giết hoặc đánh nếu nạn nhân từ chối, chẳng hạn như khiến nạn nhân tin tưởng vào điều tồi tệ sẽ xảy ra nếu nạn nhân không đáp ứng yêu cầu quan hệ tình dục.</p> <p>(iii) tận dụng tình trạng không thể phản kháng của nạn nhân hoặc dùng thủ đoạn khác để có quan hệ tình dục với nạn nhân</p> <p>Áp dụng Điều 113 - Tội cưỡng dâm: trong trường hợp người chồng buộc người vợ lệ thuộc vào mình miễn cưỡng quan hệ tình dục.</p>	<p>định chi tiết và dẫn chứng cụ thể từng loại hành vi bạo lực gia đình và mức phạt hành chính đối với mỗi hành vi.</p> <p>Chẳng hạn:</p> <p>Có hành vi bạo lực trong sinh hoạt tình dục của vợ chồng mà người vợ không muốn (Điểm đ khoản 3 Điều 12).</p>	<p>Không áp dụng trong trường hợp này.</p>	<p>Không áp dụng trong trường hợp này.</p>
<p><b>Bạo lực kinh tế</b>, cưỡng ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính</p>			
<p><b>Xử lý hình sự</b></p> <p>Áp dụng theo Điều 152 – Tội từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng, nếu hành vi được thực hiện với</p>	<p><b>Xử lý hành chính</b></p> <p>Nghị định số 110/2009/NĐ-CP quy định chi tiết và dẫn chứng cụ thể từng loại hành vi bạo lực gia đình</p>	<p><b>Góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư</b></p> <p>Trong vòng 12 tháng kể từ khi hòa giải, tiếp tục có hành vi bạo</p>	<p><b>Hòa giải</b></p> <p>Áp dụng đối với hành vi nhỏ như bắt vợ làm việc quá sức.</p>

<p>“lỗi cố ý” và gây ra “hậu quả nghiêm trọng”. Hậu quả nghiêm trọng ở đây có thể là nạn nhân hoặc con của họ ốm hoặc chết.</p> <p>Điều 152 cũng quy định rằng người gây bạo lực đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm.</p> <p>Điều 143 – Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản cũng có thể được áp dụng đối với hình thức bạo lực kinh tế.</p>	<p>và mức phạt hành chính đối với mỗi hành vi.</p> <p>Chẳng hạn:</p> <p>Không cho thành viên gia đình sử dụng tài sản chung vào mục đích chính đáng (Điểm a khoản 1 Điều 16).</p> <p>Kiểm soát chặt chẽ nguồn tài chính của thành viên gia đình hoặc nguồn tài chính chung của gia đình nhằm tạo cho thành viên gia đình sự phụ thuộc về tài chính (Điểm b khoản 1 Điều 16).</p> <p>Buộc thành viên gia đình đóng góp tài chính vượt quá khả năng của họ (Điểm c khoản 1 Điều 16).</p> <p>Đập phá tài sản riêng của mình nhằm gây áp lực về tâm lý đối với thành viên gia đình (Điểm d khoản 1 Điều 16).</p>	<p>lực về kinh tế hoặc bất kỳ hành vi bạo lực nào, người gây bạo lực cần bị góp ý, phê bình ở cộng đồng.</p>	
---	--	--	--

## **7. Các quy định về Hòa giải trong Luật Phòng, chống bạo lực gia đình**

---

### **PHẦN 2 – HÒA GIẢI XUNG ĐỘT, TRANH CHẤP GIỮA CÁC THÀNH VIÊN TRONG GIA ĐÌNH**

#### **Điều 12. Nguyên tắc hoà giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình**

1. Kịp thời, chủ động, kiên trì.
2. Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạo đức xã hội và phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.
3. Tôn trọng sự tự nguyện tiến hành hoà giải của các bên.
4. Khách quan, công minh, có lý, có tình.
5. Giữ bí mật thông tin đời tư của các bên.
6. Tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của người khác; không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng.
7. Không hoà giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên trong gia đình quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Luật này trong những trường hợp sau:

(a) Vụ việc thuộc tội phạm hình sự, trừ trường hợp người bị hại yêu cầu không xử theo quy định của pháp luật hình sự;

(b) Vụ việc thuộc hành vi vi phạm pháp luật bị xử lý hành chính

#### **Điều 13. Hoà giải mâu thuẫn, tranh chấp do gia đình, dòng họ tiến hành**

Gia đình có trách nhiệm kịp thời phát hiện và hoà giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình.

Trường hợp gia đình không hoà giải được hoặc có yêu cầu của thành viên gia đình thì người đứng đầu hoặc người có uy tín trong dòng họ chủ động hoà giải hoặc mời người có uy tín trong cộng đồng dân cư hoà giải.

#### **Điều 14. Hoà giải mâu thuẫn, tranh chấp do cơ quan, tổ chức tiến hành**

Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm hoà giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa người thuộc cơ quan, tổ chức mình với thành viên gia đình họ khi có yêu cầu của thành viên gia đình. Trường hợp cần thiết thì phối hợp với cơ quan, tổ chức ở địa phương để tiến hành hoà giải.

#### **Điều 15. Hoà giải mâu thuẫn, tranh chấp do tổ chức hoà giải ở cơ sở tiến hành**

1. Tổ hoà giải ở cơ sở tiến hành hoà giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở.
2. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên hướng dẫn, giúp đỡ, tạo điều kiện cho các tổ chức hoà giải ở cơ sở thực hiện hoà giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình.